

THƯ MỜI

Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng trân trọng kính mời Quý Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2026 với nội dung cụ thể như sau:

1. Thời gian tổ chức Đại hội: Lúc 7^h00', Thứ 3 – ngày 28/4/2026 (đón khách từ 6^h45' đăng ký tham dự, quét mã nhận tài liệu; khai mạc Đại hội 7^h30').

2. Địa điểm: Tại trụ sở chính Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng, số 422 Võ Văn Kiệt, Khu vực 12, Phường Phú Lợi, Thành phố Cần Thơ (Mã số doanh nghiệp: 2200177456).

3. Nội dung Đại hội:

Nội dung chương trình, tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 được Công ty đăng tải tại Mục "Quan hệ cổ đông" của website: www.ctdtst.vn/quan-he-co-dong từ ngày 06/4/2026 và gửi tài liệu đến Quý Cổ đông khi tham dự Đại hội.

4. Đăng ký dự họp:

Để chuẩn bị cơ sở vật chất đón tiếp Đại biểu, Quý Cổ đông vui lòng Đăng ký dự Đại hội tại Văn phòng Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội về địa chỉ dưới đây trước ngày 23/4/2026.

5. Ủy quyền tham dự Đại hội:

Trường hợp ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội, Quý Cổ đông vui lòng điền vào mẫu Giấy ủy quyền dự Đại hội và gửi Giấy ủy quyền đã ký về địa chỉ dưới đây trước ngày 23/4/2026 hoặc xuất trình khi người nhận ủy quyền đến dự Đại hội.

(Lưu ý: Giấy ủy quyền phải là bản chính, có chữ ký sống. Trường hợp nhận ủy quyền từ Cổ đông tổ chức thì cần có dấu của tổ chức ủy quyền.)

6. Địa chỉ gửi văn bản và liên hệ hỗ trợ:

Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng (Mã chứng khoán: USD).

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, Khu vực 12, Phường Phú Lợi, Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại - Fax: (0299) 3822 354.

Liên hệ: Bà Quách Thị Quý Hiền (0387059909).

Cổ đông hoặc người nhận ủy quyền đến dự Đại hội vui lòng mang theo các giấy tờ sau:

- Thư mời họp và Giấy ủy quyền (nếu có); Giấy ủy quyền theo mẫu Công ty hoặc theo quy định của Luật Dân sự.

- Căn cước hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu.

Rất hân hạnh được đón tiếp Quý Cổ đông tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Quý Cổ đông;
- UBCKNN, Sở GDCKHN;
- Website Công ty;
- Lưu VT.



Lâm Hữu Cường



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐĂNG KÝ DỰ HỌP HOẶC ỦY QUYỀN
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Kiểm tra: Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng (Mã chứng khoán: USD)

Tên Cổ đông:.....

Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):

CC/CCCD/Hộ chiếu/CNĐKDN số:..... cấp ngày/...../..... tại.....

Địa chỉ: Điện thoại:

Tổng số cổ phần đại diện hoặc sở hữu: cổ phần.

(Cổ đông chọn một trong hai mục dưới đây, đánh dấu vào ô thích hợp)

1. ĐĂNG KÝ DỰ HỌP

2. ỦY QUYỀN CHO

Tên cá nhân/tổ chức:

CC/CCCD/Hộ chiếu/GPĐKKD số:..... cấp ngày/...../..... tại.....

Địa chỉ:

Điện thoại: Email :.....

Số cổ phần được ủy quyền: cổ phần.

HOẶC

Trong trường hợp Cổ đông không thể tham dự và không ủy quyền được cho người khác, Quý Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên HĐQT của Công ty theo danh sách dưới đây:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Đánh dấu chọn	Số CP ủy quyền
01	Lâm Hữu Tùng	Chủ tịch HĐQT		
02	Đào Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT		
03	Đậu Đức Hiền	Thành viên HĐQT		
04	Hồ Thống Nhất	Thành viên HĐQT		
05	Lâm Xuân Mai	Thành viên HĐQT		

(Lưu ý: Vui lòng đánh dấu (X) bên cạnh tên người mà Quý Cổ đông chọn ủy quyền và ghi rõ số lượng cổ phần ủy quyền)

Nội dung ủy quyền:

- Bên nhận ủy quyền được đại diện cho Bên ủy quyền thực hiện việc tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng tổ chức vào ngày **28 tháng 4 năm 2026** và đại diện Bên ủy quyền biểu quyết thông qua các nội dung hợp lệ trong chương trình Đại hội với tư cách là đại diện cho số cổ phần được nhận ủy quyền nêu trên.

- Bên ủy quyền hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Lưu ý:

- Việc thực hiện ủy quyền phải tuân thủ theo các quy định liên quan của Luật Dân sự, Điều lệ Công ty. Người nhận ủy quyền phải mang theo CC/CCCD/Hộ chiếu và giấy ủy quyền khi tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2026. Nếu bên ủy quyền hoặc bên nhận ủy quyền là tổ chức thì phải có chữ ký của đại diện pháp luật và dấu của tổ chức.

- Giấy ủy quyền này chỉ có giá trị khi là giấy ủy quyền có chữ ký sống của hai bên. Giấy ủy quyền này sẽ hết giá trị khi buổi tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng kết thúc.

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 2026

CỔ ĐÔNG/BÊN ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG
Số 422 Võ Văn Kiệt, Khu vực 12, Phường Phú Lợi, Thành phố Cần Thơ
Điện thoại – fax: (0299) 3 822.354 - (0299) 3 825.900
(Mã chứng khoán: USD)



**TÀI LIỆU HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2026**

Cần Thơ, tháng 4 năm 2026

**CHƯƠNG TRÌNH HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**



1. Thời gian: Thứ ba, ngày 28/4/2026.

2. Địa điểm: Hội trường Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng, Số 422 Võ Văn Kiệt, Khu vực 12, Phường Phú Lợi, Thành phố Cần Thơ.

Thời gian	Nội dung
6 ^h 30' - 7 ^h 30' (60 phút)	- Đón tiếp Đại biểu và Cổ đông. - Kiểm tra tư cách Cổ đông và phát Phiếu biểu quyết, quét mã QR để nhận tài liệu.
7 ^h 30' - 7 ^h 45' (15 phút)	Khai mạc Đại hội.
	- Giới thiệu khách mời. - Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.
7 ^h 45' - 8 ^h 15' (30 phút)	Giới thiệu Đoàn Chủ tọa, Ban Thư ký.
	- Thông qua nhân sự Ban Kiểm phiếu.
	- Thông qua Chương trình Đại hội. - Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.
8 ^h 15' - 9 ^h 45' (90 phút)	Các nội dung trình Đại hội:
	1. Báo cáo kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.
	2. Báo cáo kết quả thực hiện các dự án đầu tư trong năm 2025 và Phương hướng đầu tư năm 2026.
	3. Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2025.
	4. Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026.
	5. Báo cáo thực hiện tiền lương của Người điều hành doanh nghiệp năm 2025; Báo cáo thực hiện thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025; Tờ trình kế hoạch thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2026.
	6. Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026.
7. Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và Phương hướng hoạt động năm 2026.	



	8. Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026.
	9. Tờ trình về việc cập nhật sửa đổi ngành, nghề kinh doanh theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.
	10. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty.
	11. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
	12. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
	13. Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (nếu có).
9 ^h 45' - 10 ^h 00' (15 phút)	<i>Nghỉ giải lao 15 phút</i>
10 ^h 00' - 10 ^h 45' (45 phút)	- Ý kiến thảo luận, phát biểu. - Ban Kiểm phiếu hướng dẫn biểu quyết. - Đại hội biểu quyết thông qua các Báo cáo và Tờ trình Đại hội. - Ban Kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết các nội dung trình Đại hội.
10 ^h 45' - 11 ^h 00' (15 phút)	Biểu quyết và thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.
11 ^h 00' - 11 ^h 20' (20 phút)	Công tác Khen thưởng (<i>dự kiến nếu còn thời gian sẽ thông qua, trường hợp không còn thời gian Công ty sẽ tổ chức sau trong cuộc họp sơ kết của Công ty</i>).
11 ^h 20' - 11 ^h 25' (05 phút)	Bế mạc Đại hội.





TÀI LIỆU HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

STT	Nội dung
I	Chương trình Đại hội
II	Dự thảo Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (<i>Quy chế số 01/QC.ĐHĐCĐ-CTĐT ngày 28/4/2026</i>)
III	Các nội dung báo cáo Đại hội (<i>Tờ trình số 07/TT.HĐQT-CTĐT ngày 06/4/2026</i>)
1	Báo cáo kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 (<i>Báo cáo số 03/BC.HĐQT-CTĐT ngày 06/4/2026</i>)
2	Báo cáo kết quả thực hiện các dự án đầu tư trong năm 2025 và Phương hướng đầu tư năm 2026 (<i>Báo cáo số 04/BC.HĐQT-CTĐT ngày 06/4/2026</i>)
3	Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2025 (<i>Báo cáo số 05/BC.HĐQT-CTĐT ngày 06/4/2026</i>)
4	Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 (<i>Tờ trình số 01/TT.HĐQT-CTĐT ngày 06/4/2026</i>)
5	Báo cáo thực hiện tiền lương của Người điều hành doanh nghiệp năm 2025; Báo cáo thực hiện thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025; Tờ trình Kế hoạch thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2026 (<i>Báo cáo số 06/BC.HĐQT-CTĐT ngày 06/4/2026, Báo cáo số 07/BC.HĐQT-CTĐT ngày 06/4/2026 và Tờ trình số 02/TT.HĐQT-CTĐT ngày 06/4/2026</i>)
6	Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026 (<i>Báo cáo số 02/BC.HĐQT-CTĐT ngày 26/3/2026</i>)
7	Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và Phương hướng hoạt động năm 2026 (<i>Báo cáo số 01/BC.BKS-CTĐT ngày 26/3/2026</i>)
8	Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 (<i>Tờ trình số 01/TT.BKS-CTĐT ngày 26/3/2026</i>)
9	Tờ trình về việc cập nhật sửa đổi ngành, nghề kinh doanh theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam (<i>Tờ trình số 03/TT.HĐQT-CTĐT ngày 06/4/2026</i>)
10	Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty (<i>Tờ trình số 04/TT.HĐQT-CTĐT ngày 06/4/2026</i>)
11	Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (<i>Tờ trình số 05/TT.HĐQT-CTĐT ngày 06/4/2026</i>)



12	Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (Tờ trình số 06/TT.HĐQT-CTĐT ngày 06/4/2026)
IV	Dự thảo Nghị quyết Đại hội (Nghị quyết số 01/NQ.ĐHĐCĐ-CTĐT ngày 28/4/2026)



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Ngày 28 tháng 04 năm 2026



PHIẾU BIỂU QUYẾT

Họ và tên:

.....

Mã số Cổ đông:

...

SỐ CỔ PHẦN BIỂU QUYẾT

.....CP

BAO GỒM:

- **CỔ PHẦN SỞ HỮU: CP**

- **CỔ PHẦN ĐƯỢC ỦY QUYỀN: CP**



QUY CHẾ

Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (sau đây gọi tắt là "Đại hội") của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng (sau đây gọi tắt là "Công ty").
2. Quy chế này quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của cổ đông, đại diện được ủy quyền của cổ đông và các bên tham dự Đại hội; điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội và biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội.

Chương II QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG - NGƯỜI THAM DỰ ĐẠI HỘI

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Điều kiện tham dự Đại hội

Cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt quyền tham dự Đại hội (ngày 27/3/2026) có quyền trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân, tổ chức khác dự Đại hội theo quy định của Quy chế này, Điều lệ của Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và quy định của pháp luật.

2. Quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:

- a) Được trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội;
- b) Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
- c) Được Ban tổ chức Đại hội thông báo công khai nội dung chương trình Đại hội, bao gồm:
 - c.1) Báo cáo kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026;
 - c.2) Báo cáo kết quả thực hiện các dự án đầu tư trong năm 2025 và Phương hướng đầu tư năm 2026;
 - c.3) Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2025;
 - c.4) Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026;

c.5) Báo cáo thực hiện tiền lương của Người điều hành doanh nghiệp năm 2025; Báo cáo thực hiện thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025; Tờ trình kế hoạch thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2026;

c.6) Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026;

c.7) Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và Phương hướng hoạt động năm 2026;

c.8) Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026;

c.9) Tờ trình về việc cập nhật sửa đổi ngành, nghề kinh doanh theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;

c.10) Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty;

c.11) Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;

c.12) Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;

c.13) Các nội dung khác (nếu có).

d) Tại Đại hội, mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền sau khi đăng ký tham dự Đại hội với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông sẽ được cấp 01 Phiếu biểu quyết (Họ tên cổ đông, mã số cổ đông, số cổ phần có quyền biểu quyết). Quý Cổ đông quét mã QR trước cửa hội trường để nhận tài liệu Đại hội.

e) Giá trị biểu quyết của Phiếu biểu quyết tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông/đại diện được ủy quyền của cổ đông có mặt tại Đại hội.

f) Các cổ đông, đại diện được ủy quyền khi dự họp Đại hội được thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung nêu tại Điểm c Khoản 2 Điều 2 của Quy chế này.

g) Đối với cổ đông là cá nhân chỉ được ủy quyền cho tối đa 01 cá nhân hoặc 01 tổ chức khác dự họp; Trường hợp cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền cho tối đa một 01 người dự họp Đại hội đồng cổ đông, từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền cho tối đa 02 người dự họp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu biểu quyết được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Trường hợp chủ sở hữu, thành viên, cổ đông Công ty không xác định phần vốn góp, số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, phần vốn góp, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.

h) Trường hợp cổ đông, đại diện được ủy quyền đến dự Đại hội muộn so với giờ quy định, có quyền đăng ký tham dự Đại hội và có quyền biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi. Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm cộng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông đến muộn vào tổng

số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội để tính tỷ lệ biểu quyết thông qua các nội dung tiếp sau theo chương trình Đại hội.

3. Nghĩa vụ của cổ đông khi tham dự Đại hội:

a) Cổ đông hay đại diện được ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội phải mang theo giấy tờ sau:

- Thư mời họp;
- CCCD/CC/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (nếu là tổ chức);
- Văn bản ủy quyền tham dự Đại hội (theo quy định tại Khoản 2, Điều 16 Điều lệ Công ty).

Cổ đông chỉ được chính thức tham dự và biểu quyết tại Đại hội sau khi đã thực hiện các thủ tục đăng ký và chứng minh tư cách cổ đông, đại diện được ủy quyền của cổ đông là hợp lệ với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông.

b) Trong thời gian diễn ra Đại hội, cổ đông, đại diện được ủy quyền của cổ đông phải nghiêm túc chấp hành nội quy tại Đại hội, tuân thủ theo sự hướng dẫn, điều khiển của Chủ tọa, tôn trọng kết quả làm việc của Đại hội, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

c) Trường hợp vì lý do cổ đông, đại diện được ủy quyền của cổ đông phải rời khỏi cuộc họp trước khi Đại hội biểu quyết thì cá nhân này có trách nhiệm liên hệ với Ban Kiểm phiếu để thông báo ý kiến của mình bằng văn bản về những vấn đề biểu quyết tại Đại hội. Trường hợp rời cuộc họp trước khi Đại hội biểu quyết mà không thông báo với Ban Kiểm phiếu thì coi như cổ đông, đại diện được ủy quyền của cổ đông không biểu quyết các nội dung còn lại.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông do Chủ tọa cử, có chức năng và nhiệm vụ như sau:

1. Kiểm tra tư cách dự họp của các cổ đông, đại diện được ủy quyền của cổ đông dựa trên các tài liệu mà họ xuất trình: CCCD/CC/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu pháp lý tương đương; Thư mời họp; Văn bản ủy quyền tham dự Đại hội và các tài liệu khác kèm theo (nếu có).

2. Phát Phiếu biểu quyết và các tài liệu của Đại hội cho cổ đông, đại diện được ủy quyền của cổ đông.

3. Trường hợp người đến dự họp không có đầy đủ tư cách tham dự Đại hội thì Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối quyền dự họp của người đó, từ chối cấp Phiếu biểu quyết và từ chối việc phát tài liệu của Đại hội.

4. Tổng hợp kết quả kiểm tra và báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách các cổ đông, đại diện được ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội.

5. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có quyền lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa, Đoàn Chủ tọa và Ban Thư ký Đại hội

1. Chủ tịch HĐQT Công ty làm Chủ tọa Đại hội và có quyền hạn, trách nhiệm như sau:

a. Chủ trì, điều khiển Đại hội; Chủ tọa tiến hành các công việc cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ, có trật tự, và đảm bảo Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông, đại diện được ủy quyền của cổ đông tham dự;

b. Quyết định về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội;

c. Chủ tọa giới thiệu Đoàn Chủ tọa, Ban Kiểm phiếu để Đại hội biểu quyết thông qua; Đề cử Ban Thư ký.

d. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề trong nội dung chương trình của Đại hội;

e. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;

f. Trả lời hoặc chỉ định thành viên Đoàn Chủ tọa trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;

g. Trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp bất cứ lúc nào phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty mà không cần lấy ý kiến của Đại hội nếu nhận thấy rằng:

- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả các thành viên dự họp;

- Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không đảm bảo cho các cổ đông, đại diện được ủy quyền của cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

- Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

- Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

h. Chủ tọa Đại hội có quyền:

- Yêu cầu tất cả các thành phần dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp, trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến hành cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi Đại hội.

2. Đoàn Chủ tọa có tối đa 05 thành viên do Chủ tọa giới thiệu. Đoàn Chủ tọa có chức năng giúp Chủ tọa điều hành Đại hội.

3. Ban Thư ký Đại hội gồm 01 Trưởng Ban và 01 thành viên do Chủ tọa cử.

Ban Thư ký Đại hội thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa như: ghi chép Biên bản về diễn biến cuộc họp Đại hội, phản ánh trung thực, chính xác, đầy đủ nội dung Đại hội trong Biên bản và Nghị quyết Đại hội; trình bày trước Đại hội về Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu gồm năm (05) thành viên, gồm một (01) Trưởng ban và bốn (04) thành viên do Đại hội biểu quyết thông qua theo đề nghị của Chủ tọa.

2. Điều kiện làm thành viên Ban Kiểm phiếu: Thành viên Ban Kiểm phiếu không phải là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và những người có liên quan với họ.

3. Ban Kiểm phiếu có quyền lập một bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

4. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- Hướng dẫn cổ đông, đại diện được ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội cách sử dụng Phiếu biểu quyết; Hướng dẫn thực hiện biểu quyết các nội dung cần thông qua tại Đại hội.

- Kiểm tra, giám sát và kiểm Phiếu biểu quyết theo từng loại: Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến ngay sau khi Đại hội biểu quyết; Ghi nhận kết quả biểu quyết; Tổng hợp và báo cáo trước Đại hội kết quả biểu quyết các vấn đề của Đại hội.

- Lập Biên bản kiểm phiếu và công bố trước Đại hội; giao lại Biên bản cho Chủ tọa để lưu theo quy định

- Cùng Đoàn Chủ tọa xem xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo về kết quả biểu quyết và báo cáo đề Đại hội quyết định;

- Thực hiện các nhiệm vụ được giao khác.

Chương III TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 6. Điều kiện và cách thức tiến hành Đại hội

1. Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền tham dự Đại hội. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông thông báo số lượng cổ đông tham dự, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà các cổ đông đại diện và tỷ lệ tham dự để Đại hội có thể tiến hành theo quy định.

2. Đại hội dự kiến diễn ra trong nửa ngày;

3. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại Chương trình Đại hội. Việc biểu quyết thông qua từng nội dung trong Đại hội được thực hiện theo thể lệ biểu quyết và thông qua các quyết định tại Đại hội tại Điều 9 Quy chế này.

Điều 7. Chương trình, nội dung làm việc của Đại hội

1. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội thông qua ngay trong phần khai mạc. Chương trình phải xác định rõ thời gian đối với các nội dung trong chương trình họp.

2. Trường hợp có thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp cho cổ đông, các thay đổi phải được Đại hội thông qua.

Điều 8. Thảo luận và chất vấn tại Đại hội

1. Căn cứ vào số lượng cổ đông tham dự và thời lượng cho phép của Đại hội, Chủ tọa có thể lựa chọn phương pháp điều khiển cuộc họp, cổ đông tham dự Đại hội phát biểu ý kiến thảo luận, chất vấn bằng cách giơ tay đề nghị phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa hoặc điền vào Phiếu câu hỏi gửi cho Đoàn Chủ tọa. Trong cùng một thời điểm chỉ có một cổ đông được quyền phát biểu, trường hợp nhiều cổ đông có ý kiến cùng lúc thì Chủ tọa sẽ mời tuần tự từng cổ đông trình bày ý kiến của mình.

2. Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với chương trình Đại hội đã thông qua. Nội dung ý kiến đề xuất của cổ đông không được vi phạm pháp luật, liên quan đến vấn đề cá nhân hoặc vượt quá quyền hạn của doanh nghiệp. Chủ tọa có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận.

3. Đại hội thống nhất tổng thời lượng phát biểu của một cổ đông tối đa không quá 3 phút/lần. Nếu quá thời lượng này, Chủ tọa có thể yêu cầu cổ đông lập các câu hỏi, kiến nghị thành văn bản, Ban Thư ký Đại hội phải ghi nhận và Hội đồng quản trị trong phạm vi thẩm quyền của mình sẽ trả lời bằng văn bản cho cổ đông trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được kiến nghị của cổ đông.

Điều 9. Thể lệ biểu quyết thông qua các quyết định tại Đại hội

1. Nguyên tắc biểu quyết: Cổ đông có thể biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- Biểu quyết trực tiếp tại Đại hội, bằng việc giơ Phiếu biểu quyết;
- Biểu quyết thông qua việc cử người ủy quyền tới dự họp, khi đó người được ủy quyền tham dự Đại hội và biểu quyết như hình thức cổ đông trực tiếp dự họp.

2. Các vấn đề được thông qua tại Đại hội phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông, đại diện được ủy quyền của cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội, trừ nội dung quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Đối với quyết định các nội dung liên quan đến: Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; Tổ chức lại, giải thể Công ty phải đạt từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông, đại diện được ủy quyền của cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

4. Hình thức biểu quyết:

- Cổ đông (hoặc người đại diện theo ủy quyền) biểu quyết từng nội dung trong chương trình Đại hội. Khi biểu quyết một vấn đề được Đại hội đưa ra, các cổ

đồng biểu quyết bằng cách giơ Phiếu biểu quyết lên cao. Việc xác định kết quả biểu quyết được tiến hành bằng cách đếm số Phiếu biểu quyết tán thành, số Phiếu biểu quyết không tán thành và số Phiếu biểu quyết không có ý kiến.

- Đối với từng vấn đề cần biểu quyết, Đoàn Chủ tọa sẽ hỏi ý kiến của cổ đông theo trình tự: Tán thành; Không tán thành; Không có ý kiến. Với từng vấn đề xin ý kiến biểu quyết, các cổ đông chỉ được giơ Phiếu biểu quyết một lần. Trường hợp cổ đông không giơ Phiếu biểu quyết thì coi như Tán thành. Trường hợp cổ đông giơ Phiếu biểu quyết nhiều hơn 01 lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ.

Điều 10. Biên bản Đại hội, dự thảo nghị quyết Đại hội

1. Biên bản Đại hội: Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được Ban Thư ký Đại hội ghi vào biên bản. Biên bản được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

2. Căn cứ Biên bản Đại hội, kết quả biểu quyết, Thư ký Đại hội sẽ tổng hợp số liệu và đưa vào dự thảo Nghị quyết Đại hội. Dự thảo Nghị quyết Đại hội được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội. Công ty thực hiện đăng tải Biên bản và Nghị quyết trên trang thông tin điện tử Công ty theo quy định và để các Cổ đông biết.

3. Biên bản, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp được lưu giữ tại trụ sở Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng theo quy định.

Chương IV CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 11. Trường hợp tổ chức Đại hội không thành

1. Trường hợp cuộc họp Đại hội lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 6 Quy chế này thì việc triệu tập cuộc họp Đại hội lần thứ hai phải được thực hiện trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày cuộc họp Đại hội lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp Đại hội lần thứ hai được tiến hành khi có số thành viên tham dự là cổ đông và người đại diện được ủy quyền dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

2. Trường hợp cuộc họp Đại hội lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì việc triệu tập cuộc họp Đại hội lần thứ ba có thể được thực hiện trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày cuộc họp Đại hội lần thứ hai dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông hay đại diện ủy quyền dự họp.

Chương V HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 05 Chương, 12 Điều và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua.
2. Chủ tọa chịu trách nhiệm điều hành Đại hội theo Quy chế này.
3. Các cổ đông, đại diện được ủy quyền của cổ đông và những người tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này./.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Số: 07/TT.HĐQT-CTĐT

Cần Thơ, ngày 06 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
để biểu quyết thông qua tại Đại hội**

*Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng.*

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 các nội dung trình Đại hội thảo luận và thông qua như sau:

1. Báo cáo kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026;
2. Báo cáo kết quả thực hiện các dự án đầu tư trong năm 2025 và Phương hướng đầu tư năm 2026;
3. Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2025;
4. Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026;
5. Báo cáo thực hiện tiền lương của Người điều hành doanh nghiệp năm 2025; Báo cáo thực hiện thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025; Tờ trình kế hoạch thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2026;
6. Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026;
7. Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và Phương hướng hoạt động năm 2026;
8. Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026;
9. Tờ trình về việc cập nhật sửa đổi ngành, nghề kinh doanh theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;
10. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty;
11. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
12. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

(Đính kèm các Báo cáo, Tờ trình)

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lâm Hữu Cường

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông**
Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng.

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ.ĐHĐCĐ-CTĐT ngày 17/4/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua; trên cơ sở bám sát nhiệm vụ được giao, chức năng hoạt động và định hướng phát triển sản xuất kinh doanh, Công ty trân trọng báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025, đồng thời trình kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026, như sau:

I. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và những thuận lợi, khó khăn:

1. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025

a. Đánh giá về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2025:

Năm 2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được triển khai trong bối cảnh đặc biệt do ảnh hưởng, tác động của các yếu tố khách quan sau khi thực hiện việc sắp xếp, sáp nhập các sở, ngành chuyên môn, đơn vị hành chính cấp tỉnh, bãi bỏ mô hình chính quyền cấp huyện, thị xã, tiến tới triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội. Đây là giai đoạn chuyển tiếp lớn, phạm vi tác động rộng, liên quan nhiều cấp, nhiều ngành, trong đó các cơ chế quản lý, phân cấp, phương thức điều hành và quy trình triển khai dịch vụ công ích phải vừa thực hiện, vừa điều chỉnh, hoàn thiện cho phù hợp với điều kiện thực tiễn và các quy định mới của các cấp thẩm quyền.

Tuy nhiên, với tinh thần trách nhiệm cao và sự đoàn kết thống nhất và tư duy sáng tạo, sự nỗ lực bền bỉ của tập thể cán bộ, người lao động, Công ty đã từng bước vượt qua giai đoạn chuyển tiếp đặc biệt khó khăn, bảo đảm hoàn thành đồng thời nhiệm vụ chính trị và mục tiêu sản xuất kinh doanh. Kết quả, Công ty đã duy trì được hiệu quả sản xuất kinh doanh: doanh thu năm 2025 đạt 102,1% kế hoạch, lợi nhuận đạt 102,1% kế hoạch, tỷ lệ chi trả cổ tức đạt 103,2% kế hoạch; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước với số tiền 23.936.694.432 đồng; bảo toàn và phát triển nguồn vốn, bảo đảm đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động, chăm lo đời sống, sức khỏe người lao động.

b. Kết quả năm 2025 các chỉ tiêu đạt được như sau:

Trong năm 2025, Công ty đã tổ chức triển khai đồng bộ các nhiệm vụ trên các lĩnh vực: thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải; nạo vét, duy tu hệ thống thoát nước và xử lý nước thải; quản lý, chăm sóc cây xanh; vận hành hệ thống chiếu sáng; thi công các công trình và hoạt động kinh doanh dịch vụ. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đạt được như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch (đồng)	Thực hiện (đồng)	Tỷ lệ TH/KH
1	Tổng doanh thu	219.197.717.911	223.901.866.696	102,1%
2	Lợi nhuận trước thuế	24.111.000.000	24.627.517.203	102,1%
3	Lợi nhuận sau thuế	20.773.000.000	21.196.948.858	102,0%
4	Chia cổ tức	19%	19,6%	103,2%
		10.640.000.000	10.976.000.000	103,2%
5	Lương bình quân (đồng/người/tháng)	7.611.651	7.747.399	101,8%

Những kết quả đạt được trong năm 2025 không chỉ là thước đo hiệu quả sản xuất kinh doanh, mà còn là minh chứng rõ nét cho vai trò, trách nhiệm và bản lĩnh của doanh nghiệp công ích trong việc đồng hành cùng nhà nước và địa phương trong giai đoạn sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính, góp phần giữ vững ổn định nội bộ, tạo nền tảng quan trọng để Công ty tiếp tục triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong giai đoạn tiếp theo.

2. Đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh năm 2025

Trong năm 2025, trước yêu cầu vừa phải bảo đảm hoạt động thường xuyên của doanh nghiệp công ích, vừa chủ động tạo nền tảng phát triển dài hạn, trong điều kiện bối cảnh kinh tế – xã hội còn nhiều khó khăn, Công ty đã tập trung chỉ đạo, tiếp tục theo dõi và tổ chức triển khai 05 dự án đầu tư quan trọng theo Nghị quyết của DHĐCĐ đặt ra, được xác định theo hai nhóm mục tiêu rõ ràng.

Một là, nhóm dự án Công ty tham gia đầu tư khi có chủ trương kêu gọi đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh (nay là UBND thành phố Cần Thơ), gồm 02 dự án (hiện đang chờ chủ trương đầu tư) có ý nghĩa cấp thiết đối với công tác bảo vệ môi trường đô thị và đời sống dân sinh. Đây là các dự án gắn trực tiếp với nhiệm vụ chính trị, trách nhiệm công ích của Công ty đối với địa phương, bao gồm:

- Dự án đầu tư xây dựng Trạm trung chuyển rác tại thành phố Sóc Trăng (cũ);
- Dự án đầu tư xây dựng Công nghệ xử lý rác thải tại thị xã Vĩnh Châu (cũ).

Hai là, nhóm dự án do Công ty làm chủ đầu tư nhằm mở rộng sản xuất kinh doanh, gồm 03 dự án. Nhóm dự án này được triển khai theo định hướng đa dạng hóa lĩnh vực hoạt động, nâng cao năng lực cung ứng dịch vụ và chủ động tạo tiềm năng tăng trưởng cho các năm tiếp theo, gồm:

- Dự án đầu tư xây dựng An Viên Thiên Đường Sóc Trăng (giai đoạn 2);
- Dự án đầu tư xây dựng Xử lý chất thải công nghiệp (nguy hại và không nguy hại), hiện đang chờ sự chấp thuận chủ trương đầu tư của cấp thẩm quyền do liên quan đến đất đai để thực hiện dự án.

- Dự án đầu tư Vườn ươm thành phố Sóc Trăng (cũ).

(chi tiết xem tại Báo cáo số/BC.HĐQT-CTĐT ngày/4/2026 của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng v/v báo cáo kết quả thực hiện các dự án đầu tư trong năm 2025 và phương hướng đầu tư năm 2026).

Việc triển khai đồng thời hai nhóm dự án nêu trên thể hiện rõ nỗ lực cân đối giữa nhiệm vụ công ích và mục tiêu phát triển doanh nghiệp, qua đó nhằm từng bước củng cố nền tảng tài chính, mở rộng không gian hoạt động và nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty trong giai đoạn tiếp theo.

Trong năm 2025, để đáp ứng yêu cầu hoạt động của đơn vị và từng bước nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ, bên cạnh các dự án đầu tư đã nêu, Công ty còn thực hiện đầu tư bổ sung các phương tiện, trang thiết bị để phục vụ hoạt động dịch vụ công ích và hệ thống kim thu sét tại Nghĩa trang An Viên Thiên Đường, bảo đảm an toàn công trình và hoạt động vận hành khai thác Nghĩa trang An Viên Thiên Đường, với tổng giá trị đầu tư trên 3 tỷ đồng.

3. Công tác thi đua khen thưởng

Nhằm kịp thời ghi nhận, biểu dương những nỗ lực, thành tích của các tập thể và cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và nhiệm vụ chính trị được giao năm 2025, Công ty đã tổ chức xét khen thưởng bảo đảm đúng quy định, công khai, khách quan, qua đó tạo động lực thi đua lao động, góp phần giữ vững ổn định tổ chức và nâng cao hiệu quả hoạt động trong bối cảnh nhiều khó khăn, thách thức.

Kết quả, Công ty đã khen thưởng 13 tập thể và 342 cá nhân đạt Giấy khen Công ty; công nhận 13 tập thể và 337 cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến; 193 cá nhân đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở; đồng thời công nhận 93 đề tài của 193 cá nhân là sáng kiến cải tiến cấp cơ sở, có giá trị thiết thực trong quản lý, điều hành và tổ chức sản xuất.

Trên cơ sở thành tích đạt được, Công ty đã đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, công nhận và khen thưởng đối với: 09 tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”; 03 tập thể và 79 cá nhân đạt Bằng khen của UBND thành phố về thành tích xuất sắc giai đoạn 2024–2025; 02 cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp thành phố” giai đoạn 2023–2025; 03 đề tài của 04 cá nhân đề nghị công nhận sáng kiến cấp thành phố; đồng thời đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen cho 04 cá nhân và 03 tập thể có thành tích xuất sắc trong giai đoạn 2021–2025.

Bên cạnh đó, Công ty vinh dự được Bộ Công an tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong Phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; được Hiệp hội Môi trường Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam tặng Bằng khen ghi nhận những đóng góp tích cực trong quá trình 30 năm xây dựng và phát triển Hiệp hội.

Đặc biệt, trong năm 2025, Công ty có 02 cá nhân được vinh dự nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ giai đoạn 2020–2024; 01 cá nhân đạt Giải Khuyến khích tại Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh Sóc Trăng (cũ); 03 cá nhân được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” giai đoạn 2022–2024.

Những kết quả nêu trên thể hiện sự quan tâm của Công ty đối với công tác thi đua, khen thưởng; đồng thời là minh chứng cho tinh thần trách nhiệm, sự đoàn kết,

17746
CÔNG TY
PHÁP
LĨNH Đ
TRẦN
- TP -

nỗ lực vượt khó của tập thể cán bộ, người lao động trong việc hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị và sản xuất kinh doanh được giao.

4. Đánh giá thuận lợi và khó khăn

Trên cơ sở các kết quả sản xuất kinh doanh đạt được, có thể khẳng định rằng năm 2025 là năm Công ty hoạt động trong bối cảnh chuyển tiếp đặc biệt về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, khi địa phương thực hiện sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính và triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Trong bối cảnh đó, hoạt động của Công ty chịu sự tác động đan xen giữa một số yếu tố thuận lợi và nhiều khó khăn, thách thức mang tính khách quan, kéo dài.

a. Về thuận lợi

Công ty tiếp tục nhận được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ; sự phối hợp, hỗ trợ tích cực của các Sở, ban, ngành thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Đây là cơ sở quan trọng để Công ty thực hiện tốt vai trò doanh nghiệp công ích, bảo đảm duy trì liên tục các dịch vụ thiết yếu phục vụ nhân dân trong giai đoạn chuyển tiếp.

Ban lãnh đạo Công ty đã thể hiện tinh thần chủ động, linh hoạt trong điều hành, kịp thời rà soát kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính phù hợp với diễn biến thực tế. Thông qua việc thường xuyên sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình, Công ty đã kịp thời nhận diện các rủi ro phát sinh, đề ra các giải pháp quản trị, điều hành phù hợp, góp phần giữ vững ổn định hoạt động và kiểm soát hiệu quả các vấn đề phát sinh.

Bên cạnh đó, Công ty chủ động nắm bắt, triển khai đầy đủ các chủ trương, chính sách, quy định của Nhà nước và của thành phố Cần Thơ trong lĩnh vực quản lý đô thị, dịch vụ công ích và hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo cơ sở pháp lý cho việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ trong điều kiện cơ chế quản lý có nhiều thay đổi. Công tác tổ chức bộ máy và bố trí lao động được quan tâm thực hiện theo hướng ổn định, kế thừa và thích ứng với mô hình quản lý mới, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn chuyển tiếp.

b. Về khó khăn

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi nêu trên, năm 2025 Công ty phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức lớn, như sau:

Trong suốt năm 2025, cả giai đoạn trước và sau khi thực hiện sáp nhập đơn vị hành chính, Công ty gặp nhiều khó khăn trong công tác tổ chức thực hiện các nhiệm vụ dịch vụ công ích. Quá trình chuyển tiếp về tổ chức bộ máy, thẩm quyền quản lý và cơ chế phối hợp giữa các cấp chính quyền đã dẫn đến chậm bố trí, giải ngân nguồn vốn ngân sách; chậm ký kết các hợp đồng dịch vụ công ích, ảnh hưởng trực tiếp đến kế hoạch sản xuất kinh doanh và áp lực cân đối dòng tiền của Công ty. Để bảo đảm không gián đoạn công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn, Công ty phải chủ động ứng vốn trước để thực hiện nhiệm vụ chính trị, làm phát sinh chi phí lãi vay và ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính.

Ngoài ra, việc thay đổi địa giới hành chính, cơ quan quản lý và đầu mối làm việc sau sắp xếp, sáp nhập cũng đặt ra yêu cầu Công ty phải tái thiết lập quan hệ công

tác với các chủ đầu tư, cần thêm thời gian và giải pháp phù hợp để thích ứng, giữ vững thị trường hiện hữu và tạo nền tảng cho việc mở rộng thị trường trong giai đoạn tiếp theo.

Đối với lĩnh vực dịch vụ công ích, đơn giá hiện đang áp dụng theo các quyết định ban hành từ các năm 2017 và 2019 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng (cũ) đã kéo dài nhiều năm, không còn phù hợp với mặt bằng giá cả thị trường hiện nay. Trong khi đó, giá vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu và chi phí nhân công liên tục tăng, nhưng đơn giá dịch vụ chưa được điều chỉnh tương ứng, làm gia tăng chênh lệch giữa chi phí thực tế và nguồn thu, gây áp lực lớn lên hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong lĩnh vực quản lý, vận hành Nhà máy xử lý nước thải, cơ chế ký kết hợp đồng và cấp kinh phí còn nhiều bất cập, chưa theo kịp yêu cầu thực tế. Việc ký kết hợp đồng chưa kịp thời, công tác tạm cấp và thanh quyết toán kinh phí còn chậm; riêng năm 2025, hợp đồng quản lý, vận hành Nhà máy xử lý nước thải giai đoạn 1 và 2 chưa được ký kết và tạm cấp kinh phí, buộc Công ty phải vay vốn ngân hàng để duy trì hoạt động, làm gia tăng đáng kể áp lực tài chính và chi phí lãi vay.

Trong lĩnh vực thi công công trình, môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt, số lượng nhà thầu tham gia tăng, giá dự thầu bị kéo xuống thấp, trong khi giá vật liệu xây dựng biến động theo chiều hướng tăng, làm thu hẹp biên lợi nhuận, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Công tác quản trị, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ của Công ty vẫn còn một số nội dung hạn chế như tính chủ động, sáng tạo trong công việc có lúc chưa thật sự đồng đều; tinh thần phối hợp, gắn kết trong một số thời điểm, một số bộ phận cần tiếp tục được tăng cường hơn nữa để phát huy sức mạnh tổng thể; việc cập nhật, nắm bắt yêu cầu đổi mới trong bối cảnh chuyển tiếp đôi khi chưa kịp thời; chưa đạt hiệu quả cao trong xử lý các khó khăn phát sinh trong hoạt động SXKD của Công ty. Do đó ban điều hành và ban lãnh đạo của các đơn vị cần tiếp tục quan tâm phối hợp, đổi mới phương thức điều hành trong thời gian tới để giải quyết công việc được kịp thời, hiệu quả hơn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra.

II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

1. Dự báo khó khăn, thuận lợi trong việc thực hiện kế hoạch SXKD năm 2026

Bước sang năm 2026, Công ty tiếp tục triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh trong bối cảnh tình hình kinh tế – xã hội còn tiềm ẩn nhiều yếu tố biến động khó lường; đồng thời là năm đầu tiên địa phương cơ bản vận hành ổn định theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp sau quá trình sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính. Trong bối cảnh đó, việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty vừa có những thuận lợi nhất định, vừa đối mặt với không ít khó khăn, thách thức.

Về **thuận lợi**, Công ty tiếp tục nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố; sự phối hợp của các Sở, ban, ngành và chính quyền cơ sở trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ công ích đô thị. Bộ máy tổ chức của Công ty từng bước được kiện toàn, thích ứng với mô hình quản lý mới; đội ngũ cán bộ, người lao động đã thích nghi và tích lũy được kinh nghiệm thực tiễn trong giai đoạn chuyển tiếp năm 2025, tạo nền tảng thuận lợi, chủ động cho công tác điều hành, triển khai kế hoạch năm 2026. Yêu cầu về các dịch vụ công ích đô thị tiếp tục được

quan tâm, duy trì là điều kiện để Công ty giữ vững vai trò doanh nghiệp công ích đồng hành cùng chính quyền địa phương và mở rộng phạm vi cung ứng dịch vụ.

Bên cạnh các yếu tố thuận lợi nêu trên, việc đơn giá thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đã được điều chỉnh và áp dụng trong năm 2026 là cơ sở quan trọng, góp phần tháo gỡ một phần khó khăn về chi phí đầu vào, cải thiện nguồn thu, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho Công ty trong việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026, đặc biệt đối với các dịch vụ công ích thiết yếu phải duy trì thường xuyên, liên tục.

Về **khó khăn**, mặc dù đơn giá thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đã được điều chỉnh từ đầu năm 2026, tuy nhiên vẫn còn thiếu nhiều hạng mục công tác (như công tác quét rác vỉa hè, quét rác đường, quét rác chợ, thu gom rác chợ ...) hiện đang thực hiện hàng ngày nhưng lại chưa có đơn giá để làm cơ sở thanh toán; mặt khác, đơn giá đối với các lĩnh vực cây xanh, thoát nước, chiếu sáng đô thị và xử lý rác thải đến nay vẫn chưa được cập nhật, điều chỉnh (hiện đang sử dụng đơn giá cũ từ năm 2017 và 2019), trong khi giá vật tư, nhiên liệu, đặc biệt là giá nhiên liệu tăng cao đột biến do ảnh hưởng xung đột tại Trung Đông, cùng với chi phí nhân công và chi phí quản lý tiếp tục tăng, làm gia tăng chênh lệch giữa chi phí thực tế và nguồn thu, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động và khả năng cân đối tài chính của Công ty.

Bên cạnh đó, một số dự án đầu tư đã được đưa vào kế hoạch nhưng do còn vướng mắc về cơ chế, thủ tục đất đai, quy hoạch ... và thẩm quyền phê duyệt nên chưa thể triển khai, đưa vào khai thác, vận hành theo đúng tiến độ và kế hoạch đề ra. Việc chậm đưa các dự án vào khai thác đã ảnh hưởng nhất định đến kế hoạch trung hạn 05 năm trong định hướng phát triển, mở rộng ngành nghề sản xuất kinh doanh để tăng doanh thu, hiệu quả đầu tư, đồng thời đặt ra áp lực lớn đối với công tác điều hành và cân đối kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2026.

Công tác ký kết hợp đồng, tạm cấp và thanh quyết toán kinh phí ngân sách cho các hợp đồng dịch vụ công ích dự kiến vẫn còn chậm trễ trong giai đoạn đầu vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, tiếp tục gây áp lực lên dòng tiền và cân đối tài chính của Công ty. Bên cạnh đó, giá nguyên, nhiên liệu, vật tư và chi phí nhân công có xu hướng tăng; môi trường cạnh tranh về đấu thầu trong lĩnh vực công ích, công trình, dịch vụ ngày càng gay gắt, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Trong bối cảnh thuận lợi và khó khăn đan xen nêu trên, việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 đòi hỏi ban lãnh đạo và tập thể CB.NLĐ Công ty phải tiếp tục phát huy tinh thần chủ động, linh hoạt trong điều hành; đồng thời tập trung triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp đã đề ra, nhằm bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị, duy trì ổn định hoạt động và từng bước nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

2. Chỉ tiêu Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

Trên cơ sở đánh giá toàn diện kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025, trong bối cảnh Công ty đã và đang hoạt động giữa giai đoạn chuyển tiếp đặc biệt của tổ chức bộ máy hành chính nhà nước sau sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính, thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, năm 2026 được xác định là năm có ý nghĩa quan trọng trong việc ổn định tổ chức, củng cố nền tảng quản trị và nâng cao hiệu quả hoạt động, tạo tiền đề cho giai đoạn phát triển tiếp theo.



Căn cứ vào Kế hoạch sản xuất kinh doanh 05 năm giai đoạn năm 2023 - 2027, trên cơ sở nhận định các thuận lợi khó khăn năm 2026 và các năm tiếp theo, Công ty đề ra kế hoạch chỉ tiêu thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2026, như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2026 (đồng)	Tỷ lệ KH2026/ TH2025
1	Tổng doanh thu	236.598.197.832	105,7%
2	Lợi nhuận trước thuế	25.032.089.331	101,6%
3	Lợi nhuận sau thuế	21.524.129.380	101,5%
4	Chia cổ tức	19%	96,9%
		10.640.000.000	96,9%
5	Lương bình quân (đồng/ người/tháng)	8.165.877	105,4%

3. Giải pháp tổ chức thực hiện

Bước sang năm 2026, dự báo tình hình kinh tế – xã hội còn tiềm ẩn nhiều biến động khó lường; đồng thời, địa phương tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy sau sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính và vận hành ổn định mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Trong bối cảnh đó, Công ty xác định rõ trách nhiệm của doanh nghiệp công ích trong việc bảo đảm duy trì liên tục, ổn định các dịch vụ thiết yếu phục vụ người dân, đồng thời từng bước nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước.

Trên cơ sở đánh giá toàn diện kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2025, những thuận lợi, khó khăn và các tồn tại, hạn chế đã được chỉ ra, Công ty xác định phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2026 là tiếp tục ổn định tổ chức, nâng cao năng lực quản trị – điều hành, tiết kiệm chi phí quản lý, chủ động thích ứng với mô hình quản lý mới, bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao song song với nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

a. Nhóm giải pháp chung

Tiếp tục bám sát các chủ trương, định hướng của Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; chủ động thích ứng với yêu cầu quản lý trong điều kiện thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và địa bàn hành chính được sắp xếp, mở rộng.

Chủ động khắc phục những khó khăn về cơ chế, tài chính và thị trường; tăng cường năng lực cạnh tranh, mở rộng thị phần, ngành nghề dịch vụ để tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững trong các năm tiếp theo.

b. Nhóm giải pháp về công tác tổ chức và nhân sự

Tiếp tục kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn hoàn thiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; bảo đảm tính ổn định, kế thừa và thích ứng với yêu cầu quản lý mới sau sắp xếp đơn vị hành chính.

17745
HỢP TÁC
PHẦN
HÀNH CHÍNH
TRẦN
TP.

Duy trì nghiêm túc, hiệu quả công tác sơ kết, tổng kết định kỳ theo tháng, quý, năm nhằm kịp thời đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, nhận diện tồn tại, hạn chế và đề ra các biện pháp điều chỉnh phù hợp; nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành và kiểm soát rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh; phát huy tính chủ động, tinh thần trách nhiệm của CB.NLĐ trong thực hiện nhiệm vụ.

Thường xuyên rà soát, cập nhật và hoàn thiện các quy định, quy trình quản lý nội bộ, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế của Công ty và các quy định mới của Nhà nước; đặc biệt chú trọng các quy trình liên quan đến phân cấp, thẩm quyền và đầu mối phối hợp trong điều kiện thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, góp phần nâng cao hiệu quả phối hợp, rút ngắn thời gian xử lý công việc.

Chú trọng xây dựng và củng cố tinh thần đoàn kết nội bộ, nâng cao sự phối hợp giữa các đơn vị, bộ phận; tạo môi trường làm việc cởi mở, khuyến khích trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm và đề xuất giải pháp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; từng bước nâng cao tính chủ động, linh hoạt và khả năng thích ứng của đội ngũ cán bộ, người lao động trong bối cảnh mới.

Tăng cường công tác quản lý, vận hành hiệu quả 02 Nhà máy; đồng thời chủ động phối hợp, đề xuất cơ quan có thẩm quyền sớm hoàn thiện cơ chế đặt hàng, ký kết hợp đồng và cấp kinh phí quản lý, vận hành Nhà máy xử lý nước thải theo hướng ổn định, kịp thời, bảo đảm doanh nghiệp có đủ điều kiện duy trì hoạt động liên tục, an toàn, tuân thủ đầy đủ các quy định kỹ thuật, môi trường.

Tiếp tục duy trì, nâng cao hiệu quả việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trên tất cả các lĩnh vực hoạt động nhằm nâng cao kỷ cương, kỷ luật và hiệu quả quản lý nội bộ.

c. Nhóm giải pháp về hoạt động sản xuất kinh doanh

Tiếp tục đầu tư, nâng cao năng lực phương tiện, thiết bị, kỹ thuật và chất lượng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu thực hiện các dịch vụ công ích đô thị trong điều kiện địa bàn quản lý được sắp xếp, mở rộng; đồng thời đẩy mạnh tham gia đấu thầu các dịch vụ công ích, công trình phù hợp với năng lực và ngành nghề kinh doanh của Công ty.

Chủ động khai thác, mở rộng thị trường và ngành nghề sản xuất kinh doanh; tăng cường công tác quảng bá hình ảnh doanh nghiệp, nâng cao chất lượng dịch vụ; chủ động tiếp cận và phát triển khách hàng, đối tác mới, đặc biệt tại các địa bàn sau sáp nhập.

Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp kỹ thuật mới, cách làm hiệu quả; khuyến khích, phát huy các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, cải tiến quản lý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh; chủ động lựa chọn và sử dụng các nguồn nguyên, nhiên liệu bảo đảm chất lượng, giá thành hợp lý, nâng cao năng lực cạnh tranh.

Thực hiện tốt công tác bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện, xe chuyên dùng kịp thời, linh hoạt, tiết kiệm, kể cả ngoài giờ hành chính khi cần thiết, bảo đảm phục vụ hiệu quả công tác thu gom, vận chuyển và các nhiệm vụ thường xuyên.

Chủ động, thường xuyên phối hợp với các chủ đầu tư và chính quyền địa phương tại các xã, phường mới để mở rộng phạm vi cung ứng các dịch vụ thu gom, chiếu sáng đô thị, cây xanh, thoát nước..., góp phần gia tăng doanh thu và mở rộng thị phần.

Đồng thời, Công ty chủ động phối hợp, đề xuất các cơ quan có thẩm quyền sớm rà soát, điều chỉnh đơn giá dịch vụ công ích (cây xanh, thoát nước, chiếu sáng, xử lý rác thải...) phù hợp với mặt bằng giá và chi phí thực tế; đồng thời bảo đảm việc ký kết hợp đồng, tạm cấp và thanh quyết toán kinh phí kịp thời, góp phần giảm áp lực tài chính và nâng cao chất lượng dịch vụ.

d. Nhóm giải pháp về tài chính và đầu tư

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính chặt chẽ, khoa học; tăng cường quản lý, kiểm soát chi phí, thanh toán nội bộ; tập trung đẩy nhanh tiến độ thu hồi công nợ, đặc biệt là các khoản chi phí liên quan đến công tác quản lý, vận hành 02 Nhà máy, nhằm cải thiện dòng tiền và nâng cao hiệu quả tài chính.

Xác định đầu tư phát triển là giải pháp trọng tâm để tạo tiềm năng tăng trưởng, năm 2026 Công ty tiếp tục triển khai các dự án đầu tư chuyển tiếp nhằm sớm đưa vào khai thác, phát huy hiệu quả, góp phần tăng doanh thu và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

Song song đó, Công ty tiếp tục nghiên cứu, xúc tiến và chuẩn bị đầu tư các dự án mới phù hợp với ngành nghề, năng lực và định hướng phát triển đô thị của thành phố Cần Thơ; chủ động tiếp cận và đề xuất được tham gia các chương trình hỗ trợ đầu tư, nguồn vốn ưu đãi (trong đó có Quỹ Bảo vệ môi trường...), phục vụ đổi mới công nghệ và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

Với tinh thần chủ động, trách nhiệm và quyết tâm cao, Công ty xác định năm 2026 là năm bản lề để ổn định tổ chức, củng cố năng lực quản trị và tạo tiềm năng tăng trưởng mới; đồng thời tiếp tục đề xuất, tranh thủ sự quan tâm, chỉ đạo và hỗ trợ của Cơ quan đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước nhằm bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh một cách bền vững.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lâm Hữu Cường

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện các dự án đầu tư trong năm 2025
và phương hướng đầu tư năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Báo cáo số 13/BC-CTĐT ngày 26/3/2026 của Tổng Giám đốc Công ty về báo cáo kết quả thực hiện các dự án đầu tư trong năm 2025 và phương hướng đầu tư năm 2026.

Phân chia làm 02 nhóm đầu tư.

- *Một là: Nhóm dự án do Công ty tham gia đầu tư khi Ủy ban nhân dân tỉnh kêu gọi đầu tư.* Gồm 02 dự án như sau:

- a) Dự án đầu tư xây dựng Trạm trung chuyển rác tại thành phố Sóc Trăng (cũ).
- b) Dự án đầu tư xây dựng Công nghệ xử lý rác thải tại thị xã Vĩnh Châu (cũ).

- *Hai là: Nhóm dự án do Công ty làm chủ đầu tư* (không có sự tham gia vốn Ngân sách nhà nước) để mở rộng sản xuất kinh doanh. Gồm 03 dự án:

- a) Dự án đầu tư xây dựng An Viên Thiên đường Sóc Trăng (giai đoạn 2).
- b) Dự án đầu tư xây dựng Xử lý chất thải công nghiệp (nguy hại và không nguy hại).
- c) Dự án đầu tư vườn ươm thành phố Sóc Trăng (cũ).

Công ty xin báo cáo tình hình thực hiện các dự án đầu tư, cụ thể như sau:

I. Báo cáo kết quả thực hiện các dự án trong năm 2025.

1. Nhóm dự án do Công ty tham gia đầu tư khi Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (trước đây là Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng) kêu gọi đầu tư.

Do nhóm dự án này còn phụ thuộc vào hình thức kêu gọi đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh (như quy hoạch, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, công suất xử lý, công nghệ đầu tư, phương án hợp tác đối tác công tư PPP,...), do trước đây Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng chưa kêu gọi đầu tư và chưa chấp thuận chủ trương đầu tư nên Công ty tạm thời chỉ khái toán sơ bộ kinh phí đầu tư và thời gian thực hiện cho từng dự án. Khi được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng chính thức kêu gọi đầu tư cho

từng lĩnh vực, dự án, Công ty sẽ tham gia với tư cách nhà đầu tư, đồng thời xác định tổng mức đầu tư, thời gian thực hiện và thời gian hoàn vốn cụ thể của dự án.

1.1. Dự án đầu tư xây dựng Trạm trung chuyển rác tại thành phố Sóc Trăng (cũ).

Trong năm 2025, thực hiện việc sắp xếp, sáp nhập các sở, ngành chuyên môn, đơn vị hành chính cấp tỉnh, bãi bỏ mô hình chính quyền cấp huyện, thị xã, và triển khai thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội và sáp nhập về thành phố Cần Thơ (mới). Việc đầu tư xây dựng dự án phải chờ cấp thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch chung của thành phố Cần Thơ, nên năm 2025 chưa triển khai thực hiện được.

Dự án này dự kiến cũng xin thay đổi tên, địa điểm, thời gian thực hiện cho phù hợp với địa giới của các phường trên địa bàn sau khi được UBND TP Cần Thơ phê duyệt quy hoạch đầu tư trạm trung chuyển rác thải của các xã, phường.

1.2. Dự án đầu tư xây dựng Công nghệ xử lý rác thải tại TX Vĩnh Châu (cũ):

Về khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án: từ năm 2023 đến năm 2025 dự án này chưa được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng (cũ) phê duyệt quy hoạch chi tiết, địa phương chưa thực hiện xong công tác đền bù giải phóng mặt bằng, thu hồi đất của hộ dân do một số hộ dân không đồng thuận quy hoạch dự án tại địa điểm này. Đồng thời hiện nay thực hiện việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Cần Thơ năm 2025 theo Nghị quyết số 1668/NQ-UBTVQH15 cũng tác động rất lớn đến việc điều chỉnh quy hoạch, phải chờ quy hoạch được duyệt và chủ trương đầu tư của UBND thành phố Cần Thơ mới có cơ sở pháp lý triển khai thực hiện các bước tiếp theo về sau.

Và dự án này dự kiến phải xin thay đổi tên, địa điểm và thời gian thực hiện dự án cho phù hợp với thực tế sau khi dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt quy hoạch, chấp thuận cho tiếp tục triển khai thực hiện theo chủ trương đầu tư trước đây.

2. Nhóm dự án do Công ty làm chủ đầu tư để mở rộng SXKD:

2.1. Dự án đầu tư xây dựng An Viên Thiên Đường Sóc Trăng (giai đoạn 2).

Để từng bước hoàn chỉnh dự án đầu tư được duyệt cho toàn dự án, Công ty đầu tư các hạng mục hạ tầng theo kế hoạch năm 2025, cụ thể như sau:

- Đầu tư hạng mục san lấp mặt bằng (giai đoạn 2), trục đường nội bộ, vỉa hè, nhà vệ sinh công cộng.

- Đầu tư hạng mục đường nội bộ đan bê tông cốt thép trong các khu mộ.

- Kinh phí đầu tư: 1.354.427.074 đồng (bằng chữ: Một tỷ, ba trăm năm mươi bốn triệu, bốn trăm hai mươi bảy nghìn, không trăm bảy mươi bốn đồng).

2.2. Dự án đầu tư xây dựng Xử lý chất thải công nghiệp (nguy hại và không nguy hại):

Năm 2024, Công ty tiếp tục có công văn số 148/CTĐT-KTXD ngày 29/8/2024 về việc xin tiếp tục đề xuất đầu tư xây dựng dự án xử lý chất thải công nghiệp tỉnh Sóc Trăng trình Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.

Đến ngày 23/01/2025, Ủy ban nhân dân tỉnh có công văn số 302/UBND-KT trả lời Công ty là chưa đủ cơ sở đảm bảo để xem xét theo quy định tại Luật đầu tư và nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, do đó UBND tỉnh chưa chấp thuận chủ trương đầu tư theo phương án đề xuất của Công ty.

2.3. Đề án đầu tư Vườn ươm thành phố Sóc Trăng (cũ):

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục triển khai thực hiện trồng thêm 14.000 cây trà, trên diện tích 1.368 m²

- Địa điểm: khu đất vườn ươm đường Bạch Đằng, phường Phú Lợi, thành phố Cần Thơ.

- Với kinh phí thực hiện năm 2025 (vật tư cây giống và nhân công) là: 52.342.660 đồng (bằng chữ: Năm mươi hai triệu, ba trăm bốn mươi hai nghìn, sáu trăm sáu mươi đồng).

II. Phương hướng thực hiện trong năm 2026.

1. Nhóm dự án do Công ty tham gia đầu tư khi Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (trước đây là Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng) kêu gọi đầu tư:

Vừa qua, Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty đã có báo cáo số 02/BC.NĐD-CTĐT, ngày 02/3/2026 trình Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ và các Sở ngành liên quan về việc báo cáo kết quả thực hiện các dự án đầu tư trong năm 2025 và phương hướng đầu tư trong năm 2026.

Trên cơ sở đó, UBND thành phố Cần Thơ đã có Công văn số 1582/UBND-KT ngày 01/4/2025, và Sở Xây dựng (công văn số 2143/SXD-KCHT, ngày 26/3/2026) chấp thuận về nguyên tắc danh mục dự án đầu tư năm 2026, tuy nhiên hiện nay Sở Xây dựng đang tổ chức lập Quy hoạch hạ tầng chất thải rắn trên địa bàn toàn thành phố Cần Thơ để thống nhất thực hiện chung cho các xã, phường.

Vì vậy đối với danh mục 02 dự án đầu tư: Dự án đầu tư xây dựng Trạm trung chuyển rác tại TP.Sóc Trăng (cũ); và Dự án đầu tư xây dựng Công nghệ xử lý rác thải tại TX Vĩnh Châu (cũ). Công ty sẽ tham gia thực hiện đầu tư sau khi Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt quy hoạch hạ tầng chất thải rắn và kêu gọi đầu tư.

17450
3 TY
HÀN
HỒ TI
TRĂNG
P. CÁN

2. Nhóm dự án do Công ty làm chủ đầu tư để mở rộng SXKD:

Ở nhóm dự án này, Công ty cần ưu tiên đầu tư để phát triển sản xuất kinh doanh, theo trình tự cụ thể như sau:

2.1. Dự án đầu tư xây dựng An Viên Thiên Đường Sóc Trăng (giai đoạn 2):

Để từng bước hoàn chỉnh dự án đầu tư được duyệt cho toàn dự án, Công ty cần tiếp tục phân kỳ đầu tư các hạng mục hạ tầng trong năm 2026, cụ thể như sau:

- Đầu tư hạng mục san lấp mặt bằng (giai đoạn 2).
- Đầu tư các hạng mục hạ tầng kỹ thuật.
- Kinh phí đầu tư khoảng: 01 tỷ đồng (Bằng chữ: Một tỷ đồng).

2.2. Dự án đầu tư xây dựng Xử lý chất thải công nghiệp (nguy hại và không nguy hại):

Năm 2026, Công ty tiếp tục nghiên cứu, đề xuất đến Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ để tiếp tục xem xét về chủ trương đầu tư dự án nhằm sớm triển khai thực hiện dự án mang lại hiệu quả kinh tế và xử lý môi trường, đặc biệt là xử lý rác thải công nghiệp cho thành phố Cần Thơ. Đồng thời theo dõi tiến độ về chủ trương đầu tư, kế hoạch kêu gọi đầu tư của UBND thành phố Cần Thơ để tham gia đầu tư trong thời gian tới.

2.3. Đề án đầu tư vườn ươm thành phố Sóc Trăng (cũ):

- Năm 2026, tên dự án sẽ được thay đổi tên thành đề án, do tính chất và quy mô tương đối nhỏ nên điều chỉnh cho phù hợp.

- Năm 2026 ngoài việc duy trì chăm sóc cây xanh, cây giống đã được trồng trong các năm qua, sẽ tiếp tục nghiên cứu để mở rộng quy mô, chủng loại cây giống có nhu cầu sử dụng cao trên thị trường để tiếp tục đầu tư, tạo nguồn phục vụ cho yêu cầu SXKD trong lĩnh vực công viên cây xanh.

- Dự kiến giá trị dự toán thực hiện: khoảng 150 triệu (bằng chữ: Một trăm năm mươi triệu đồng).

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện các dự án đầu tư trong năm 2025 và phương hướng đầu tư trong năm 2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN NĂM 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng như sau:

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C chi nhánh Tây Nam Bộ thực hiện kiểm toán, được Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng kiểm tra, thẩm định và được công bố thông tin công khai theo quy định. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán bao gồm các nội dung sau:

1. Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị.
2. Báo cáo của đơn vị kiểm toán độc lập.
3. Bảng cân đối kế toán.
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2025

(Đơn vị tính: đồng)

CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
1. Tổng doanh thu và thu nhập	223.901.866.696
<i>Trong đó: Doanh thu hoạt động SXKD và tài chính</i>	<i>221.855.888.753</i>
2. Tổng chi phí SXKD, tài chính và khác	199.274.349.493
<i>Trong đó: Chi phí hoạt động SXKD và tài chính</i>	<i>197.217.325.008</i>
3. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	24.638.563.745
4. Lợi nhuận trước thuế TNDN	24.627.517.203
5. Lợi nhuận sau thuế TNDN	21.196.948.858



(Đính kèm toàn văn Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã kiểm toán năm 2025)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.



Lâm Hòa Cường



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ
SÓC TRĂNG



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	13 - 38
8. Phụ lục	39



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 1505/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Sóc Trăng thành công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200177456, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 7 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 19 tháng 11 năm 2025 do Sở Tài chính TP. Cần Thơ cấp.

Ngày 30 tháng 4 năm 2019, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là USD.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam
- Điện thoại : 0299 3822354 - 0299 3825900
- Fax : 0299 3822354 - 0299 3825900

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xi nghiệp Môi trường	170 Mạc Đĩnh Chi, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam
Xi nghiệp Công viên Cây xanh	442 Bạch Đằng, khu vực 6, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam
Xi nghiệp Thoát nước	Số 23 Cao Thắng, khu vực 12, phường Sóc Trăng, TP. Cần Thơ, Việt Nam
Xi nghiệp Liên hợp xử lý chất thải rắn	Km 2144 Quốc lộ 1A, ấp Sóc Xoài, xã Mỹ Hương, TP. Cần Thơ, Việt Nam
Ban quản trang An viên Thiên Đường	Ấp Phú Ninh, xã An Ninh, TP. Cần Thơ, Việt Nam
Cửa hàng Xăng dầu Đô thị	Số 170A Mạc Đĩnh Chi, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ vệ sinh môi trường; Chiếu sáng công cộng; Xây dựng, duy tu, bảo dưỡng công trình đường bộ, hạ tầng kỹ thuật, đô thị, nghĩa trang, nghĩa địa; Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan; Trồng cây xanh, hoa kiểng; Bán buôn hoa, chậu kiểng và cây xanh; Xử lý rác thải không độc hại và độc hại; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước và xử lý nước thải; Bán buôn xăng, dầu và các sản phẩm liên quan.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Lâm Hữu Tùng	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023
Ông Đào Mạnh Hùng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023
Ông Hồ Thống Nhất	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023
Ông Đậu Đức Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023
Bà Lâm Xuân Mai	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Võ Thị Phương Ngân	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023
Bà Huỳnh Thị Thùy Trang	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023
Bà Nguyễn Hoàng Lan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Đậu Đức Hiền	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2025
Ông Phùng Thanh Tâm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2022
Ông Hồ Thống Nhất	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2023
Bà Đặng Hồng Nghi	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2023

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Lâm Hữu Tùng	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023
Ông Đậu Đức Hiền	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2025

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ Chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Thay mặt Hội đồng quản trị,

Lâm Hữu Tùng
Chủ tịch

Ngày 02 tháng 3 năm 2026



SO
TNI
Ả TU
C
LÀNH
M Đ
TP.

Số: 4.0073/26/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CÔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 02 tháng 3 năm 2026, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Hữu Danh
 Thành viên Ban Giám đốc
 Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1242-2023-008-1
 Người được ủy quyền



Nguyễn Hữu Nghị
 Kiểm toán viên
 Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3132-2025-008-1

TP. Cần Thơ, ngày 02 tháng 3 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		156.153.649.640	130.427.375.949
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	4.454.112.073	5.414.330.085
1. Tiền	111		4.454.112.073	5.414.330.085
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		7.900.000.000	7.900.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	7.900.000.000	7.900.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		110.615.762.868	83.044.481.245
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	98.083.332.005	65.359.078.956
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	13.844.933.951	15.179.690.484
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	4.151.461.895	4.578.974.921
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(5.463.964.983)	(2.073.263.116)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		32.024.835.407	32.920.505.448
1. Hàng tồn kho	141	V.7	32.024.835.407	32.920.505.448
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.158.939.292	1.148.059.171
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	740.620.698	927.094.636
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	418.318.594	220.964.535
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		50.422.978.388	53.627.582.474
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	89.876.700
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	-	89.876.700
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		33.397.318.099	37.636.714.185
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	33.397.318.099	37.636.714.185
- Nguyên giá	222		107.026.665.498	104.148.387.568
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(73.629.347.399)	(66.511.673.383)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
- Nguyên giá	228		170.000.000	170.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(170.000.000)	(170.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		14.200.000.000	12.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	14.200.000.000	12.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.825.660.289	3.900.991.589
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	2.825.660.289	3.900.991.589
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		206.576.628.028	184.054.958.423

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		126.957.490.721	106.019.822.126
I. Nợ ngắn hạn	310		126.957.490.721	105.549.409.990
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	22.006.839.558	9.979.761.720
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	16.279.908.548	16.500.775.888
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	6.403.835.493	6.917.994.564
4. Phải trả người lao động	314	V.14	6.036.079.066	6.854.643.711
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	184.296.479	164.207.466
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	4.534.602.004	3.722.198.557
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	30.376.277.902	23.052.186.380
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	30.989.577.799	25.862.080.078
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19	549.627.580	2.919.768.948
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	9.596.446.292	9.575.792.678
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	470.412.136
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	-	470.412.136
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		79.619.137.307	78.035.136.297
I. Vốn chủ sở hữu	410		79.619.137.307	78.035.136.297
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	56.000.000.000	56.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56.000.000.000	56.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	8.072.589.788	6.749.460.725
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.21	6.697.663.868	5.374.534.805
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	8.848.883.651	9.911.140.767
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		103.528.897	9.911.140.767
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		8.745.354.754	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		206.576.628.028	184.054.958.423


Thạch Bảo Vi
Người lập

Trần Hải Đăng
Kế toán trưởngĐậu Đức Hiền
Tổng Giám đốc

TP. Cần Thơ, ngày 02 tháng 3 năm 2026

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

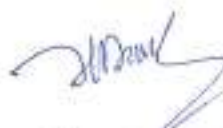
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	167.317.350.691	172.719.349.547
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		167.317.350.691	172.719.349.547
4. Giá vốn hàng bán	11	VL2	126.384.793.514	134.684.271.808
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		40.932.557.177	38.035.077.739
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	2.735.053.049	2.056.188.219
7. Chi phí tài chính	22	VL4	2.461.075.339	2.374.415.648
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.804.336.295	2.338.328.087
8. Chi phí bán hàng	25		-	540.762.451
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VL5	19.926.329.026	15.820.887.348
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		21.280.205.861	21.355.200.511
11. Thu nhập khác	31	VL6	2.034.704.068	1.932.082.867
12. Chi phí khác	32	VL7	2.049.661.401	1.940.357.572
13. Lợi nhuận khác	40		(14.957.333)	(8.274.705)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21.265.248.528	21.346.925.806
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	3.155.455.404	3.065.205.188
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>18.109.793.124</u>	<u>18.281.720.618</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL8		
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VL8		


Thục Bảo Vi
Người lập

Trần Hải Đăng
Kế toán trưởng

TP. Cần Thơ, ngày 02 tháng 3 năm 2026

Đậu Đức Hiền
Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		143.829.552.606	169.536.402.036
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(89.651.133.202)	(105.767.164.827)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(29.843.205.481)	(30.347.399.296)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	V.15, V.14	(1.767.578.732)	(2.376.956.164)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.13	(3.010.348.372)	(2.609.431.700)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		24.142.232.128	24.854.028.790
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(36.391.635.884)	(36.414.671.990)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<u><u>7.307.883.063</u></u>	<u><u>16.874.806.849</u></u>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.11	(2.861.111.112)	(399.209.703)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2b	(2.118.065.991)	(3.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.3a, V.13	2.710.751.701	1.984.588.632
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<u><u>(2.268.425.402)</u></u>	<u><u>(1.414.621.071)</u></u>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

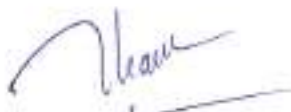
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18a	64.267.346.501	62.196.279.265
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18a	(59.687.819.034)	(68.232.789.888)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.17, V.21	(10.579.203.140)	(10.068.582.900)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>(5.999.675.673)</u>	<u>(16.105.093.523)</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(960.218.012)	(644.907.745)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	5.414.330.085	6.059.237.830
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>4.454.112.073</u>	<u>5.414.330.085</u>

Cần Thơ, ngày 02 tháng 3 năm 2026


Thạch Bảo Vệ
Người lập

Trần Hải Đăng
Kế toán trưởngĐào Đức Hiền
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ và thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ vệ sinh môi trường; Chiếu sáng công cộng; Xây dựng, duy tu, bảo dưỡng công trình đường bộ, hạ tầng kỹ thuật, đô thị, nghĩa trang, nghĩa địa; Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan; Trồng cây xanh, hoa kiểng; Bán buôn hoa, chậu kiểng và cây xanh; Xử lý rác thải không độc hại và độc hại; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước và xử lý nước thải; Bán buôn xăng, dầu và các sản phẩm liên quan.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Vĩnh Châu	Số 30 Phan Thanh Giản, khu vực 1, phường Vĩnh Châu, TP. Cần Thơ, Việt Nam	Dịch vụ vệ sinh môi trường; Xây dựng, duy tu, bảo dưỡng công trình đường bộ, hạ tầng kỹ thuật, đô thị, nghĩa trang, nghĩa địa; Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Cơ khí - Xây dựng Đô thị Sóc Trăng	Số 67 Phạm Hùng, phường Sóc Trăng, TP. Cần Thơ, Việt Nam	Xây dựng, duy tu, bảo dưỡng công trình đường bộ, hạ tầng kỹ thuật, đô thị, nghĩa trang, nghĩa địa	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Chiếu sáng Sóc Trăng	Số 170 Mạc Đĩnh Chi, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam	Xây dựng công trình điện	100%	100%	100%

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Môi trường	170 Mạc Đĩnh Chi, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam
Xí nghiệp Công viên Cây xanh	442 Bạch Đằng, khu vực 6, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam
Xí nghiệp Thoát nước	Số 23 Cao Thắng, khu vực 12, phường Sóc Trăng, TP. Cần Thơ, Việt Nam
Xí nghiệp Liên hợp xử lý chất thải rắn	Km 2144 Quốc lộ 1A, ấp Sóc Xoài, xã Mỹ Hương, TP. Cần Thơ, Việt Nam
Ban quản trang An viên Thiên Đường	Áp Phú Ninh, xã An Ninh, TP. Cần Thơ, Việt Nam
Cửa hàng Xăng dầu Đô thị	Số 170A Mạc Đĩnh Chi, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 280 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 296 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ngày 27 tháng 10 năm 2025 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") và các Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200. Các quy định của Thông tư 99 được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ vay ngân hàng: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.



3015
CÔNG TY
TOÁN
A&
CHI NH
ẦY N
PHU

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm và giá trị lợi thế kinh doanh. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian được bảo hiểm.

Giá trị lợi thế kinh doanh

Giá trị lợi thế kinh doanh của Công ty được xác định căn cứ vào Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng. Giá trị lợi thế kinh doanh này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	07

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ gồm chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa chương trình phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm:

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 5% trên doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ

Việc trích trước chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định theo định kỳ được căn cứ vào kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí. Nếu chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí.

12. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31, tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	116.571.879	616.680.307
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.337.540.194	4.797.649.778
Cộng	4.454.112.073	5.414.330.085

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng	7.900.000.000	7.900.000.000	7.900.000.000	7.900.000.000
Cộng	7.900.000.000	7.900.000.000	7.900.000.000	7.900.000.000

Toàn bộ khoản tiền gửi có kỳ hạn đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng (xem thuyết minh V.18a).



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con				
Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Vĩnh Châu ⁽ⁱ⁾	9.000.000.000	-	9.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí - Xây dựng Đô thị Sóc Trăng ⁽ⁱⁱ⁾	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Chiếu sáng Sóc Trăng ⁽ⁱⁱⁱ⁾	2.200.000.000	-	-	-
Cộng	14.200.000.000	-	12.000.000.000	-

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200755178 ngày 19 tháng 12 năm 2018 và đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 12 tháng 12 năm 2025 do Sở Tài chính TP. Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Vĩnh Châu 9.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ số vốn đã đăng ký.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200779027 ngày 01 tháng 7 năm 2020 và đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 29 tháng 8 năm 2025 do Sở Tài chính TP. Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Cơ khí - Xây dựng Đô thị Sóc Trăng 3.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ số vốn đã đăng ký.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200813768 ngày 30 tháng 12 năm 2024 và đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 26 tháng 9 năm 2025 do Sở Tài chính TP. Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Chiếu sáng Sóc Trăng 2.200.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty đã đầu tư 2.200.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ số vốn đã đăng ký.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con

Các công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với công ty con

Các giao dịch giữa Công ty với các công ty con như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Vĩnh Châu		
Cung cấp dịch vụ	-	2.646.088.889
Nhận cung cấp dịch vụ	22.993.137.925	21.888.805.784
Lợi nhuận được chia	1.760.840.882	1.284.310.112
Góp vốn bằng tiền	-	3.000.000.000
Công ty TNHH MTV Cơ khí - Xây dựng Đô thị Sóc Trăng		
Bán hàng	-	463.308.338
Cung cấp dịch vụ	696.000.000	3.605.814.852
Mua hàng	2.354.806	1.768.519



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>		
Nhận cung cấp dịch vụ	7.927.198.804	7.657.943.427		
Lợi nhuận được chia	633.910.819	383.412.767		
Công ty TNHH MTV Chiêu sáng Sóc Trăng				
Cung cấp dịch vụ	222.000.000	-		
Nhận cung cấp dịch vụ	11.230.822.834	-		
Góp vốn bằng tiền	2.118.065.991	-		
Góp vốn bằng tài sản cố định	24.924.243	-		
Góp vốn bằng công cụ, dụng cụ	57.009.766	-		
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>		
Phải thu các bên liên quan	770.859.598	4.317.566.767		
Công ty TNHH MTV Cơ khí - Xây dựng Đô thị Sóc Trăng	508.090.798	2.315.790.767		
Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Vĩnh Châu	142.888.800	2.001.776.000		
Công ty TNHH MTV Chiêu sáng Sóc Trăng	119.880.000	-		
Phải thu các khách hàng khác	97.312.472.407	61.041.512.189		
Sở Tài chính TP. Cần Thơ	24.034.151.988	27.644.151.988		
Phòng Quản lý Đô thị Sóc Trăng	-	16.569.428.813		
Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Vĩnh Châu	-	1.401.353.410		
Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Mỹ Xuyên	-	4.648.379.616		
Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường Phú Lợi	27.375.793.611	-		
Phòng Kinh tế hạ tầng và Đô thị phường Sóc Trăng	16.355.514.408	-		
Phòng Kinh tế hạ tầng và Đô thị phường Vĩnh Châu	13.903.508.278	-		
Các khách hàng khác	15.643.504.122	10.778.198.362		
Cộng	98.083.332.005	65.359.078.956		
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn				
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>		
Công ty TNHH Dũ Phong	3.469.000.000	3.469.000.000		
Văn phòng CES Miền nam Việt Nam	3.462.062.324	3.462.062.324		
Fichtner Water & Transportation GMBH	2.736.865.685	2.736.865.685		
Ban Quản lý dự án thoát nước	1.512.151.843	1.512.151.843		
Công ty Cổ phần Hà Đô 1	1.500.000.000	1.500.000.000		
Các nhà cung cấp khác	1.164.854.099	2.499.610.632		
Cộng	13.844.933.951	15.179.690.484		
5. Phải thu khác				
5a. Phải thu ngắn hạn khác				
	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	1.058.578.525	-	1.047.979.525	-
Ông Đậu Đức Hiền - Tạm ứng	1.058.578.525	-	1.043.979.525	-
Ông Phùng Thanh Tâm - Tạm ứng	-	-	4.000.000	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	3.092.883.370	-	3.530.995.396	-
Tạm ứng	2.469.449.699	-	3.262.123.771	-
Các khoản ký cược, ký quỹ	277.115.933	-	51.264.032	-
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	89.172.603	-	89.172.603	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	257.145.135	-	128.434.990	-
Cộng	4.151.461.895	-	4.578.974.921	-

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản ký cược, ký quỹ	-	-	89.876.700	-
Cộng	-	-	89.876.700	-

6. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Ủy ban nhân dân phường 2 - Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	95.890.000	-	95.890.000	-
Phòng Kinh tế và hạ tầng huyện Trần Đề - Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	202.182.960	-	202.182.960	-
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp - Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	306.491.484	-	306.491.484	-
Sở Tài chính TP. Cần Thơ - Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	6.888.130.956	2.282.072.157	1.198.546.782	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	253.341.740	-	270.151.890	-
Cộng	7.746.037.140	2.282.072.157	2.073.263.116	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.073.263.116	2.073.263.643
Trích lập dự phòng bổ sung	3.390.701.867	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(527)
Số cuối năm	5.463.964.983	2.073.263.116

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	289.124.851	-	265.846.703	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	31.706.164.388	-	31.587.096.009	-
Thành phẩm	29.546.168	-	-	-
Hàng hóa	-	-	1.067.562.736	-
Cộng	32.024.835.407	-	32.920.505.448	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	65.997.304	78.318.122
Chi phí bảo hiểm	269.555.090	291.480.449
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	405.068.304	557.296.065
Cộng	<u>740.620.698</u>	<u>927.094.636</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá trị lợi thế kinh doanh	1.542.622.475	2.313.933.719
Công cụ, dụng cụ	114.312.318	327.668.969
Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.168.725.496	1.259.388.901
Cộng	<u>2.825.660.289</u>	<u>3.900.991.589</u>

9. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền đẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	24.980.839.039	23.608.061.000	55.415.987.529	143.500.000	104.148.387.568
Mua trong năm	-	48.985.000	2.861.111.112	-	2.910.096.112
Góp vốn vào công ty con	-	(31.818.182)	-	-	(31.818.182)
Số cuối năm	<u>24.980.839.039</u>	<u>23.625.227.818</u>	<u>58.277.098.641</u>	<u>143.500.000</u>	<u>107.026.665.498</u>
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	850.018.182	15.343.634.800	-	16.193.652.982
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	8.783.463.689	17.387.274.967	40.279.434.739	61.499.988	66.511.673.383
Khấu hao trong năm	772.076.196	2.312.390.177	4.019.601.586	20.499.996	7.124.567.955
Góp vốn vào công ty con	-	(6.893.939)	-	-	(6.893.939)
Số cuối năm	<u>9.555.539.885</u>	<u>19.692.771.205</u>	<u>44.299.036.325</u>	<u>81.999.984</u>	<u>73.629.347.399</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	16.197.375.350	6.220.786.033	15.136.552.790	82.000.012	37.636.714.185
Số cuối năm	<u>15.425.299.154</u>	<u>3.932.456.613</u>	<u>13.978.062.316</u>	<u>61.500.016</u>	<u>33.397.318.099</u>
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 24.160.139.747 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty và các bên liên quan tại các ngân hàng (xem thuyết minh V.18a, V.18b và VII.1b).



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31, tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>
Nguyên giá	
Số đầu năm	170.000.000
Số cuối năm	<u>170.000.000</u>
<i>Trong đó:</i>	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	170.000.000
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	170.000.000
Số cuối năm	<u>170.000.000</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	<u>-</u>

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>14.801.003.537</i>	<i>2.380.192.498</i>
Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Vĩnh Châu	7.825.729.228	1.755.342.506
Công ty TNHH MTV Cơ khí - Xây dựng Đô thị Sóc Trăng	2.714.442.718	624.849.992
Công ty TNHH MTV Chiếu sáng Sóc Trăng	3.985.968.145	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thanh Trường	274.863.446	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>7.205.836.021</i>	<i>7.599.569.222</i>
Công ty TNHH Trịnh Văn Chuyện	1.231.687.502	1.514.212.676
Các nhà cung cấp khác	5.974.148.519	6.085.356.546
Cộng	<u>22.006.839.558</u>	<u>9.979.761.720</u>
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả người bán ngắn hạn về mua sắm tài sản cố định/xây dựng cơ bản	48.985.000	-

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Sở Tài chính TP. Cần Thơ	14.206.318.366	14.206.318.366
Các khách hàng khác	2.073.590.182	2.294.457.522
Cộng	<u>16.279.908.548</u>	<u>16.500.775.888</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.007.646.193	-	12.160.306.458 (12.819.572.561)		3.348.380.090	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	28.951.750 (28.951.750)		-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.910.348.371	-	3.155.455.404 (3.010.348.372)		3.055.455.403	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	220.964.535	1.092.264.590 (1.289.618.649)		-	418.318.594
Thuế nhà đất	-	-	3.228.607 (3.228.607)		-	-
Tiền thuế đất	-	-	268.233.197 (268.233.197)		-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.020.000 (3.020.000)		-	-
Cộng	6.917.994.564	220.964.535	16.711.460.006 (17.422.973.136)		6.403.835.493	418.318.594

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ công ích (môi trường, thoát nước), thu gom, xử lý rác thải và dịch vụ khác 10%
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan, chiếu sáng công cộng từ ngày 1/1/2025 đến ngày 30/6/2025 Không chịu thuế
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan, chiếu sáng công cộng từ ngày 1/7/2025 đến ngày 31/12/2025 10%
- Bán mộ phần Không chịu thuế

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 1, Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ.

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 1, Nghị định số 174/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 59121000050 ngày 21 tháng 7 năm 2008 do Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động thoát nước và xử lý nước thải với thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 4 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Năm 2025 là năm thứ 8 Công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động xử lý chất thải rắn của dự án đầu tư khu liên hiệp xử lý chất thải rắn với thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 4 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Năm 2025 là năm thứ 5 Công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.



YTM
VÀ T
C
HÀM
AM B
- TP

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập từ các hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn và xử lý nước thải phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10%.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21.265.248.528	21.346.925.806
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	5.704.576.374	5.902.975.557
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	26.969.824.902	27.249.901.363
Thu nhập được miễn thuế	<u>(2.394.751.701)</u>	<u>(1.667.722.879)</u>
Thu nhập tính thuế	24.575.073.201	25.582.178.484
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	<i>4.915.014.640</i>	<i>5.116.435.697</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>	<i>(1.396.536.141)</i>	<i>(1.678.338.915)</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>	<i>(363.023.095)</i>	<i>(427.748.411)</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</i>	<i>3.155.455.404</i>	<i>3.010.348.371</i>
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm trước</i>	<i>-</i>	<i>54.856.817</i>
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	<u>3.155.455.404</u>	<u>3.065.205.188</u>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

<u>Vị trí đất</u>	<u>Diện tích (m²)</u>	<u>Mức tiền thuê (VND/m²/năm)</u>
- Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam	1.934	111.360
	1.014,4	55.680
- Km 2144 Quốc lộ 1A, ấp Sóc Xoài, xã Mỹ Hương, TP. Cần Thơ, Việt Nam	7.706,8	2.250
	17.972,9	1.125
	226.496,3	1.000
- Số 170A Mạc Đĩnh Chi, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam	286,7	240.000



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Số 170 Mạc Đĩnh Chi, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam	266,3	140.000
- Số 23, Cao Thắng, khu vực 12, phường Sóc Trăng, TP. Cần Thơ, Việt Nam	11.999,7 15.999,6 36.110,6	16.000 8.000 4.000
- Số 442 Bạch Đằng, khu vực 6, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam	3.151,7 4.860,4 16.646,5	5.040 3.360 1.400
- Số 30 Phan Thanh Giản, khu vực 1, phường Vĩnh Châu, TP. Cần Thơ, Việt Nam	599,8	8.750
<i>Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác</i> Công ty kê khai và nộp theo quy định.		
14. Phải trả người lao động	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền lương phải trả	6.036.079.066	6.854.643.711
Cộng	6.036.079.066	6.854.643.711
15. Chi phí phải trả ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	157.697.205	120.939.642
Phí bảo vệ môi trường đối với nước xả thải	26.599.274	43.267.824
Cộng	184.296.479	164.207.466
16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thu trước về dịch vụ chăm sóc, bảo quản huyết mố	4.534.602.004	3.722.198.557
Cộng	4.534.602.004	3.722.198.557
17. Phải trả ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí chờ quyết toán nhà máy xử lý chất thải rắn	330.984.433	330.984.433
Cổ tức phải trả	39.170.515	23.173.655
Tài sản nhận bàn giao nhà máy xử lý chất thải rắn	9.018.386.297	9.018.386.297
Tiền thu hộ dịch vụ thoát nước thải	7.871.068.301	7.869.691.108
Tiền thu hộ dịch vụ vệ sinh	7.064.805.642	2.947.600.921
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	6.051.862.714	2.862.349.966
Cộng	30.376.277.902	23.052.186.380

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**18. Vay****18a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng ⁽¹⁾	30.426.801.801	22.069.929.675
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)	562.775.998	3.792.150.403
Cộng	30.989.577.799	25.862.080.078

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- ⁽¹⁾ Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng để bổ sung vốn lưu động kinh doanh dịch vụ vệ sinh môi trường, quản lý, duy tu, bảo dưỡng hệ thống thoát nước công cộng... với lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ và thời hạn tối đa 6 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ khoản tiền gửi có kỳ hạn và tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.2a và V.9).

Chi tiết phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển từ vay dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	22.069.929.675	64.267.346.501	-	(55.910.474.375)	-	30.426.801.801
Vay dài hạn đến hạn trả	3.792.150.403	-	470.412.136	(3.777.344.659)	77.558.118	562.775.998
Cộng	25.862.080.078	64.267.346.501	470.412.136	(59.687.819.034)	77.558.118	30.989.577.799

18b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Cần Thơ ⁽¹⁾	-	470.412.136
Cộng	-	470.412.136

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- ⁽¹⁾ Khoản vay vốn ODA thông qua Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Cần Thơ để thanh toán các chi phí đầu tư xây dựng công trình nhà máy xử lý chất thải rắn thành phố Sóc Trăng và các vùng lân cận thuộc tỉnh Sóc Trăng với lãi suất ở mức 0%/năm tính trên số dư nợ thực tế (đã bao gồm cả phí cho vay lại 0,2%/năm), thời hạn 14 năm kể từ ngày ký Hiệp định vay nước ngoài (21/12/2012), thời gian ân hạn là 04 năm. Số tiền vay được hoàn trả hàng 06 tháng một lần vào ngày 25/6 và 25/12. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.9).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	562.775.998	3.792.150.403
Trên 01 năm đến 05 năm	-	470.412.136
Cộng	562.775.998	4.262.562.539

Chi tiết phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

Số đầu năm	470.412.136
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(470.412.136)
Số cuối năm	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**18c. Vay quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

19. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng do trích lập trong năm	Số sử dụng trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Số cuối năm
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	192.689.650	549.627.580	(40.221.000)	(152.468.650)	549.627.580
Dự phòng chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ	2.727.079.298	-	(2.504.004.249)	(223.075.049)	-
Cộng	2.919.768.948	549.627.580	(2.544.225.249)	(375.543.699)	549.627.580

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	7.889.396.183	4.999.016.746	(4.407.024.000)	8.481.388.929
Quỹ phúc lợi	848.043.264	555.446.305	(648.708.000)	754.781.569
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	838.353.231	376.129.063	(854.206.500)	360.275.794
Cộng	9.575.792.678	5.930.592.114	(5.909.938.500)	9.596.446.292

21. Vốn chủ sở hữu**21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ủy ban nhân dân TP. Cần Thơ	21.775.350.000	21.775.350.000
Công ty Cổ phần Ô tô Chuyên dùng Hiệp Hòa	10.000.000.000	10.000.000.000
Ông Lâm Hữu Tùng	11.991.650.000	11.354.650.000
Ông Trịnh Xuân Thắng	1.608.000.000	4.308.000.000
Các cổ đông khác	10.625.000.000	8.562.000.000
Cộng	56.000.000.000	56.000.000.000

21c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.600.000	5.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.600.000	5.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.600.000	5.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.600.000	5.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.600.000	5.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐỒ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận các năm trước theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ.ĐHĐCĐ-CTĐT ngày 17 tháng 4 năm 2025 như sau:

	Số được phân phối của Công ty ⁽⁰⁾	Số đã trích trong năm trước	Số trích trong năm nay
• Chia cổ tức cho các cổ đông	10.595.200.000	-	10.595.200.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	1.007.279.063	991.300.000	15.979.063
• Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.007.279.063	991.300.000	15.979.063
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.544.784.751	6.380.310.070	(835.525.319)
• Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	854.206.563	838.227.500	15.979.063

⁽⁰⁾ Số được phân phối của Công ty được tính như sau:

	Số được phân phối của Công ty và các công ty con	Số được phân phối của các công ty con	Số được phân phối của Công ty
• Chia cổ tức cho các cổ đông	10.595.200.000	-	10.595.200.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	1.007.279.063	-	1.007.279.063
• Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.007.279.063	-	1.007.279.063
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.528.544.080	983.759.329	5.544.784.751
• Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	1.007.279.063	153.072.500	854.206.563

Ngoài ra, Công ty đã tạm trích lập các quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ.ĐHĐCĐ-CTĐT ngày 17 tháng 4 năm 2025 như sau:

	Số tạm trích lập các quỹ của Công ty ⁽⁰⁾
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 1.307.150.000
• Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	: 1.307.150.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 6.389.988.370
• Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	: 360.150.000

⁽⁰⁾ Số tạm trích lập các quỹ của Công ty được tính như sau:

	Số tạm trích lập các quỹ của Công ty và các công ty con	Số tạm trích lập các quỹ của các công ty con	Số tạm trích lập các quỹ của Công ty
• Trích quỹ đầu tư phát triển	1.307.150.000	-	1.307.150.000
• Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.307.150.000	-	1.307.150.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.907.000.000	517.011.630	6.389.988.370
• Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	611.700.000	251.550.000	360.150.000



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua Nghị quyết số 01/NQ.HĐQT-CTĐT về việc tạm chia cổ tức năm 2025 là 1.520 VND/cổ phần (tương ứng với 15,2% mệnh giá cổ phiếu), dự kiến chi từ ngày 27 tháng 02 năm 2026. Khoản cổ tức phải trả này chưa được ghi nhận trên Báo cáo tài chính.

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

22a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	383.190.282	1.166.654.310
Trên 1 năm đến 5 năm	1.406.524.040	4.666.617.240
Trên 5 năm	27.436.466.410	42.283.334.615
Cộng	29.226.180.732	48.116.606.165

Công ty thuê đất dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực không quá 50 năm và đơn giá thuê đất được ổn định 05 năm và hết thời hạn ổn định, cơ quan thuế sẽ điều chỉnh lại đơn giá thuê đất áp dụng cho thời hạn tiếp theo theo quy định của Nhà nước.

22b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm	Nguyên nhân xóa sổ
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Dịch vụ Bảo Châu	101.700.000	101.700.000	Không khả năng thu hồi
Cộng	101.700.000	101.700.000	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	-	15.868.813.174
Doanh thu bán mộ phần	7.308.940.492	6.568.766.857
Doanh thu cung cấp dịch vụ	160.008.410.199	150.281.769.516
Cộng	167.317.350.691	172.719.349.547

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty chỉ phát sinh giao dịch cung cấp dịch vụ cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thanh Trường với số tiền là 381.818.184 VND (năm trước không có giao dịch phát sinh).

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	15.285.771.577
Giá vốn của mộ phần đã bán	5.327.388.387	4.824.407.939
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	121.057.405.127	114.574.092.292
Cộng	126.384.793.514	134.684.271.808



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	316.000.000	316.865.753
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	24.301.348	8.718.168
Lợi nhuận được chia	2.394.751.701	1.667.722.879
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	24.004.394
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	38.877.025
Cộng	<u>2.735.053.049</u>	<u>2.056.188.219</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	1.804.336.295	2.338.328.087
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	579.180.926	36.087.561
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	77.558.118	-
Cộng	<u>2.461.075.339</u>	<u>2.374.415.648</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	7.492.732.465	7.979.321.751
Chi phí vật liệu quản lý	429.141.892	468.712.335
Chi phí đồ dùng văn phòng	188.188.739	76.578.024
Chi phí khấu hao tài sản cố định	436.664.986	530.258.594
Thuế, phí và lệ phí	5.299.567	5.299.567
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	3.390.701.867	(527)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	277.721.433	266.200.489
Các chi phí khác	7.705.878.077	6.494.517.115
Cộng	<u>19.926.329.026</u>	<u>15.820.887.348</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền dịch vụ vệ sinh, dịch vụ thoát nước thải	1.882.235.142	1.878.955.555
Thu nhập khác	152.468.926	53.127.312
Cộng	<u>2.034.704.068</u>	<u>1.932.082.867</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí tổ chức thu giá dịch vụ vệ sinh, dịch vụ thoát nước thải	2.049.661.401	1.893.499.923
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	46.857.649
Cộng	<u>2.049.661.401</u>	<u>1.940.357.572</u>

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐỒ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.990.987.608	24.845.712.142
Chi phí nhân công	34.440.816.075	37.030.531.352
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.124.567.955	9.475.715.381
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.950.054.828	2.037.105.628
Chi phí khác	80.917.641.328	61.368.660.829
Cộng	146.424.067.794	134.757.725.332

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Chia cổ tức	2.177.092.180	2.043.837.000
Các thành viên Ban điều hành		
Tạm ứng	35.000.000	-
Hoàn tạm ứng	24.401.000	-

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.5a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên Ban kiểm soát

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ông Lâm Hữu Tùng - Chủ tịch Hội đồng quản trị	978.520.000	964.000.000
Ông Đậu Đức Hiền - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	756.986.500	745.100.000
Ông Hồ Thống Nhất - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	621.600.000	624.600.000
Ông Đào Mạnh Hùng - Thành viên Hội đồng quản trị	170.000.000	150.000.000
Bà Lâm Xuân Mai - Thành viên Hội đồng quản trị	170.000.000	150.000.000
Bà Võ Thị Phương Ngân - Trưởng Ban kiểm soát	396.900.000	392.950.000



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31, tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bà Nguyễn Hoàng Lan - Thành viên Ban kiểm soát	24.000.000	24.000.000
Bà Huỳnh Thị Thùy Trang - Thành viên Ban kiểm soát	24.000.000	24.000.000
Ông Phùng Thanh Tâm - Phó Tổng Giám đốc	584.300.000	580.650.000
Bà Đặng Hồng Nghi - Phó Tổng Giám đốc	584.300.000	580.650.000
Cộng	<u>4.310.606.500</u>	<u>4.235.950.000</u>

1b. Giao dịch và số dư với bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ủy ban nhân dân TP. Cần Thơ	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Ô tô Chuyên dùng Hiệp Hòa	Cổ đông lớn
Ông Trịnh Xuân Thắng	Cổ đông lớn (từ ngày 11 tháng 3 năm 2025 không còn là cổ đông lớn)
Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Vĩnh Châu	Công ty con
Công ty TNHH MTV Cơ khí - Xây dựng Đô thị Sóc Trăng	Công ty con
Công ty TNHH MTV Chiếu sáng Sóc Trăng	Công ty con
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thanh Trường	Công ty có người đại diện pháp luật có mối quan hệ mật thiết với Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ủy ban nhân dân TP. Cần Thơ		
Chia cổ tức	4.119.896.220	3.919.563.000
Công ty Cổ phần Ô tô Chuyên dùng Hiệp Hòa		
Chia cổ tức	1.892.000.000	1.800.000.000
Ông Trịnh Xuân Thắng		
Chia cổ tức	531.534.720	775.440.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thanh Trường		
Mua hàng	12.261.791.704	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Cam kết bảo lãnh

Công ty dùng tài sản cố định hữu hình thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty TNHH MTV Cơ khí - Xây dựng Đô thị Sóc Trăng và Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Vĩnh Châu tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng (xem thuyết minh số V.9).



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐỒ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.3 và V.11.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ công ích, xử lý rác thải, dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1 và VI.2.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngoài sự kiện đã nêu tại thuyết minh số V.21d, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

119915-003
CÔNG TY TNHH
KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
A&C
CHI NHÁNH
TÂY NAM BỘ
CẦN THƠ - TP. C

Thạch Bảo Vi
Người lập

Trần Hải Đăng
Kế toán trưởng



TP. Cần Thơ, ngày 02 tháng 3 năm 2026

Đậu Đức Hiền
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	56.000.000.000	5.719.646.509	4.344.720.589	12.130.573.448	78.194.940.546
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	18.281.720.618	18.281.720.618
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	1.029.814.216	1.029.814.216	(10.421.153.299)	(8.361.524.867)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	(10.080.000.000)	(10.080.000.000)
Số dư cuối năm trước	56.000.000.000	6.749.460.725	5.374.534.805	9.911.140.767	78.035.136.297
Số dư đầu năm nay	56.000.000.000	6.749.460.725	5.374.534.805	9.911.140.767	78.035.136.297
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	18.109.793.124	18.109.793.124
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	1.323.129.063	1.323.129.063	(8.576.850.240)	(5.930.592.114)
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	(10.595.200.000)	(10.595.200.000)
Số dư cuối năm nay	56.000.000.000	8.072.589.788	6.697.663.868	8.848.883.651	79.619.137.307


Thạch Bảo Vi
Người lập

Trần Hải Đăng
Kế toán trưởngĐậu Đức Hiền
Tổng Giám đốc

TP. Cần Thơ, ngày 02 tháng 3 năm 2026



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ
SÓC TRĂNG



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	13 - 39
8. Phụ lục	40



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn").

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 1505/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Sóc Trăng thành công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200177456, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 7 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 19 tháng 11 năm 2025 do Sở Tài chính TP. Cần Thơ cấp.

Ngày 30 tháng 4 năm 2019, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là USD.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam
- Điện thoại : 0299 3822354 - 0299 3825900
- Fax : 0299 3822354 - 0299 3825900

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Môi trường	170 Mạc Đĩnh Chi, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam
Xí nghiệp Công viên Cây xanh	442 Bạch Đằng, khu vực 6, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam
Xí nghiệp Thoát nước	Số 23 Cao Thắng, khu vực 12, phường Sóc Trăng, TP. Cần Thơ, Việt Nam
Xí nghiệp Liên hợp xử lý chất thải rắn	Km 2144 Quốc lộ 1A, ấp Sóc Xoài, xã Mỹ Hương, TP. Cần Thơ, Việt Nam
Ban quản trang An viên Thiên Đường	Ấp Phú Ninh, xã An Ninh, TP. Cần Thơ, Việt Nam
Cửa hàng Xăng dầu Đô thị	Số 170A Mạc Đĩnh Chi, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam
Xí nghiệp Môi trường	170 Mạc Đĩnh Chi, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ vệ sinh môi trường; Chiếu sáng công cộng; Xây dựng, duy tu, bảo dưỡng công trình đường bộ, hạ tầng kỹ thuật, đô thị, nghĩa trang, nghĩa địa; Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan; Trồng cây xanh, hoa kiểng; Bán buôn hoa, chậu kiểng và cây xanh; Xử lý rác thải không độc hại và độc hại; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước và xử lý nước thải; Bán buôn xăng, dầu và các sản phẩm liên quan.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Lâm Hữu Tùng	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023
Ông Đào Mạnh Hùng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023
Ông Hồ Thống Nhất	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023
Ông Đậu Đức Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023
Bà Lâm Xuân Mai	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Võ Thị Phương Ngân	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023
Bà Huỳnh Thị Thùy Trang	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023
Bà Nguyễn Hoàng Lan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Đậu Đức Hiền	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2025
Ông Phùng Thanh Tâm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2022
Ông Hồ Thống Nhất	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2023
Bà Đặng Hồng Nghi	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2023

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Lâm Hữu Tùng	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023
Ông Đậu Đức Hiền	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2025

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Hội đồng quản trị,

Lâm Hữu Tùng
Chủ tịch

Ngày 02 tháng 3 năm 2026

SOJ
TINH
TUY
C
ANH
M B
TP. C



Số: 4.0074/26/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 02 tháng 3 năm 2026, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Tây Nam Bộ



Nguyễn Hữu Danh

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1242-2023-008-1

Người được ủy quyền



Nguyễn Hữu Nghi

Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3132-2025-008-1

TP. Cần Thơ, ngày 02 tháng 3 năm 2026

A&C Auditing and Consulting Co., Ltd. (including as Baker Tilly A&C) is a member of the global network of Baker Tilly International Ltd., the members of which are separate and independent legal entities



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		178.522.640.117	156.902.616.337
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	7.829.142.826	15.833.824.924
1. Tiền	111		7.829.142.826	15.833.824.924
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		7.900.000.000	7.900.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	7.900.000.000	7.900.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		126.652.119.355	96.785.690.946
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	111.033.749.205	76.287.038.964
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	13.867.433.951	15.191.190.484
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	7.228.161.182	7.380.724.614
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(5.477.224.983)	(2.073.263.116)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		34.891.182.822	35.171.946.456
1. Hàng tồn kho	141	V.7	34.891.182.822	35.171.946.456
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.250.195.114	1.211.154.011
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	831.876.520	990.189.476
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	418.318.594	220.964.535
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		40.554.909.934	45.563.197.485
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		645.207.900	1.092.102.999
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	645.207.900	1.092.102.999
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		36.717.871.958	39.970.921.538
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	36.717.871.958	39.970.921.538
- Nguyên giá	222		118.208.351.312	113.867.699.644
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(81.490.479.354)	(73.896.778.106)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
- Nguyên giá	228		170.000.000	170.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(170.000.000)	(170.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.191.830.076	4.500.172.948
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	3.191.830.076	4.500.172.948
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		219.077.550.051	202.465.813.822

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số	
			cuối năm	đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		134.745.066.939	121.443.956.425
I. Nợ ngắn hạn	310		133.879.866.939	120.973.544.289
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	22.974.834.562	18.923.210.748
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	16.604.558.548	18.202.776.888
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	7.328.795.366	7.456.230.444
4. Phải trả người lao động	314	V.14	7.408.118.165	7.531.306.217
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	404.604.850	277.584.426
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	4.534.602.004	3.722.198.557
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	30.537.163.736	23.777.110.688
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	32.904.976.079	27.862.220.467
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19	549.627.580	2.919.768.948
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	10.632.586.049	10.301.136.906
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		865.200.000	470.412.136
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	865.200.000	470.412.136
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

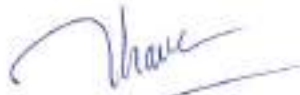
Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		84.332.483.112	81.021.857.397
I. Vốn chủ sở hữu	410		84.332.483.112	81.021.857.397
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	56.000.000.000	56.000.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		56.000.000.000	56.000.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	8.072.589.788	6.749.460.725
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.21	6.697.663.868	5.374.534.805
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	13.562.229.456	12.897.861.867
- <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		2.498.280.598	12.897.861.867
- <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	421b		11.063.948.858	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		219.077.550.051	202.465.813.822


Thục Bảo Vi
Người lập

Trần Hải Đăng
Kế toán trưởng

TP. Cần Thơ, ngày 02 tháng 3 năm 2026

Đậu Đức Hiền
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	221.509.732.977	216.960.655.465
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		221.509.732.977	216.960.655.465
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	166.030.218.887	168.392.899.131
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		55.479.514.090	48.567.756.334
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	352.519.412	392.627.859
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.619.061.958	2.764.589.253
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.962.322.914	2.728.501.692
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	151.633.360	707.937.731
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	28.422.774.439	21.859.161.344
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24.638.563.745	23.628.695.865
12. Thu nhập khác	31	VI.7	2.039.614.307	1.933.112.324
13. Chi phí khác	32	VI.8	2.050.660.849	2.110.419.905
14. Lợi nhuận khác	40		(11.046.542)	(177.307.581)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		24.627.517.203	23.451.388.284
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	3.430.568.345	3.305.807.015
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>21.196.948.858</u>	<u>20.145.581.269</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>21.196.948.858</u>	<u>20.145.581.269</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a, b	<u>2.443</u>	<u>2.252</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9a, b	<u>2.443</u>	<u>2.252</u>


Thục Bảo Vi
Người lập

Trần Hải Đăng
Kế toán trưởng

Cần Thơ, ngày 02 tháng 3 năm 2026

Đậu Đức Hiền
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		213.911.957.087	228.369.162.809
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(161.107.676.687)	(148.928.441.207)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(37.081.539.799)	(36.207.811.077)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	V.15, VI.4	(1.921.300.607)	(2.761.586.142)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.13	(3.302.950.200)	(2.896.259.565)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		42.549.473.256	46.182.274.333
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(51.857.760.698)	(61.044.621.879)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<u><i>1.190.202.352</i></u>	<u><i>22.712.717.272</i></u>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.11	(4.291.666.668)	(399.209.703)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a, VI.3	316.000.000	316.865.753
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<u><i>(3.975.666.668)</i></u>	<u><i>(82.343.950)</i></u>



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

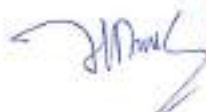
Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18a,b	70.804.334.981	70.594.955.494
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18a	(65.444.349.623)	(79.596.636.184)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.17, V.21	(10.579.203.140)	(10.068.582.900)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>(5.219.217.782)</u>	<u>(19.070.263.590)</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(8.004.682.098)	3.560.109.732
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	15.833.824.924	12.273.715.192
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>7.829.142.826</u>	<u>15.833.824.924</u>

TP. Cần Thơ, ngày 02 tháng 3 năm 2026


Thạch Bảo Vi
Người lập

Trần Hải Đăng
Kế toán trưởngĐào Đức Hiền
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng (sau đây gọi tắt là "Công ty" hay "Công ty mẹ") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ và thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ vệ sinh môi trường; Chiếu sáng công cộng; Xây dựng, duy tu, bảo dưỡng công trình đường bộ, hạ tầng kỹ thuật, đô thị, nghĩa trang, nghĩa địa; Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan; Trồng cây xanh, hoa kiểng; Bán buôn hoa, chậu kiểng và cây xanh; Xử lý rác thải không độc hại và độc hại; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước và xử lý nước thải; Bán buôn xăng, dầu và các sản phẩm liên quan.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 03 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tài cấu trúc Tập đoàn

Thành lập công ty con

Trong năm, Công ty đã góp vốn thành lập Công ty TNHH MTV Chiếu sáng Sóc Trăng với tỷ lệ góp vốn là 100% vốn điều lệ. Mục đích của việc tham gia góp vốn vào Công ty TNHH MTV Chiếu sáng Sóc Trăng là để kiểm soát hoạt động của Công ty này.

5b. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Vĩnh Châu	Số 30 Phan Thanh Giản, khu vực 1, phường Vĩnh Châu, TP. Cần Thơ, Việt Nam	Dịch vụ vệ sinh môi trường; Xây dựng, duy tu, bảo dưỡng công trình đường bộ, hạ tầng kỹ thuật, đô thị, nghĩa trang, nghĩa địa; Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Cơ khí - Xây dựng Đô thị Sóc Trăng	Số 67 Phạm Hùng, phường Sóc Trăng, TP. Cần Thơ, Việt Nam	Xây dựng, duy tu, bảo dưỡng công trình đường bộ, hạ tầng kỹ thuật, đô thị, nghĩa trang, nghĩa địa	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Chiếu sáng Sóc Trăng	Số 170 Mạc Đĩnh Chi, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam	Xây dựng công trình điện	100%	100%	100%	100%



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5c. Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Môi trường	170 Mạc Đĩnh Chi, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam
Xí nghiệp Công viên Cây xanh	442 Bạch Đằng, khu vực 6, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam
Xí nghiệp Thoát nước	Số 23 Cao Thắng, khu vực 12, phường Sóc Trăng, TP. Cần Thơ, Việt Nam
Xí nghiệp Liên hợp xử lý chất thải rắn	Km 2144 Quốc lộ 1A, ấp Sóc Xoài, xã Mỹ Hương, TP. Cần Thơ, Việt Nam
Ban quản trang An viên Thiên Đường	Ấp Phú Ninh, xã An Ninh, TP. Cần Thơ, Việt Nam
Cửa hàng Xăng dầu Đô thị	Số 170A Mạc Đĩnh Chi, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 363 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 364 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ngày 27 tháng 10 năm 2025 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") và các Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200. Các quy định của Thông tư 99 được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Thủ Đức, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ vay ngân hàng: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.

4. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa tài sản cố định và giá trị lợi thế kinh doanh. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian được bảo hiểm.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị lợi thế kinh doanh

Giá trị lợi thế kinh doanh của Công ty mẹ được xác định căn cứ vào Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng. Giá trị lợi thế kinh doanh này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05-10

Ngoài ra, một số máy móc và thiết bị là máy mài gạch, máy ép gạch được khấu hao theo phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm.

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn chỉ gồm chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐỒ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn bao gồm:

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 5% trên doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ

Việc trích trước chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định theo định kỳ được căn cứ vào kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí. Nếu chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐỒ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty mẹ.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm, hàng hóa như người sở hữu sản phẩm, hàng hóa hoặc quyền kiểm soát sản phẩm, hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn đã tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.131.362.662	4.951.303.644
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.697.780.164	10.882.521.280
Cộng	7.829.142.826	15.833.824.924

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn chỉ gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<i>Ngắn hạn</i>				
Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng	7.900.000.000	7.900.000.000	7.900.000.000	7.900.000.000
Cộng	7.900.000.000	7.900.000.000	7.900.000.000	7.900.000.000

Toàn bộ khoản tiền gửi có kỳ hạn đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng (xem thuyết minh V.18a).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Sở Tài chính TP. Cần Thơ	24.034.151.988	27.644.151.988
Phòng Quản lý Đô thị Sóc Trăng	-	19.410.921.946
Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Vĩnh Châu	-	1.401.353.410
Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Mỹ Xuyên	-	4.648.379.616
Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường Phú Lợi	27.375.793.611	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phòng Kinh tế hạ tầng và Đô thị phường Sóc Trăng	16.355.514.408	-
Phòng Kinh tế hạ tầng và Đô thị phường Vĩnh Châu	14.609.795.278	-
Các khách hàng khác	28.658.493.920	23.182.232.004
Cộng	111.033.749.205	76.287.038.964

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Dũ Phong	3.469.000.000	3.469.000.000
Văn phòng CES Miền nam Việt Nam	3.462.062.324	3.462.062.324
Fichtner Water & Transportation GMBH	2.736.865.685	2.736.865.685
Ban Quản lý dự án thoát nước	1.512.151.843	1.512.151.843
Công ty Cổ phần Hà Đô 1	1.500.000.000	1.500.000.000
Các nhà cung cấp khác	1.187.354.099	2.511.110.632
Cộng	13.867.433.951	15.191.190.484

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>1.058.578.525</i>	-	<i>1.047.979.525</i>	-
Ông Đậu Đức Hiền - Tạm ứng	1.058.578.525	-	1.043.979.525	-
Ông Phùng Thanh Tâm - Tạm ứng	-	-	4.000.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>6.169.582.657</i>	-	<i>6.332.745.089</i>	-
Tạm ứng	4.926.708.555	-	4.787.845.769	-
Các khoản ký cược, ký quỹ	885.154.573	-	1.327.291.727	-
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	89.172.603	-	89.172.603	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	268.546.926	-	128.434.990	-
Cộng	7.228.161.182	-	7.380.724.614	-

5b. Phải thu dài hạn khác

Là các khoản ký cược, ký quỹ.

6. Nợ xấu

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
Ủy ban nhân dân phường 2 - Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	95.890.000	-	95.890.000	-
Phòng Kinh tế và hạ tầng huyện Trần Đề - Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	202.182.960	-	202.182.960	-
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp - Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	306.491.484	-	306.491.484	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Số Tài chính TP. Cần Thơ - Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	6.888.130.956	2.282.072.157	1.198.546.782	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	266.941.740	-	270.151.890	-
Cộng	7.159.637.140	2.282.072.157	2.073.263.116	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.073.263.116	2.073.263.643
Trích lập dự phòng bổ sung	3.403.961.867	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(527)
Số cuối năm	5.477.224.983	2.073.263.116

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.850.548.993	-	2.046.011.858	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	31.706.164.388	-	31.592.422.549	-
Thành phẩm	288.201.108	-	400.804.313	-
Hàng hóa	46.268.333	-	1.132.707.736	-
Cộng	34.891.182.822	-	35.171.946.456	-

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	104.789.173	83.310.540
Chi phí bảo hiểm	322.019.043	344.503.507
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	405.068.304	562.375.429
Cộng	831.876.520	990.189.476

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	215.208.953	474.073.747
Giá trị lợi thế kinh doanh	1.542.622.475	2.313.933.719
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	241.149.711	425.496.611
Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.192.848.937	1.286.668.871
Cộng	3.191.830.076	4.500.172.948



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	25.868.745.039	24.168.061.000	63.609.893.605	221.000.000	113.867.699.644
Mua trong năm	-	48.985.000	4.291.666.668	-	4.340.651.668
Số cuối năm	25.868.745.039	24.217.046.000	67.901.560.273	221.000.000	118.208.351.312
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	860.518.182	16.450.630.439	39.500.000	17.350.648.621
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	8.973.341.511	17.644.915.344	47.167.537.925	110.983.326	73.896.778.106
Khấu hao trong năm	816.822.684	2.346.346.008	4.395.918.904	34.613.652	7.593.701.248
Số cuối năm	9.790.164.195	19.991.261.352	51.563.456.829	145.596.978	81.490.479.354
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	16.895.403.528	6.523.145.656	16.442.355.680	110.016.674	39.970.921.538
Số cuối năm	16.078.580.844	4.225.784.648	16.338.103.444	75.403.022	36.717.871.958
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 25.578.774.007 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng (xem thuyết minh V.18a và V.18b).

10. Tài sản cố định vô hình

	Chương trình phần mềm máy tính
Nguyên giá	
Số đầu năm	170.000.000
Số cuối năm	170.000.000
<i>Trong đó:</i>	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	170.000.000
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	170.000.000
Số cuối năm	170.000.000
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả bên liên quan</i>	<i>326.945.686</i>	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thanh Trường	326.945.686	
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>22.647.888.876</i>	<i>18.923.210.748</i>
Công ty TNHH TV - XD Vạn Phúc	5.629.891.100	-
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng PTP	809.627.850	1.975.440.988
Công ty TNHH Trịnh Văn Chuyện	3.375.035.844	5.046.597.618
Các nhà cung cấp khác	12.833.334.082	11.901.172.142
Cộng	22.974.834.562	18.923.210.748

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả người bán ngắn hạn về mua sắm tài sản cố định/xây dựng cơ bản	48.985.000	-

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Sở Tài chính TP. Cần Thơ	14.206.318.366	14.206.318.366
Các khách hàng khác	2.398.240.182	3.996.458.522
Cộng	16.604.558.548	18.202.776.888

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.452.679.551	-	18.834.344.317	(19.098.592.382)	4.188.431.486	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	28.951.750	(28.951.750)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.942.950.198	-	3.430.568.345	(3.302.950.200)	3.070.568.343	-
Thuế thu nhập cá nhân	60.600.695	220.964.535	1.367.603.746	(1.555.762.963)	69.795.537	418.318.594
Thuế nhà đất	-	-	268.233.197	(268.233.197)	-	-
Tiền thuế đất	-	-	3.228.607	(3.228.607)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	9.020.000	(9.020.000)	-	-
Cộng	7.456.230.444	220.964.535	23.941.949.962	(24.266.739.099)	7.328.795.366	418.318.594

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ cải tạo kênh mương	5%
- Thành phẩm, hàng hóa	10%



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- | | |
|--|-----------------|
| - Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan, chiếu sáng công cộng từ ngày 1/1/2025 đến ngày 30/6/2025 | Không chịu thuế |
| - Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan, chiếu sáng công cộng từ ngày 1/7/2025 đến ngày 31/12/2025 | 10% |
| - Bản mộ phần | Không chịu thuế |

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 1, Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ.

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 1, Nghị định số 174/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 59121000050 ngày 21 tháng 7 năm 2008 do Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động thoát nước và xử lý nước thải với thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 4 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Năm 2025 là năm thứ 8 Công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động xử lý chất thải rắn của dự án đầu tư khu liên hiệp xử lý chất thải rắn với thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 4 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Năm 2025 là năm thứ 5 Công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Thu nhập từ các hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn và xử lý nước thải phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10%.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Vĩnh Châu

Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Vĩnh Châu xác định ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ, Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Vĩnh Châu nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động kinh doanh trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Năm 2025 là năm thứ 03 Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Vĩnh Châu được giảm 50% số thuế phải nộp và năm thứ 07 được áp dụng thuế suất 10%.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty TNHH MTV Cơ khí – Xây dựng Đô thị Sóc Trăng

Công ty TNHH MTV Cơ khí – Xây dựng Đô thị Sóc Trăng xác định ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ, Công ty TNHH MTV Cơ khí – Xây dựng Đô thị Sóc Trăng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động kinh doanh trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn với thuế suất 17% kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo. Năm 2025 là năm thứ 04 Công ty TNHH MTV Cơ khí – Xây dựng Đô thị Sóc Trăng được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Công ty TNHH MTV Chiếu sáng Sóc Trăng

Theo khoản 4, Điều 10, Nghị quyết 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân, Công ty TNHH MTV Chiếu sáng Sóc Trăng được miễn thuế trong 3 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu do Công ty thuộc trường hợp doanh nghiệp vừa và nhỏ. Năm 2025 là năm đầu tiên Công ty TNHH MTV Chiếu sáng Sóc Trăng được miễn thuế.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm của các công ty trong Tập đoàn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng	3.155.455.404	3.065.205.188
Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Vĩnh Châu	195.462.399	159.324.815
Công ty TNHH MTV Cơ khí – Xây dựng Đô thị Sóc Trăng	79.650.542	81.277.012
Cộng	3.430.568.345	3.305.807.015

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Tiền thuê đất

Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

Vị trí đất	Diện tích (m ²)	Mức tiền thuê (VND/m ² /năm)
- Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam	1.934	111.360
	1.014,4	55.680
- Km 2144 Quốc lộ 1A, ấp Sóc Xoài, xã Mỹ Hương, TP. Cần Thơ, Việt Nam	7.706,8	2.250
	17.972,9	1.125
	226.496,3	1.000
- Số 170A Mạc Đĩnh Chi, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam	286,7	240.000



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Số 170 Mạc Đĩnh Chi, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam	266,3	140.000
- Số 23, Cao Thắng, khu vực 12, phường Sóc Trăng, TP. Cần Thơ, Việt Nam	11.999,7 15.999,6 36.110,6	16.000 8.000 4.000
- Số 442 Bạch Đằng, khu vực 6, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam	3.151,7 4.860,4 16.646,5	5.040 3.360 1.400
- Số 30 Phan Thanh Giản, khu vực 1, phường Vĩnh Châu, TP. Cần Thơ, Việt Nam	599,8	8.750

Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

14. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả	7.408.118.165	7.531.306.217
Cộng	7.408.118.165	7.531.306.217

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	167.505.576	126.483.269
Phí bảo vệ môi trường đối với nước xả thải	26.599.274	43.267.824
Chi phí đồng phục và bảo hộ lao động	210.500.000	107.833.333
Cộng	404.604.850	277.584.426

16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thu trước về dịch vụ chăm sóc, bảo quản huyết mố	4.534.602.004	3.722.198.557
Cộng	4.534.602.004	3.722.198.557

17. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí chờ quyết toán nhà máy xử lý chất thải rắn	330.984.433	330.984.433
Cổ tức phải trả	39.170.515	23.173.655
Tài sản nhận bàn giao nhà máy xử lý chất thải rắn	9.018.386.297	9.018.386.297
Tiền thu hộ dịch vụ thoát nước thải	7.871.068.301	7.869.691.108
Tiền thu hộ dịch vụ vệ sinh	7.064.805.642	2.947.600.921
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	6.212.748.548	3.587.274.274
Cộng	30.537.163.736	23.777.110.688

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Vay

18a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	32.125.900.081	24.070.070.064
- Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng ⁽ⁱ⁾	32.125.900.081	24.070.070.064
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)	779.075.998	3.792.150.403
Cộng	<u>32.904.976.079</u>	<u>27.862.220.467</u>

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng chi tiết như sau: Công ty mẹ: vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh dịch vụ vệ sinh môi trường; quản lý, duy tu, bảo dưỡng hệ thống thoát nước công cộng... với lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ và thời hạn tối đa 06 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ khoản tiền gửi có kỳ hạn và tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.2 và V.9).

Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Vĩnh Châu: vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh với lãi suất theo từng giấy nợ, thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.9).

Công ty TNHH MTV Cơ khí - Xây dựng Đô thị Sóc Trăng: vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh với lãi suất theo từng giấy nợ, thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.9).

Chi tiết phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	24.070.070.064	69.722.834.981	-	(61.667.004.964)	-	32.125.900.081
Vay dài hạn đến hạn trả	3.792.150.403	-	686.712.136	(3.777.344.659)	77.558.118	779.075.998
Cộng	<u>27.862.220.467</u>	<u>69.722.834.981</u>	<u>686.712.136</u>	<u>(65.444.349.623)</u>	<u>77.558.118</u>	<u>32.904.976.079</u>

18b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng		
- Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Cần Thơ ⁽ⁱ⁾	-	470.412.136
- Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng ⁽ⁱⁱ⁾	865.200.000	-
Cộng	<u>865.200.000</u>	<u>470.412.136</u>

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Khoản vay vốn ODA của Công ty mẹ thông qua Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Cần Thơ (tên cũ là Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Sóc Trăng) để thanh toán các chi phí đầu tư xây dựng công trình nhà máy xử lý chất thải rắn thành phố Sóc Trăng và các vùng lân cận thuộc tỉnh Sóc Trăng với lãi suất ở mức 0%/năm tính trên số dư nợ thực tế (đã bao gồm cả phí cho vay lại 0,2%/năm), thời hạn 14 năm kể từ ngày ký Hiệp định vay nước ngoài (21/12/2012), thời gian ân hạn là 04 năm. Số tiền vay được hoàn trả hàng 06 tháng một lần vào ngày 25/6 và 25/12. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.9).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng của Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Vĩnh Châu để đầu tư mua sắm tài sản cố định, với lãi suất 9,5%/năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.9).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	779.075.998	3.792.150.403
Trên 01 năm đến 05 năm	865.200.000	470.412.136
Cộng	1.644.275.998	4.262.562.539

Chi tiết phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

Số đầu năm	470.412.136
Số tiền vay phát sinh	1.081.500.000
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(686.712.136)
Số cuối năm	865.200.000

18c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

19. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập trong năm</u>	<u>Số sử dụng trong năm</u>	<u>Số hoàn nhập trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	192.689.650	549.627.580	(40.221.000)	(152.468.650)	549.627.580
Dự phòng chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ	2.727.079.298	-	(2.504.004.249)	(223.075.049)	-
Cộng	2.919.768.948	549.627.580	(2.544.225.249)	(375.543.699)	549.627.580

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	8.290.195.469	5.945.130.397	(5.221.119.501)	9.014.206.365
Quỹ phúc lợi	1.016.939.339	718.313.683	(731.222.999)	1.004.030.023
Quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý	994.002.098	627.679.063	(1.007.331.500)	614.349.661
Cộng	10.301.136.906	7.291.123.143	(6.959.674.000)	10.632.586.049



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ủy ban nhân dân TP. Cần Thơ	21.775.350.000	21.775.350.000
Công ty Cổ phần Ô tô Chuyên dùng Hiệp Hòa	10.000.000.000	10.000.000.000
Ông Lâm Hữu Tùng	11.991.650.000	11.354.650.000
Ông Trịnh Xuân Thắng	1.608.000.000	4.308.000.000
Các cổ đông khác	10.625.000.000	8.562.000.000
Cộng	56.000.000.000	56.000.000.000

21c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.600.000	5.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.600.000	5.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.600.000	5.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.600.000	5.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.600.000	5.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Tập đoàn đã phân phối lợi nhuận các năm trước theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ.ĐHĐCĐ-CTĐT ngày 17 tháng 4 năm 2025 như sau:

	Số được phân phối	Số đã trích trong năm trước	Số trích trong năm nay
• Chia cổ tức cho các cổ đông	10.595.200.000	-	10.595.200.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	1.007.279.063	991.300.000	15.979.063
• Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.007.279.063	991.300.000	15.979.063
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.528.544.080	6.772.100.000	(243.555.920)
• Trích quỹ thường Ban quản lý, điều hành	1.007.279.063	991.300.000	15.979.063

Ngoài ra, Tập đoàn đã tạm trích lập các quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ.ĐHĐCĐ-CTĐT ngày 17 tháng 4 năm 2025 như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	VND
• Trích quỹ đầu tư phát triển	1.307.150.000
• Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.307.150.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.907.000.000
• Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	611.700.000

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua Nghị quyết số 01/NQ.HĐQT-CTĐT về việc tạm chia cổ tức năm 2025 là 1.520 VND/cổ phần (tương ứng với 15,2% mệnh giá cổ phiếu), dự kiến chi từ ngày 27 tháng 02 năm 2026. Khoản cổ tức phải trả này chưa được ghi nhận trên Báo cáo tài chính.

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

22a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	383.190.282	1.166.654.310
Trên 1 năm đến 5 năm	1.406.524.040	4.666.617.240
Trên 5 năm	27.436.466.410	42.283.334.615
Cộng	29.226.180.732	48.116.606.165

Tập đoàn thuê đất dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực không quá 50 năm và đơn giá thuê đất được ổn định 05 năm và hết thời hạn ổn định, cơ quan thuế sẽ điều chỉnh lại đơn giá thuê đất áp dụng cho thời hạn tiếp theo theo quy định của Nhà nước.

22b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm	Nguyên nhân xóa sổ
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Dịch vụ Bào Châu	101.700.000	101.700.000	Không khả năng thu hồi
Cộng	101.700.000	101.700.000	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	991.365.465	15.566.615.948
Doanh thu bán thành phẩm	1.759.931.588	1.782.450.069
Doanh thu bán mộ phần	7.308.940.492	6.568.766.857
Doanh thu cung cấp dịch vụ	211.449.495.432	193.042.822.591
Cộng	221.509.732.977	216.960.655.465

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Trong năm, Tập đoàn chỉ phát sinh giao dịch cung cấp dịch vụ cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thanh Trường với số tiền là 425.218.184 VND (năm trước không có giao dịch phát sinh).



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	818.913.852	14.942.263.239
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.436.242.675	1.302.165.689
Giá vốn của mộ phần đã bán	5.327.388.387	4.824.407.939
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	158.447.673.973	147.324.062.264
Cộng	<u>166.030.218.887</u>	<u>168.392.899.131</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	316.000.000	316.865.753
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	36.519.412	12.880.687
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	24.004.394
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	38.877.025
Cộng	<u>352.519.412</u>	<u>392.627.859</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	1.962.322.914	2.728.501.692
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	579.180.926	36.087.561
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	77.558.118	-
Cộng	<u>2.619.061.958</u>	<u>2.764.589.253</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	-	119.456.813
Chi phí vật liệu, bao bì	-	74.743.494
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	49.599.114
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	55.593.703
Chi phí dịch vụ mua ngoài	151.633.360	174.491.369
Các chi phí khác	-	234.053.238
Cộng	<u>151.633.360</u>	<u>707.937.731</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	11.911.932.639	10.986.030.938
Chi phí vật liệu quản lý	808.987.203	838.614.748
Chi phí đồ dùng văn phòng	214.938.183	99.995.130
Chi phí khấu hao tài sản cố định	622.526.362	720.069.950
Thuế, phí và lệ phí	11.299.567	9.299.567
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	3.403.961.867	(527)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	430.444.988	410.069.074
Các chi phí khác	11.018.683.630	8.795.082.464
Cộng	<u>28.422.774.439</u>	<u>21.859.161.344</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
Thu tiền dịch vụ vệ sinh, dịch vụ thoát nước thải	1.882.235.142	1.879.044.423
Thu nhập khác	157.379.165	54.067.901
Cộng	2.039.614.307	1.933.112.324
8. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
Chi phí tổ chức thu giá dịch vụ vệ sinh, dịch vụ thoát nước thải	2.048.140.598	1.889.245.925
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	46.857.649
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	169.126.648
Chi phí khác	2.520.251	5.189.683
Cộng	2.050.660.849	2.110.419.905
9. Lãi trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.196.948.858	20.145.581.269
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(6.907.000.000)	(6.528.544.080)
Trích quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý (*)	(611.700.000)	(1.007.279.063)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	13.678.248.858	12.609.758.126
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	5.600.000	5.600.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.443	2.252

(*) Quỹ khen thưởng và quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý năm nay được tạm trích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ.ĐHĐCD-CTĐT ngày 17 tháng 4 năm 2025 dựa trên kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2025.

9b. Thông tin khác

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trong năm nay trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý năm trước theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ.ĐHĐCD-CTĐT ngày 17 tháng 4 năm 2025 làm cho lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước giảm từ 2.308 VND xuống còn 2.252 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	36.648.659.420	38.905.847.336
Chi phí nhân công	44.808.347.106	44.899.959.767
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.593.701.248	9.955.108.768
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.943.385.033	5.212.140.057
Chi phí khác	92.764.861.915	75.912.040.791
Cộng	193.758.954.722	174.885.096.719

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Chia cổ tức	2.177.092.180	2.043.837.000
Các thành viên Ban điều hành		
Tạm ứng	35.000.000	-
Hoàn tạm ứng	24.401.000	-

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.5a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên Ban kiểm soát của Công ty mẹ

	Năm nay	Năm trước
Ông Lâm Hữu Tùng - Chủ tịch Hội đồng quản trị	978.520.000	964.000.000
Ông Đậu Đức Hiền - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	756.986.500	745.100.000
Ông Hồ Thống Nhất - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	621.600.000	624.600.000
Ông Đào Mạnh Hùng - Thành viên Hội đồng quản trị	170.000.000	150.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Bà Lâm Xuân Mai - Thành viên Hội đồng quản trị	170.000.000	150.000.000
Bà Võ Thị Phương Ngân - Trưởng Ban kiểm soát	396.900.000	392.950.000
Bà Nguyễn Hoàng Lan - Thành viên Ban kiểm soát	24.000.000	24.000.000
Bà Huỳnh Thị Thùy Trang - Thành viên Ban kiểm soát	24.000.000	24.000.000
Ông Phùng Thanh Tâm - Phó Tổng Giám đốc	584.300.000	580.650.000
Bà Đặng Hồng Nghi - Phó Tổng Giám đốc	584.300.000	580.650.000
Cộng	4.310.606.500	4.235.950.000

1b. Giao dịch và số dư với bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Ủy ban nhân dân TP. Cần Thơ	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Ô tô Chuyên dùng Hiệp Hòa	Cổ đông lớn
Ông Trịnh Xuân Thắng	Cổ đông lớn (từ ngày 11 tháng 3 năm 2025 không còn là cổ đông lớn)
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thanh Trường	Công ty có người đại diện pháp luật có mối quan hệ mật thiết với Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty mẹ

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch phát sinh giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Ủy ban nhân dân TP. Cần Thơ		
Chia cổ tức	4.119.896.220	3.919.563.000
Công ty Cổ phần Ô tô Chuyên dùng Hiệp Hòa		
Chia cổ tức	1.892.000.000	1.800.000.000
Ông Trịnh Xuân Thắng		
Chia cổ tức	531.534.720	775.440.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thanh Trường		
Mua hàng	12.785.414.026	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.11.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là dịch vụ công ích, xử lý rác thải, dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh khác chủ yếu là bán hàng hóa và mộ phần. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1 và VI.2.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngoài sự kiện đã nêu tại thuyết minh số V.21d, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

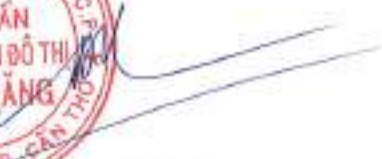
TP. Cần Thơ, ngày 02 tháng 3 năm 2026



Thạch Bảo Vi
Người lập



Trần Hải Đăng
Kế toán trưởng



Đậu Đức Hiền
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422 Võ Văn Kiệt, khu vực 12, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

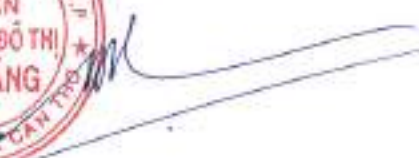
Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	56.000.000.000	5.719.646.509	4.344.720.589	14.187.364.914	80.251.732.012
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	20.145.581.269	20.145.581.269
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	1.029.814.216	1.029.814.216	(11.355.084.316)	(9.295.455.884)
Chia cổ tức	-	-	-	(10.080.000.000)	(10.080.000.000)
Số dư cuối năm trước	56.000.000.000	6.749.460.725	5.374.534.805	12.897.861.867	81.021.857.397
Số dư đầu năm nay	56.000.000.000	6.749.460.725	5.374.534.805	12.897.861.867	81.021.857.397
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	21.196.948.858	21.196.948.858
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	1.323.129.063	1.323.129.063	(9.937.381.269)	(7.291.123.143)
Chia cổ tức	-	-	-	(10.595.200.000)	(10.595.200.000)
Số dư cuối năm nay	56.000.000.000	8.072.589.788	6.697.663.868	13.562.229.456	84.332.483.112


Thạch Bảo Vi
 Người lập


Trần Hải Đăng
 Kế toán trưởng



TP. Cần Thơ, ngày 02 tháng 3 năm 2026

Đặng Đức Hiền
 Tổng Giám đốc



Số: 01/TT.HĐQT-CTĐT

Cần Thơ, ngày 06 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng.

- Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ.ĐHĐCĐ-CTĐT ngày 17/4/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;

- Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.

Kính trình Hội đồng quản trị thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025:

- Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt: 21.196.948.858 đồng.
- Phương án phân phối lợi nhuận như sau:

(Đơn vị tính: đồng)

CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
1. Lợi nhuận sau thuế TNDN được phân phối	21.196.948.858
2. Đề nghị trích lập các quỹ	10.220.948.858
- Quỹ đầu tư phát triển	1.335.407.778
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.335.407.778
- Quỹ thưởng Ban điều hành	689.356.250
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.860.777.052
3. Chi trả cổ tức	
- Tỷ lệ	19,6%
- Số tiền	10.976.000.000
4. Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	0



2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026:

Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2026 dự kiến đạt: 21.524.129.380 đồng,
được phân phối như sau:

(Đơn vị tính: đồng)

CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
1. Lợi nhuận sau thuế TNDN được phân phối	21.524.129.380
2. Đề nghị trích lập các quỹ	10.884.129.380
- Quỹ đầu tư phát triển	1.076.206.469
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.076.206.469
- Quỹ thưởng Ban điều hành	1.076.206.469
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7.655.509.973
3. Chi trả cổ tức	
- Tỷ lệ	19%
- Số tiền	10.640.000.000
4. Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	0

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua. /-
Lâm Hữu Cường

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT. *Lâm Hữu Cường*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH BỐ TH
SÓC TRĂNG
Lâm Hữu Cường
CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH BỐ TH
SÓC TRĂNG
CÁN BỘ

Số: 06/BC.HĐQT-CTĐT

Cần Thơ, ngày 06 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO

**V/v Thực hiện tiền lương của
Người điều hành doanh nghiệp năm 2025**

*Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng.*

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ.ĐHĐCĐ-CTĐT ngày 17/04/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ.HĐQT-CTĐT ngày 28/07/2025 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng về việc họp HĐQT.

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025:

- Doanh thu thực hiện: 223.901.866.696 đồng đạt 102,15% kế hoạch.
- Lợi nhuận thực hiện: 24.627.517.203 đồng đạt 102,14% kế hoạch.

Thực hiện đúng theo Điều 2, Nghị quyết số 07 về việc họp HĐQT ngày 28/07/2025, Công ty xác định quỹ tiền lương đã thực hiện của Người điều hành Doanh nghiệp năm 2025, cụ thể như sau:

1. Quỹ tiền lương của Người điều hành Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng:

- Quỹ tiền lương của Tổng Giám đốc năm 2025 là: 501.600.000 đồng.
- Quỹ tiền lương của Phó Tổng Giám đốc năm 2025 là: 1.346.400.000 đồng (03 người).
- Quỹ tiền lương của Kế toán trưởng năm 2025 là: 372.000.000 đồng.

Tổng quỹ tiền lương của Người điều hành Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng năm 2025 là: 2.220.000.000 đồng.

2. Quỹ tiền lương của Người điều hành Công ty con: 2.009.100.000 đồng

2.1 Quỹ tiền lương của Người điều hành Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Vĩnh Châu:



- Quỹ tiền lương của Chủ tịch kiêm Giám đốc năm 2025 là: 372.000.000 đồng.

- Quỹ tiền lương của Phó Giám đốc năm 2025 là: 200.400.000 đồng.

- Quỹ tiền lương của Kế toán trưởng năm 2025 là: 152.400.000 đồng.

Tổng quỹ tiền lương của Người điều hành Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Vĩnh Châu năm 2025 là: 724.800.000 đồng.

2.2 Quỹ tiền lương của Người điều hành Công ty TNHH MTV Cơ khí – Xây dựng Đô thị Sóc Trăng:

- Quỹ tiền lương của Chủ tịch kiêm Giám đốc năm 2025 là: 226.800.000 đồng.

- Quỹ tiền lương của Phó Giám đốc năm 2025 là: 175.500.000 đồng.

- Quỹ tiền lương của Kế toán trưởng năm 2025 là: 138.000.000 đồng.

Tổng quỹ tiền lương của Người điều hành Công ty TNHH MTV Cơ khí – Xây dựng Đô thị Sóc Trăng năm 2025 là: 540.300.000 đồng.

2.3 Quỹ tiền lương của Người điều hành Công ty TNHH MTV Chiếu sáng Sóc Trăng:

- Quỹ tiền lương của Chủ tịch năm 2025 là: 222.000.000 đồng.

- Quỹ tiền lương của Giám đốc năm 2025 là: 204.000.000 đồng.

- Quỹ tiền lương của Phó Giám đốc năm 2025 là: 180.000.000 đồng.

- Quỹ tiền lương của Kế toán trưởng năm 2025 là: 138.000.000 đồng.

Tổng quỹ tiền lương của Người điều hành Công ty TNHH MTV Chiếu sáng Sóc Trăng năm 2025 là: 744.000.000 đồng.

Tổng quỹ tiền lương thực hiện của Người điều hành doanh nghiệp (1+2) năm 2025 là: 4.229.100.000 đồng trong đó:

- Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. /

Nơi nhận:

- Như kính gửi;

- Lưu VT. /

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lâm Hữu Cường

Số: 07/BC.HĐQT-CTĐT

Cần Thơ, ngày 06 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO

V/v Thực hiện thù lao của Hội đồng quản trị
và Ban kiểm soát năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng.

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ.ĐHĐCĐ-CTĐT ngày 17/04/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025, Phòng Tổ chức - Hành chính phối hợp với Phòng Tài chính - Kế toán, xác định thù lao thực hiện của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025 như sau:

- Doanh thu thực hiện: 223.901.866.696 đồng đạt 102,15% kế hoạch.
- Lợi nhuận thực hiện: 24.627.517.203 đồng đạt 102,14% kế hoạch.

1. Thù lao thực hiện của Hội đồng quản trị năm 2025:

Thù lao thực hiện của Hội đồng quản trị năm 2025 là 1.205.700.000 đồng.

2. Thù lao thực hiện của Ban kiểm soát năm 2025:

Thù lao thực hiện của Ban kiểm soát năm 2025 là: 346.800.000 đồng.

Tổng cộng thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện năm 2025 là: 1.552.500.000đ tương đương 0,69% doanh thu hợp nhất năm 2025, quỹ thù lao này không vượt tỷ lệ kế hoạch đã trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 thống nhất thông qua (0,7%).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. / *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT. *[Signature]*



Lâm Hữu Cường

CTY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/TT.HĐQT-CTĐT

Cần Thơ, ngày 06 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Về Kế hoạch thù lao của Hội đồng quản trị
và Ban kiểm soát năm 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng.

Căn cứ vào Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026, Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng xây dựng Kế hoạch thù lao năm 2026 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát như sau:

- Doanh thu kế hoạch: 236.598.197.832 đồng.

- Lợi nhuận trước thuế: 25.032.089.331 đồng.

Mức thù lao kế hoạch đối với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là từ 0,7% đến 0,9% trên tổng doanh thu hợp nhất năm 2026 tùy theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. *[Handwritten signature]*

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT. *[Handwritten signature]*



Lâm Hiếu Hùng

BÁO CÁO

**Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025
và Kế hoạch hoạt động năm 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP;

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng sửa đổi bổ sung thông qua ngày 26/4/2024;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ.ĐHĐCĐ-CTĐT ngày 17/4/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026 như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

1. Cơ cấu nhân sự:

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng nhiệm kỳ II (2023-2027) có 05 thành viên, bao gồm:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ
1	Ông Lâm Hữu Tùng	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Đào Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT không điều hành
3	Ông Đậu Đức Hiền	Thành viên HĐQT điều hành
4	Ông Hồ Thống Nhất	Thành viên HĐQT điều hành
5	Bà Lâm Xuân Mai	Thành viên HĐQT không điều hành

2. Các cuộc họp và các quyết định của HĐQT trong năm 2025

- HĐQT đã tổ chức 04 cuộc họp, 03 Công văn lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản để giải quyết các vấn đề quan trọng, cấp thiết liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, nhân sự và các công tác khác của Công ty thuộc thẩm quyền HĐQT. Thư mời và tài liệu họp đều được gửi đến thành viên HĐQT và Ban kiểm soát theo đúng quy định. Sau các cuộc họp và tổ chức lấy ý kiến, HĐQT đã ban hành 11 Nghị quyết để thực hiện.

(Đính kèm Phụ lục 1 về các Nghị quyết của HĐQT đã ban hành năm 2025)

- Các thành viên HĐQT đã thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. Tham dự đầy đủ tất cả các cuộc họp và có ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện các nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển chung của Công ty. Có sự đoàn kết, đồng thuận và sự thống nhất cao trong các cuộc họp khi thông qua các Nghị quyết cũng như việc chỉ đạo, giám sát hoạt động Công ty. Tuy nhiên bên cạnh đó, trong một số việc một vài thành viên HĐQT cũng chưa quyết liệt trong xử lý.

3. Đánh giá hoạt động của HĐQT

- HĐQT luôn tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các văn bản pháp luật liên quan.

- Luôn quan tâm thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, duy trì và giám sát chặt chẽ hoạt động của Tổng Giám đốc và Ban điều hành nhằm đảm bảo thực hiện đúng các nội dung của Nghị quyết mà ĐHCĐ, HĐQT, cùng các mục tiêu chiến lược đã đặt ra.

- Kịp thời chỉ đạo, hỗ trợ và tạo mọi điều kiện để Tổng Giám đốc và Ban điều hành triển khai thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty. Luôn sát cánh cùng Tổng Giám đốc và Ban điều hành trong mọi lĩnh vực hoạt động, bám sát kế hoạch và đưa ra các chỉ đạo kịp thời.

- Trong tháng 8 và tháng 9/2025 Chủ tịch HĐQT phối hợp với Trưởng Ban kiểm soát, Quản trị kiêm Thư ký Công ty đi thực tế đến tất cả các đơn vị trực thuộc Công ty để giám sát kiểm tra tình hình hoạt động của các đơn vị, xem xét những thuận lợi khó khăn, đời sống CB.CNV, qua đó tháo gỡ khó khăn vướng mắc và xử lý các đề xuất kiến nghị của các đơn vị, giúp các đơn vị hoạt động được thuận lợi, hiệu quả hơn.

- Chủ tịch HĐQT thường xuyên tham dự các cuộc họp quan trọng, sơ, tổng kết của Công ty và có ý kiến chỉ đạo, đôn đốc nhắc nhở Ban điều hành trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh nhất là trong những tình huống khó khăn, vướng mắc; Đưa ra các biện pháp, quyết sách kịp thời để tháo gỡ khó khăn và đưa ra các chỉ đạo, định hướng cho Công ty; Có chủ trương và đề ra các giải pháp để Ban điều hành nghiên cứu thực hiện. Chủ động tổ chức họp với Ban điều hành và cán bộ chủ chốt tại Công ty để chỉ đạo và tháo gỡ khó khăn, đưa ra các giải pháp cụ thể từ công tác đối nội, đối ngoại, công tác quản lý điều hành, nhắc nhở góp ý trong cuộc họp và cả đối với từng thành viên trong mỗi công việc để hoạt động Công ty được thuận lợi, hiệu quả.

- Thành viên HĐQT điều hành luôn trực tiếp tham dự các cuộc họp báo hàng tuần, họp sơ và tổng kết tháng, quý, năm để nắm bắt tình hình và có hướng chỉ đạo, tháo gỡ các khó khăn nhằm đạt các mục tiêu, chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh được ĐHĐCĐ giao; Xem xét các báo cáo kết quả kinh doanh tháng, quý, năm; Giám sát Ban điều hành, nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế hoạt động của HĐQT trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty.

- Ngoài ra, HĐQT còn phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát giám sát Ban điều hành trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty. Lắng nghe các ý kiến đóng góp của Ban kiểm soát cũng như tạo mọi điều kiện để đảm bảo tính độc lập trong hoạt động của Ban kiểm soát.

- Trong năm 2025, mọi hoạt động của Công ty luôn đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, tuân thủ các quy định hiện hành liên quan đến quản trị Công ty và công bố thông tin; Các cuộc họp của HĐQT đều được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, có đầy đủ các thành viên tham dự hoặc ủy quyền; HĐQT đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2025; Ban hành Nghị quyết thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC, con dấu Công ty, bổ nhiệm lại chức danh Tổng Giám đốc, sửa đổi bổ sung Quy chế Công bố thông tin, tạm ứng chi trả cổ tức năm 2025 và chủ trương ký kết hợp đồng giao dịch năm 2026,...

4. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT

Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT thực hiện theo đúng quy định và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 đã thông qua.

(Đính kèm Phụ lục 2 về thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT năm 2025)

5. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

5.1 Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó:

Trong năm 2025, các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó được thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ tại Công ty. Các giao dịch đã được báo cáo và công bố theo quy định tại Báo cáo tình hình quản trị Công ty 6 tháng vào ngày 30/7/2025 và năm

vào ngày 30/01/2026, Báo cáo thường niên vào ngày 27/3/2026, công bố thông tin trên website Công ty, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

(Đính kèm Phụ lục 3 về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó)

5.2 Giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: Không có.

6. Kết quả giám sát và đánh giá của HĐQT đối với Tổng Giám đốc và Người điều hành khác

- Tổng Giám đốc và Người điều hành khác (gọi tắt là Ban điều hành) đã thực hiện các quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT giao một cách nghiêm túc theo đúng nhiệm vụ và quyền hạn quy định.

- Thông qua việc kiểm tra, giám sát và báo cáo định kỳ về tình hình tài chính, đầu tư, sản xuất kinh doanh và báo cáo đột xuất theo yêu cầu, cũng như các vấn đề phát sinh, bất thường trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đều được Ban điều hành báo cáo cho Chủ tịch HĐQT nắm rõ diễn biến, tình hình để kịp thời có ý kiến chỉ đạo, chấn chỉnh khi cần thiết.

- HĐQT nhận thấy Ban điều hành đã có nhiều cố gắng cũng như nỗ lực, đã chủ động nắm bắt tình hình, nhận định cơ hội, thách thức, bám sát diễn biến thị trường để đề ra các giải pháp phù hợp, kịp thời nhằm thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh trong những tình huống hết sức khó khăn, cấp bách. HĐQT ghi nhận và đánh giá cao sự nỗ lực trong quản lý, điều hành của Ban điều hành. Năm 2025 là năm hoạt động sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn, chồng chất, ảnh hưởng, tác động của các yếu tố khách quan sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, đã làm thay đổi cơ quan quản lý và thẩm quyền quyết định trong lĩnh vực dịch vụ công ích, dẫn đến sự chậm trễ trong công tác bố trí lại nguồn vốn, ký kết và thanh toán các hợp đồng dịch vụ công ích đã thực hiện. Việc nghiệm thu thanh toán chậm trễ, kéo dài từ 01/7/2025 đến tháng 12/2025 cũng đã tạo áp lực rất lớn về nguồn vốn lưu động, khả năng cân đối tài chính của Công ty, Công ty phải ứng trước chi phí để tổ chức thực hiện, đảm bảo vệ sinh môi trường, cảnh quan đô thị không bị gián đoạn theo yêu cầu của UBND Thành phố Cần Thơ và chính quyền địa phương xã, phường. Công ty vừa phải tự chủ, xoay sở nguồn lực trong điều kiện dòng tiền thiếu ổn định, chi phí đầu vào gia tăng và đơn giá dịch vụ chưa được điều chỉnh kịp thời. Đặc biệt, giá cả nguyên, nhiên vật liệu và chi phí sản xuất tăng cao, kéo dài, vượt xa các định mức được phê duyệt; Trong lĩnh vực quản lý, vận hành Nhà máy xử lý nước thải, việc ký kết hợp đồng chưa kịp thời, công tác tạm cấp và thanh quyết toán kinh phí còn chậm. Riêng năm 2025, hợp đồng quản lý, vận hành Nhà máy xử lý nước thải giai đoạn 1 và 2 chưa được ký kết và tạm cấp kinh phí do ảnh hưởng của công tác sáp nhập, Công ty phải vay vốn ngân hàng để duy trì hoạt động, làm gia tăng đáng kể áp lực tài chính và chi phí lãi vay; Trong lĩnh vực thi công công trình, môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt, số

lượng nhà thầu tham gia tăng, giá dự thầu bị kéo xuống thấp, trong khi giá vật liệu xây dựng biến động theo chiều hướng tăng, làm thu hẹp biên lợi nhuận, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, với tinh thần trách nhiệm, sự nỗ lực của Ban điều hành và toàn thể người lao động, Công ty đã duy trì tốt và ổn định được hoạt động sản xuất kinh doanh, các chế độ chính sách, phúc lợi đối với Người lao động được đảm bảo, luôn quan tâm chăm lo sức khỏe, đời sống của Người lao động. Doanh thu, lợi nhuận, tỷ lệ chi trả cổ tức, tiền lương của Người lao động đều đạt và vượt kế hoạch đề ra, CB.CNV an tâm công tác, vốn Nhà nước luôn được bảo toàn và phát triển, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Cổ đông.

- Trong quá trình hoạt động Ban điều hành đã luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của TGD và bộ máy giúp việc, triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

- Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các quy định về công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam. Tuân thủ đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

- Tích cực tham gia công tác bảo vệ môi trường, an sinh xã hội và công tác chăm lo đời sống vật chất cũng như tinh thần cho người lao động; Động viên, tạo mọi điều kiện cho người lao động phát huy, cống hiến cho sự phát triển Công ty.

- Tuy nhiên, trong một số việc Ban điều hành cũng còn chưa quyết tâm, chưa tập trung cao, còn chậm trễ, kế hoạch đề ra chưa sát thực tiễn, chậm điều chỉnh để thích ứng, một số giải pháp còn trông chờ ỉ lại, chưa sáng tạo đổi mới. Để đạt hiệu quả tốt hơn nữa hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2026 và những năm tiếp theo, cũng như có biện pháp để vượt qua các khó khăn sắp tới, Ban điều hành cần đoàn kết; năng động, chủ động, linh hoạt; nỗ lực và quyết tâm hơn nữa, tăng cường công tác ngoại giao, có giải pháp kịp thời để hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thông suốt, hiệu quả. Các công việc còn tồn đọng phải giải quyết và xử lý dứt điểm (ngân sách còn nợ hoạt động xử lý nước thải và rác thải, Cửa hàng xăng dầu đã xử lý thế nào, xây dựng phương án lương mới còn kéo dài, xem xét công tác tổ chức bộ máy để tinh gọn, hiệu quả...) cần quan tâm và quyết liệt thực hiện hơn để Ban điều hành hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

7. Kết quả việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2025

- Năm 2025, HĐQT đã triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, mặc dù còn nhiều khó khăn làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, nhưng HĐQT và Ban điều hành đã hết sức cố gắng, nỗ lực và phấn đấu để vượt qua, có những giải pháp quyết liệt, kịp thời để khắc phục nên kết quả sản xuất kinh doanh đã đạt và vượt kế hoạch. Căn cứ Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C chi nhánh Cần Thơ, Công ty đã thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 giao, kết quả đạt được như sau:

+ Tổng doanh thu: 223.901.866.696 đồng, vượt 2,1% kế hoạch.

+ Lợi nhuận trước thuế: 24.627.517.203 đồng, vượt 2,1% kế hoạch.

- + Tiền lương bình quân: 7.747.399 đồng/người/tháng, vượt 1,8% kế hoạch.
- + Cổ tức: Dự kiến tỷ lệ chi trả 19,6%, vượt 3,2% kế hoạch.

- Về hoạt động đầu tư:

- + 02 dự án do Công ty làm chủ đầu tư đang được triển khai thực hiện gồm:

. Dự án đầu tư xây dựng An viên Thiên đường Sóc Trăng (giai đoạn 2): Do vừa qua nguồn vật liệu cát san lấp rất khan hiếm, giá tăng cao và diện tích đất còn lại của giai đoạn 1 vẫn còn để tiếp tục khai thác nên Công ty tạm thời chưa thực hiện để đảm bảo về mặt tài chính cũng như nhu cầu cần thiết của dự án. Để từng bước hoàn chỉnh dự án, năm 2025 Công ty đã đầu tư hạng mục san lấp mặt bằng (giai đoạn 2), trục đường nội bộ, vỉa hè, nhà vệ sinh công cộng; Đầu tư hạng mục đường nội bộ đan bê tông cốt thép trong các khu mố.

. Dự án đầu tư Vườn ươm thành phố Sóc Trăng (cũ): Công ty đang tiếp tục triển khai thực hiện việc chăm sóc và bảo dưỡng theo đề án được duyệt tại Xí nghiệp Công viên Cây xanh và Ban quản trang An viên Thiên đường. Năm 2025 đã trồng thêm 14.000 cây tràm, diện tích 1.368 m² ở khu đất vườn ươm Xí nghiệp Công viên Cây xanh.

+ Các dự án liên quan cơ chế nhà nước: Công ty đã hết sức nỗ lực và cố gắng liên hệ với các cấp chính quyền, sở ngành. Tuy nhiên do còn gặp nhiều khó khăn, chưa được sự đồng thuận, thống nhất của UBND tỉnh Sóc Trăng (cũ), Sở ngành, địa phương nên kéo dài, chưa được thực hiện.

Cụ thể kết quả việc đã thực hiện và chưa thực hiện, những thuận lợi và khó khăn vướng mắc trong thực hiện các dự án đã được Trường phòng Kỹ thuật – Xây dựng trình bày tại Báo cáo số 04/BC.HĐQT-CTĐT, ngày 06/4/2026.

- Công ty thực hiện việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính đúng quy định. Đơn vị kiểm toán được lựa chọn là Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C chi nhánh Cần Thơ. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán và công bố thông tin đúng quy định.

- Thực hiện việc chốt danh sách và chi trả cổ tức cho các Cổ đông đúng thời gian, theo số cổ phần tham gia.

- Thực hiện phân phối lợi nhuận, thù lao của HĐQT và BKS theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2025 đã thông qua.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2026:

1. Năm 2026, từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025, trên cơ sở nhận định các thuận lợi khó khăn, tập trung định hướng, chỉ đạo Ban điều hành xây dựng kế hoạch chi tiết và giải pháp cụ thể nhằm đảm bảo Công ty hoàn thành Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 như sau:

- + Tổng doanh thu: 236.598.197.832 đồng.
- + Lợi nhuận trước thuế: 25.032.089.331 đồng.
- + Tiền lương bình quân: 8.165.877 đồng/người/tháng.
- + Tỷ lệ chi trả cổ tức: 19%.

Công ty tổ chức thực hiện theo các giải pháp đã được đề ra cụ thể trong báo cáo Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026. Trong trường hợp hoạt động sản xuất kinh doanh có những biến động lớn không như dự định. Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động điều chỉnh lại kế hoạch sản xuất kinh doanh.

2. Sắp xếp, tổ chức bộ máy nhân sự Công ty hoạt động theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, chất lượng, hiệu quả, thích nghi với chủ trương sáp nhập đơn vị hành chính hiện nay. Kiện toàn các chức danh lãnh đạo quản lý để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Thực hiện trả lương theo vị trí công việc, sự cống hiến của người lao động, đảm bảo hiệu quả, tăng năng suất lao động.

4. Nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp cũng như trách nhiệm pháp lý và kiểm soát rủi ro trong quản lý tài chính, quản lý doanh nghiệp.

5. Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động, mở rộng, củng cố và phát triển các lĩnh vực hoạt động, thương hiệu của Công ty.

6. Kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động Công ty, nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo an toàn, hiệu quả, bền vững.

7. Triển khai thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng CNTT, khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới; quản lý tiên tiến, hiện đại vào các lĩnh vực hoạt động Công ty; liên tục cải tiến, phát huy sáng kiến, hiến kế.

8. Tiếp tục phát huy vai trò, trách nhiệm của doanh nghiệp trong công tác xã hội, cộng đồng, môi trường.

Trên đây là Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026. Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thay mặt HĐQT, xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến Quý Cổ đông đã tin tưởng, gắn bó và đồng hành với Công ty trong suốt thời gian qua. Kính chúc Quý vị thật nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.



Lâm Hữu Cường

Phụ lục 1**NGHỊ QUYẾT CỦA HĐQT NĂM 2025**

(Kèm theo Báo cáo số 02/BC.HĐQT-CTĐT ngày 26/3/2026 về Kết quả hoạt động của HĐQT năm 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026)

Số T T	Số Nghị quyết, Quyết định	Thời gian	Nội dung
1	01/NQ.HĐQT-CTĐT	10/01/2025	Nghị quyết họp HĐQT ngày 10/01/2025 về báo cáo dự kiến tình hình thực hiện SXKD năm 2024 và tạm ứng chi trả cổ tức năm 2024.
2	02/NQ.HĐQT-CTĐT	10/01/2025	Nghị quyết họp HĐQT ngày 10/01/2025 về chủ trương ký kết các hợp đồng, giao dịch trong năm 2025.
3	03/NQ.HĐQT-CTĐT	21/02/2025	Nghị quyết HĐQT về việc điều chỉnh thời gian tạm ứng chi trả cổ tức năm 2024.
4	04/NQ.HĐQT-CTĐT	24/02/2025	Nghị quyết HĐQT về ngày đăng ký cuối cùng tham dự ĐHĐCĐ năm 2025.
5	05/NQ.HĐQT-CTĐT	14/3/2025	Nghị quyết HĐQT về mức lương Chủ tịch Công ty TNHH MTV Chiếu sáng Sóc Trăng.
6	06/NQ.HĐQT-CTĐT	25/3/2025	Nghị quyết họp HĐQT ngày 25/3/2025: 1. Thông qua các nội dung Chương trình và Tài liệu tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. 2. Thông qua việc thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông phục vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Giao Chủ tịch HĐQT phân công nhân sự, quyết định thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông.
7	07/NQ.HĐQT-CTĐT	28/7/2025	Nghị quyết họp HĐQT ngày 28/7/2025: 1. Hội đồng quản trị thống nhất thông qua Báo cáo sơ kết tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, các dự án đầu tư 06 tháng đầu năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2025. 2. Hội đồng quản trị thống nhất thông qua Kế hoạch thu lao, tiền lương của Hội đồng quản trị, Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty, Người điều hành doanh nghiệp năm 2025. 3. Hội đồng quản trị thống nhất chọn Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C tại Cần Thơ; Mã số thuế: 0300449815-003; Địa chỉ: 15-13 đường Võ Nguyên Giáp, Phường Hưng Phú, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam là đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng. Công ty lập thủ tục, ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với Công ty kiểm toán đã được lựa chọn nêu trên và công bố thông tin theo quy định 4. Hội đồng quản trị thống nhất thông qua việc thay đổi dấu của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng (do thay đổi địa giới hành chính). Công ty lập thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, khắc lại dấu và công bố thông tin theo quy định. 5. Hội đồng quản trị thống nhất thông qua việc bổ nhiệm lại chức danh Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng đối với ông Đậu Đức Hiền. Thời hạn bổ nhiệm lại là 05 năm, kể từ ngày 01/8/2025.

8	08/NQ.HĐQT-CTĐT	22/10/2025	<p>Nghị quyết hợp HĐQT ngày 22/10/2025:</p> <p>1. Hội đồng quản trị thống nhất thông qua Báo cáo sơ kết tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh, các dự án đầu tư trong 09 tháng đầu năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ 03 tháng cuối năm 2025 của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng.</p> <p>2. Hội đồng quản trị thống nhất thông qua sửa đổi bổ sung Quy chế Công bố thông tin năm 2025 của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng.</p>
9	09/NQ.HĐQT-CTĐT	22/10/2025	<p>Nghị quyết hợp HĐQT ngày 22/10/2025:</p> <p>1. Hội đồng quản trị thống nhất thông qua sửa đổi bổ sung Quy chế Tài chính năm 2025 của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng.</p> <p>2. Hội đồng quản trị trước mắt chưa đồng thuận cao việc thông qua Báo cáo xin ý kiến thu hồi một phần diện tích đất tại khu đất Vườn ươm của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng đang quản lý, sử dụng để làm đường vào Khu Lâm Viên, địa điểm đường Bạch Đằng, phường Phú Lợi, thành phố Cần Thơ (trước đây là phường 9, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng), theo chủ trương của UBND tỉnh Sóc Trăng (cũ) kêu gọi đầu tư dự án Lâm Viên để làm công viên và khu vui chơi giải trí.</p> <p>Giao Tổng Giám đốc – Ban Tổng Giám đốc tiếp tục làm việc với Sở ngành và UBND thành phố Cần Thơ, đề xuất những giải pháp thực hiện để phù hợp lợi ích các bên.</p>
10	10/NQ.HĐQT-CTĐT	30/12/2025	<p>Nghị quyết HĐQT về việc: Hội đồng quản trị thống nhất thông qua chủ trương ký kết các hợp đồng, giao dịch trong năm 2026 giữa Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng với các bên có liên quan bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ký kết các hợp đồng, giao dịch trong năm 2026 giữa Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng với 03 công ty con là Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Vĩnh Châu, Công ty TNHH MTV Cơ khí - Xây dựng Đô thị Sóc Trăng và Công ty TNHH MTV Chiếu sáng Sóc Trăng. - Ký kết và tiếp tục thực hiện các hợp đồng, giao dịch trong năm 2026 giữa Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng với Người có liên quan của Người nội bộ (Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thanh Trường) gồm: Cho thuê tài sản Cửa hàng Xăng dầu; Mua bán nhiên liệu xăng, dầu, nhớt... - Ký kết các hợp đồng, giao dịch trong năm 2026 giữa Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng với Người nội bộ và Người có liên quan của người nội bộ về chuyển nhượng đất mộ phần và các dịch vụ có liên quan khác của An viên Thiên đường.
11	11/NQ.HĐQT-CTĐT	30/12/2025	<p>Nghị quyết HĐQT về việc: Hội đồng quản trị thống nhất thông qua chủ trương ký kết các hợp đồng, giao dịch trong năm 2026 giữa Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Sóc Trăng.</p>

Phụ lục 2
THÙ LAO, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA
HDQT VÀ TỪNG THÀNH VIÊN HDQT NĂM 2025
(Kèm theo Báo cáo số 02/BC.HDQT-CTĐT ngày 26/3/2026 về Kết quả hoạt động của HDQT năm 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026)

1. Thù lao của HDQT và từng thành viên HDQT: 1.205.700.000 đồng.

DVT: đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (đồng/năm)
1	Lâm Hữu Tùng	Chủ tịch HDQT	801.950.000
2	Đào Mạnh Hùng	Thành viên HDQT	150.000.000
3	Đậu Đức Hiền	Thành viên HDQT	66.450.000
4	Hồ Thống Nhất	Thành viên HDQT	37.300.000
5	Lâm Xuân Mai	Thành viên HDQT	150.000.000
	Tổng cộng		1.205.700.000

2. Chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HDQT và từng thành viên HDQT:

- HDQT không phát sinh chi phí hoạt động.
- Tiền thưởng và thu nhập khác của thành viên HDQT: **216.570.000 đồng.**

DVT: đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền thưởng và thu nhập khác (đồng/năm)
1	Lâm Hữu Tùng	Chủ tịch HDQT	176.570.000
2	Đào Mạnh Hùng	Thành viên HDQT	20.000.000
3	Lâm Xuân Mai	Thành viên HDQT	20.000.000
	Tổng cộng		216.570.000

Phụ lục 3

**CÁC GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY, CÔNG TY CON, CÔNG TY DO
CÔNG TY ĐẠI CHÚNG NẪM QUYỀN KIỂM SOÁT TRÊN 50% TRỞ LÊN
VỚI THÀNH VIÊN HĐQT VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ
LIÊN QUAN CỦA THÀNH VIÊN ĐÓ - NĂM 2025**

*(Kèm theo Báo cáo số 02/BC.HĐQT-CTĐT ngày 26/3/2026 về Kết quả hoạt động
của HĐQT năm 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026)*

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Vĩnh Châu	Công ty con	2200755178 ngày cấp 12/12/2025, nơi cấp Sở Tài chính Thành phố Cần Thơ	30 Phan Thanh Giản, Khu vực 1, Phường Vĩnh Châu, TP Cần Thơ	13/01/2025 22/01/2025	Số 06/NQ.HĐQT-CTĐT, ngày 26/12/2024	Thực hiện dịch vụ công ích đô thị TX.Vĩnh Châu (cũ) năm 2025: - Hợp đồng số 07/HĐ-DVCIĐT - Hợp đồng số 11/HĐ-DVCIĐT Tổng giá trị: 24.261.871.455đ	
2	Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Vĩnh Châu	Công ty con	2200755178 ngày cấp 12/12/2025, nơi cấp Sở Tài chính Thành phố Cần Thơ	30 Phan Thanh Giản, Khu vực 1, Phường Vĩnh Châu, TP Cần Thơ	16/01/2025	Số 06/NQ.HĐQT-CTĐT, ngày 26/12/2024	Ủy nhiệm thu giá DVVS 6 tháng đầu năm 2025 Hợp đồng số 02/HĐ-CTĐT Giá trị: 115.990.550đ	
3	Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Vĩnh Châu	Công ty con	2200755178 ngày cấp 12/12/2025, nơi cấp Sở Tài chính Thành phố Cần Thơ	30 Phan Thanh Giản, Khu vực 1, Phường Vĩnh Châu, TP Cần Thơ	31/12/2025	Số 06/NQ.HĐQT-CTĐT, ngày 26/12/2024	Ủy nhiệm thu giá DVVS 6 tháng cuối năm 2025 Hợp đồng số 05/HĐ-CTĐT Giá trị: 135.742.341đ	
4	Công ty TNHH MTV Cơ khí – Xây dựng Đô thị Sóc Trăng	Công ty con	2200779027 ngày cấp 29/8/2025, nơi cấp Sở Tài chính Thành phố Cần Thơ	Số 67, Phạm Hùng, Phường Sóc Trăng, TP Cần Thơ	03/01/2025 11/04/2025 22/07/2025	Số 06/NQ.HĐQT-CTĐT, ngày 26/12/2024	Thực hiện dịch vụ công ích đô thị năm 2025 trên địa bàn huyện Mỹ Xuyên và Châu Thành: - Hợp đồng số 05/HĐ-DVCIĐT - Hợp đồng số 17/HĐ-DVCIĐT - Hợp đồng số 39/HĐ-DVCIĐT	

							Tổng giá trị: 5.889.851.706đ	
5	Công ty TNHH MTV Cơ khí - Xây dựng Đô thị Sóc Trăng	Công ty con	2200779027 ngày cấp 29/8/2025, nơi cấp Sở Tài chính Thành phố Cần Thơ	Số 67, Phạm Hùng, Phường Sóc Trăng, TP Cần Thơ	01/08/2025	Số 06/NQ.HĐQT-CTĐT, ngày 26/12/2024	Hợp đồng gia công, sửa chữa, chế tạo hàng hóa phục vụ công trình số 10/2025/HĐKT/CK-XD Giá trị: 56.110.000đ	
6	Công ty TNHH MTV Cơ khí - Xây dựng Đô thị Sóc Trăng	Công ty con	2200779027 ngày cấp 29/8/2025, nơi cấp Sở Tài chính Thành phố Cần Thơ	Số 67, Phạm Hùng, Phường Sóc Trăng, TP Cần Thơ	25/12/2024	Số 06/NQ.HĐQT-CTĐT, ngày 26/12/2024	Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa xe chuyên dùng Hợp đồng số 02/HĐBDSC.2024 Giá trị: 2.615.413.000đ	Hợp đồng nguyên tắc
7	Công ty TNHH MTV Cơ khí - Xây dựng Đô thị Sóc Trăng	Công ty con	2200779027 ngày cấp 29/8/2025, nơi cấp Sở Tài chính Thành phố Cần Thơ	Số 67, Phạm Hùng, Phường Sóc Trăng, TP Cần Thơ	31/12/2024	Số 06/NQ.HĐQT-CTĐT, ngày 26/12/2024	Hợp đồng thuê xe số 132/HĐDV-CTĐT Giá trị: 751.680.000đ	
8	Công ty TNHH MTV Chiếu Sáng Sóc Trăng	Công ty con	2200813768 ngày cấp 26/09/2025, nơi cấp Sở Tài chính Thành phố Cần Thơ	170 Mạc Đĩnh Chi, Phường Phú Lợi, Thành phố Cần Thơ	02/01/2025	Số 06/NQ.HĐQT-CTĐT, ngày 26/12/2024	Hợp đồng thuê xe số 02/HĐDV-CTĐT Giá trị: 239.760.000đ	
9	Công ty TNHH MTV Chiếu Sáng Sóc Trăng	Công ty con	2200813768 ngày cấp 26/09/2025, nơi cấp Sở Tài chính Thành phố Cần Thơ	170 Mạc Đĩnh Chi, Phường Phú Lợi, Thành phố Cần Thơ	25/04/2025	Số 06/NQ.HĐQT-CTĐT, ngày 26/12/2024	Thực hiện dịch vụ công ích đô thị TP.Sóc Trăng, huyện Thạnh Trị, huyện Trần Đề năm 2025: Hợp đồng số 06/HĐ-DVCIĐT Giá trị: 11.162.380.390đ	
10	Công ty TNHH MTV Chiếu Sáng Sóc Trăng	Công ty con	2200813768 ngày cấp 26/09/2025, nơi cấp Sở Tài chính Thành phố Cần Thơ	170 Mạc Đĩnh Chi, Phường Phú Lợi, Thành phố Cần Thơ	01/07/2025	Số 06/NQ.HĐQT-CTĐT, ngày 26/12/2024	Thực hiện dịch vụ công ích Quản lý vận hành, duy trì sửa chữa hệ thống chiếu sáng trên địa bàn Phường Mỹ Xuyên Hợp đồng số 07/HĐ-DVCIĐT Giá trị: 378.514.159đ	
11	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thanh Trường	Người có liên quan của thành viên HĐQT	2200812972 ngày cấp 02/10/2025, nơi cấp Sở Tài chính Thành phố Cần Thơ	369/22, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Khóm 5, Phường	13/11/2024	Số 06/NQ.HĐQT-CTĐT, ngày 26/12/2024	Hợp đồng cho thuê tài sản số 123/HĐDV-CTĐT Giá trị: 420.000.000đ	

0017745
CÔNG TY
CỔ PHẦN
SỐ 3 TRINH Đ
C TRĂNG
ĐI - TP -

				Sóc Trăng, Thành phố Cần Thơ				
12	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thanh Trương	Người có liên quan của thành viên HDQT	2200812972 ngày cấp 02/10/2025, nơi cấp Sở Tài chính Thành phố Cần Thơ	369/22, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Khóm 5, Phường Sóc Trăng, Thành phố Cần Thơ	31/12/2024	Số 06/NQ.HĐQT- CTĐT, ngày 26/12/2024	Hợp đồng cung cấp xăng dầu số 05/HĐCCXD/2025 Giá trị: 13.266.937.657đ	Hợp đồng nguyên tắc
13	Hồ Thống Nhất	Thành viên HDQT	094075018099, ngày cấp 22/11/2021, nơi cấp Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Số 67 đường Phạm Hùng, Phường Sóc Trăng, TP Cần Thơ	01/11/2025	Số 02/NQ.HĐQT- CTĐT, ngày 10/01/2025	Xây dựng kim tinh, nằm mộ (Khu mộ gia tộc A2-08) Hợp đồng số 66B/HĐ.2022 Giá trị: 58.105.964đ	



Cần Thơ, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Số: 01/BC.BKS-CTĐT



BÁO CÁO

Kết quả hoạt động của Ban Kiểm Soát năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng,

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng sửa đổi bổ sung thông qua ngày 26/4/2024.

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông các nội dung như sau:

A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

I. Hoạt động của Ban Kiểm soát

1. Tình hình hoạt động của Ban kiểm soát

- Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã duy trì hoạt động thường xuyên, tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban điều hành tại các cuộc họp báo hàng tuần, họp sơ kết hàng tháng, hàng quý và các cuộc họp đột xuất liên quan đến các hoạt động của Công ty để nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh thực tế, tham gia đóng góp ý kiến trong việc thực hiện mục tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Trong năm 2025, ĐHĐCĐ đã thông qua 1 Nghị quyết, HĐQT ban hành 11 Nghị quyết và 05 Quyết định về một số vấn đề như: các nội dung tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2025; về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC năm 2025; về việc ban hành Quy chế Công bố thông tin; về việc thông qua chủ trương ký kết hợp đồng, giao dịch với các bên có liên quan.

- Thẩm định Báo cáo tài chính nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các chính sách, quy định pháp luật có liên quan.

- Xem xét và đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc liên quan đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2025.

- Giám sát việc thực hiện công tác đầu tư của các dự án đầu tư và quyết toán vốn đầu tư trong năm 2025.

- Đề xuất ĐHCĐ phê duyệt phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty.

- Hỗ trợ công tác rà soát số liệu tại Cửa hàng xăng dầu trực thuộc Công ty.

- Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty.

2. Đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát

- Trong năm, Ban Kiểm soát đã thực hiện đầy đủ chức năng giám sát theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, tập trung vào các lĩnh vực trọng yếu như: quản trị điều hành, tài chính – kế toán, tuân thủ pháp luật và quản lý rủi ro:

+ Thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá tính trung thực, hợp lý của số liệu; góp phần nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của Ban điều hành.

+ Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.

+ Tăng cường phối hợp với các bộ phận liên quan, qua đó nâng cao hiệu quả kiểm soát nội bộ và phòng ngừa rủi ro.

- Bên cạnh đó, trong quá trình hoạt động của Ban Kiểm soát còn một số hạn chế như:

+ Trong năm, Ban Kiểm soát chưa tổ chức được các cuộc kiểm tra, giám sát một cách thường xuyên, liên tục. Hoạt động giám sát chủ yếu mang tính định kỳ hoặc theo vụ việc, chưa đảm bảo tính chủ động và kịp thời trong việc phát hiện, ngăn ngừa rủi ro.

+ Việc thành viên Ban Kiểm soát hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm đã ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng và hiệu quả phối hợp nội bộ. Do phải phân tán thời gian cho các nhiệm vụ chuyên môn khác, dẫn đến việc trao đổi thông tin, thống nhất nội dung giám sát chưa kịp thời, thiếu tính liên tục.

Nhìn chung năm 2025, Ban Kiểm soát đã phát huy vai trò là cơ quan giám sát độc lập, góp phần đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ pháp luật, minh bạch và hiệu quả. Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu quản trị ngày càng cao, cần tiếp tục nâng cao năng lực chuyên môn, cải tiến phương pháp làm việc và tăng cường điều kiện hoạt động nhằm nâng cao chất lượng kiểm soát trong thời gian tới.

3. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

- Trong năm qua, Ban Kiểm soát, HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông vẫn luôn duy trì được mối quan hệ phối hợp hoạt động tốt. Ban Kiểm soát đã thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều lệ Công ty, đồng thời phối hợp chặt chẽ với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty và của cổ đông.

- HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận trong Công ty luôn tạo điều kiện và phối hợp với Ban Kiểm soát trong các mặt hoạt động.

4. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát

a. Thù lao và các lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát:

DVT: đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (đồng/năm)	Tiền thưởng và thu nhập khác (đồng/năm)
1	Võ Thị Phương Ngân	Trưởng Ban Kiểm soát	298.800.000	98.100.000
2	Huỳnh Thị Thủy Trang	Thành viên BKS	24.000.000	
3	Nguyễn Hoàng Lan	Thành viên BKS	24.000.000	
	Tổng cộng		346.800.000	98.100.000

b. Chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát:

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát không phát sinh chi phí hoạt động.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ NHIỆM VỤ

1. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty

a. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị hiện có 5 thành viên, cơ cấu tổ chức và phân công, phân nhiệm đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Hội đồng quản trị đã tổ chức 04 cuộc họp, một số công việc phát sinh khác trong quá trình hoạt động do không tổ chức họp được vì giới hạn về thời gian thì đã lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản đúng theo quy định của Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật liên quan. Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm là phù hợp với quy định pháp luật và Công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong năm 2025, HĐQT đã ban hành 11 Nghị quyết và 05 Quyết định. Các Nghị quyết, Quyết định thông qua tại phiên họp đều được thống nhất ý kiến của đa số các thành viên tham dự và đã phản ánh được định hướng, chiến lược, giải pháp

kinh doanh của Công ty phù hợp với chủ trương chung của Nhà nước và bối cảnh thị trường.

Hội đồng quản trị thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và phối hợp cùng Ban điều hành chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để cố gắng hoàn thành các chỉ tiêu đã được thông qua trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025.

b. Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Trong năm 2025, Ban Tổng Giám đốc đã triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với các quy định, quy chế quản lý của Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của HĐQT và tuân thủ đúng Điều lệ Công ty, quy định của pháp luật.

Duy trì họp báo hàng tuần, họp sơ kết hàng tháng với sự tham gia của Chủ tịch HĐQT, Trưởng Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc công ty con và trưởng các đơn vị trực thuộc để đánh giá toàn bộ hoạt động của tuần trước, tháng trước, triển khai công việc của tuần tiếp theo và lắng nghe, tiếp thu ý kiến chỉ đạo, đóng góp từ Chủ tịch HĐQT cũng như các khó khăn vướng mắc từ các đơn vị từ đó đưa ra phương án xử lý phù hợp. Mặc dù trong quá trình điều hành vẫn còn chậm trễ trong xử lý một số vấn đề do khối lượng công việc lớn và nguyên nhân chủ quan từ chủ đầu tư nhưng Ban Tổng giám đốc Công ty đã nỗ lực hoàn thành kế hoạch đề ra.

Trong năm 2025, với tinh thần trách nhiệm cao của Ban lãnh đạo Công ty và sự nỗ lực của toàn thể người lao động, Công ty đã duy trì tốt và ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh thể hiện qua việc đạt và vượt các chỉ tiêu đã được thông qua trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025.

2. Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2025

- Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty được lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành và được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C Chi nhánh Tây Nam Bộ là tổ chức kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho thực hiện kiểm toán đơn vị có lợi ích công chúng năm 2025.

- Ý kiến của kiểm toán viên về Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty: Báo cáo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu.

- Ban Kiểm soát nhất trí với Báo cáo tài chính năm 2025 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C Chi nhánh Tây Nam Bộ kiểm toán.

- Kết quả hoạt động kinh doanh Công ty năm 2025:

(So sánh với kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024)



DVT: đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2024	NĂM 2025	TH 20245/2024
1. Tổng doanh thu và thu nhập	219.286.395.648	223.901.866.696	102,1%
2. Lợi nhuận trước thuế	23.451.388.284	24.627.517.203	105,0%
3. Lợi nhuận sau thuế	20.145.581.269	21.196.948.858	105,2%

2. Đánh giá một số chỉ tiêu tài chính của Công ty

Chỉ tiêu	Đvt	2024	2025
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	1,30	1,33
+ Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	1,01	1,07
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Tỷ số Nợ/Tổng tài sản	%	59,98%	61,51%
+ Tỷ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	149,89%	159,78%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	-	-
+ Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,09	1,05
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Tỷ suất LNST/Doanh thu thuần	%	9,29%	9,57%
+ Tỷ suất LNST/ Vốn CSH bình quân	%	24,98%	25,13%
+ Tỷ suất LNST/Tổng TS bình quân	%	10,15%	9,68%
+ Tỷ suất LN từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	10,89%	11,12%

- Chỉ tiêu về khả năng thanh toán: Công ty ghi nhận sự cải thiện ở các chỉ tiêu về khả năng thanh toán trong năm 2025, trong đó hệ số thanh toán nhanh tăng từ 1,01 lần lên 1,07 lần và hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 1,30 lần lên 1,33 lần. Nhìn chung, Công ty vẫn duy trì khả năng thanh toán ở mức ổn định và an toàn trong năm 2025. Tuy nhiên, do sự cải thiện của các chỉ tiêu thanh toán chủ yếu đến từ sự gia tăng các khoản phải thu, Công ty sẽ tiếp tục rà soát cơ cấu công nợ, tiến độ nghiệm thu, quyết toán và khả năng thu hồi các khoản phải thu nhằm đánh giá đầy đủ hơn chất lượng thanh khoản trong thời gian tới.

- Chỉ tiêu về cơ cấu vốn: Cùng với đà tăng trưởng của hoạt động sản xuất kinh doanh, cơ cấu vốn của Công ty trong năm 2025 có sự dịch chuyển theo hướng gia tăng tỷ trọng nợ phải trả nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động thường xuyên. Biến động này chủ yếu do nợ phải trả tăng nhanh hơn vốn chủ sở hữu, sự gia tăng của nợ phải trả chủ yếu đến từ các khoản vay ngắn hạn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, bên cạnh đó các khoản phải trả ngắn hạn và doanh thu chưa thực hiện cũng tăng. Nhìn chung, cơ cấu vốn năm 2025 cho thấy Công ty tiếp tục duy trì sự cân đối giữa vốn chủ sở hữu và vốn vay, để bảo đảm nhu cầu vận hành và duy trì đà tăng trưởng. Mặc dù tỷ trọng nợ phải trả tăng lên so với năm trước, cơ cấu vốn của Công ty vẫn phù hợp với đặc thù hoạt động trong lĩnh vực xây dựng đô thị môi trường.

- Chỉ tiêu về năng lực hoạt động: Năm 2025, năng lực hoạt động của Công ty cơ bản được duy trì ổn định. Tuy nhiên, hiệu quả sử dụng tài sản có xu hướng giảm nhẹ, thể hiện qua chỉ tiêu vòng quay tổng tài sản giảm từ 1,09 vòng xuống 1,05 vòng. Nguyên nhân chủ yếu là do quy mô tài sản tăng nhanh hơn doanh thu, đặc biệt từ sự gia tăng của các khoản phải thu khách hàng. Tại thời điểm cuối năm 2025, phải thu khách hàng chiếm 62,20% tài sản ngắn hạn và 50,68% tổng tài sản. Nhìn chung, các chỉ tiêu hoạt động năm 2025 cho thấy Công ty vẫn duy trì được quy mô và năng lực vận hành phù hợp với đặc thù doanh nghiệp cung cấp dịch vụ công ích đô thị. Trong thời gian tới, Công ty cần tiếp tục tăng cường quản lý công nợ, đẩy nhanh tiến độ nghiệm thu và thanh toán, qua đó nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản và năng lực hoạt động chung.

- Chỉ tiêu về khả năng sinh lời: Năm 2025 kết thúc với kết quả lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 21.197 triệu đồng, tăng 1.051 triệu đồng, tương đương 5,22% so với năm 2024, qua đó góp phần làm cho các chỉ tiêu về khả năng sinh lời tốt hơn. Tuy nhiên, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 30,03% hơn so với năm trước nên phần nào cũng ảnh hưởng đến tốc độ tăng của lợi nhuận. Ngoài ra, dù lợi nhuận sau thuế của năm tăng nhưng chỉ tiêu ROA lại giảm 0,47%, do quy mô tổng tài sản bình quân tăng nhanh hơn mức tăng của lợi nhuận, chủ yếu xuất phát từ sự gia tăng của các khoản phải thu trong năm. Nhưng đây là dấu hiệu cho thấy quy mô hoạt động của Công ty tiếp tục mở rộng, dù hiệu quả sinh lời trên tài sản bình quân chưa cải thiện tương ứng trong kỳ. Nhìn chung, kết quả kinh doanh năm 2025 cho thấy Công ty vẫn giữ được đà duy trì hiệu quả hoạt động ổn định, tạo nền tảng thuận lợi cho việc nâng cao năng lực tài chính và thực hiện các mục tiêu phát triển trong thời gian tới.

4. Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2025

4.1 Thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

DVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	TH/KH
1	Tổng doanh thu và thu nhập	219.198	223.902	102,1%
2	Lợi nhuận trước thuế	24.111	24.628	102,1%
3	Lợi nhuận sau thuế	20.773	21.197	102,1%
4	Tỷ lệ chi trả cổ tức (%)	19	19,6	103,2%
5	Lương bình quân (đồng/tháng/người)	7.611.651	7.747.399	101,2%

Đồng hành cùng sự phát triển của địa phương, Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng đã ghi nhận kết quả kinh doanh tích cực trong năm 2025. Nhu cầu về dịch vụ công ích và môi trường tăng cao, cùng với mong muốn cải thiện chất lượng cuộc sống, đã thúc đẩy sự tăng trưởng mạnh mẽ ở hầu hết các mảng kinh doanh của Công ty. Kết thúc năm 2025, các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận, tỷ lệ chi trả cổ tức và lương bình quân đều vượt kế hoạch đề ra.

4.2 Thực hiện các nội dung khác:

Các nội dung khác được thông qua tại Nghị quyết của ĐHĐCĐ cũng được Công ty thực hiện đúng quy định:

- Thực hiện chi trả cổ tức và trích lập các quỹ năm 2024.
- Tiếp tục triển khai thực hiện các dự án trong Kế hoạch đầu tư năm 2025, tuy nhiên tình hình thực hiện các dự án còn chậm do một số dự án chưa được sự chấp thuận đầu tư của UBND tỉnh (cũ).
- Thực hiện chi trả tiền lương, thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban Giám đốc công ty con năm 2025.
- Lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C Chi nhánh Tây Nam Bộ thực hiện kiểm toán BCTC năm 2025.

5. Báo cáo đánh giá về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch:

Trong năm 2025, các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch đã được thực hiện và công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

(Đính kèm Phụ lục 1 về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch)

III. Kiến nghị của Ban Kiểm soát

- Kiến nghị Ban Tổng Giám đốc Công ty tiếp tục liên hệ, làm việc với UBND TP Cần Thơ, các sở ban ngành sớm điều chỉnh đơn giá đối với các lĩnh vực cây xanh, thoát nước, chiếu sáng đô thị và xử lý rác thải sinh hoạt bảo đảm phù hợp với mặt bằng giá thị trường và chi phí thực tế hiện nay, tạo điều kiện để Công ty bảo đảm cân đối tài chính, duy trì ổn định và nâng cao chất lượng dịch vụ công ích.

- Kiến nghị Ban Tổng Giám đốc sớm xin chủ trương đầu tư để đưa Dự án đầu tư chất thải công nghiệp (nguy hại và không nguy hại) vào khai thác, qua đó mở rộng thêm nhiều dịch vụ đi kèm, góp phần tăng thêm nguồn doanh thu cho Công ty.

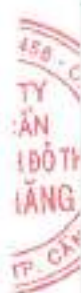
- Kiến nghị Ban Tổng Giám đốc tiếp tục rà soát các phương tiện, máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, kịp thời có phương án thay thế mới nếu thiết bị thường xuyên hư hỏng, tránh phát sinh chi phí sửa chữa nhiều nhưng hoạt động không hiệu quả.

- Kiến nghị Ban Tổng Giám đốc Công ty tạo điều kiện cho cán bộ, người lao động Công ty được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, cập nhật ứng dụng khoa học công nghệ phù hợp với tình hình mới, góp phần xây dựng một tổ chức linh hoạt, sẵn sàng thích ứng với mọi thay đổi của nền kinh tế thị trường hiện nay.

B. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

- Giám sát các kế hoạch, tình hình triển khai công tác sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty.

- Kiểm tra, thẩm định báo cáo tài chính cùng với việc kiểm tra tổ chức thực hiện công tác tài chính kế toán và công tác khác theo chức năng, quyền hạn của Ban Kiểm soát.



- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

- Giám sát sự phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban Kiểm soát.

- Các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Võ Thị Phương Ngân



Phụ lục 1

CÁC GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY, CÔNG TY CON, CÔNG TY DO CÔNG TY ĐẠI CHÚNG NẪM QUYỀN KIỂM SOÁT TRÊN 50% TRỞ LÊN VỚI ĐIỀU LỆ VỚI THÀNH VIÊN HĐQT VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA THÀNH VIÊN ĐÓ; GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI CÔNG TY TRONG ĐÓ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP LÀ THÀNH VIÊN SÁNG LẬP HOẶC LÀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP TRONG THỜI GIẠN 03 NĂM GẦN NHẤT TRƯỚC THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số 01/BC.BKS-CTĐT ngày 26/3/2026 về Kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025 và Phương hướng hoạt động năm 2026)

1. Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng giao dịch với Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Vĩnh Châu một số hợp đồng:

- Thực hiện, sản xuất cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích năm 2025, hạng mục: thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thị xã Vĩnh Châu về Nhà máy xử lý chất thải rắn thành phố Sóc Trăng theo Hợp đồng số 07/HĐ-DVCIDT ngày 13/01/2025, giá trị: 10.602.889.691 đồng.

- Thực hiện, sản xuất cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích năm 2025, hạng mục: cây xanh, thoát nước, chiếu sáng công cộng trên địa bàn thị xã Vĩnh Châu theo Hợp đồng số 11/HĐ-DVCIDT ngày 22/01/2025 và Phụ lục Hợp đồng 11A/PLHĐ-DVCIDT ngày 04/02/2025, Phụ lục Hợp đồng 11B/PLHĐ-DVCIDT ngày 31/12/2025, giá trị: 13.694.150.736 đồng.

- Hợp đồng uỷ nhiệm thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn thị xã Vĩnh Châu năm 2025 theo Hợp đồng số 02/HĐ-CTĐT ngày 16/01/2025, tổng giá trị: 261.403.740 đồng.

2. Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng giao dịch với Công ty TNHH MTV Công trình Cơ khí - Xây dựng Đô thị Sóc Trăng một số hợp đồng:

- Thực hiện dịch vụ công ích đô thị năm 2025 trên địa bàn huyện Châu Thành theo Hợp đồng số 05/HĐ-DVCIDT ngày 03/01/2025 và Phụ lục hợp đồng số 5A/PLHĐ-DVCIDT ngày 20/11/2025, giá trị: 2.761.305.294 đồng.

- Thực hiện dịch vụ công ích đô thị năm 2025 trên địa bàn huyện Mỹ Xuyên (thị trấn Mỹ Xuyên, xã Tham Đôn, xã Đại Tâm, xã Thạnh Phú, xã Thạnh Quới) từ tháng 01/2015 đến tháng 06/2025 theo Hợp đồng số 17/HĐ-DVCIDT ngày 11/04/2025, giá trị: 1.551.267.398 đồng.

- Thực hiện dịch vụ công ích đô thị năm 2025 trên địa bàn Phường Mỹ Xuyên (thị trấn Mỹ Xuyên cũ và xã Đại Tâm cũ, xã Ngọc Tố) từ tháng 07/2015 đến tháng 12/2025 theo Hợp đồng số 39/HĐ-DVCIDT ngày 22/07/2025, giá trị: 1.576.979.013 đồng

- Thực hiện dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa xe chuyên dùng theo Hợp đồng nguyên tắc số 02/HĐBDSC.2024 ngày 25/12/2024, giá trị nghiệm thu: 2.615.413.000 đồng.

- Hợp đồng thuê xe số 132/HĐDV-CTĐT ngày 31/12/2024, giá trị: 751.680.000 đồng.

- Hợp đồng gia công, sửa chữa, chế tạo hàng hóa phục vụ công trình theo Hợp đồng số 10/2025/HĐKT/CK-XD ngày 01/08/2025, giá trị: 56.110.000 đồng.

3. Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng giao dịch với Công ty TNHH MTV Chiếu sáng Đô Sóc Trăng một số hợp đồng:

- Thực hiện dịch vụ duy trì hệ thống chiếu sáng đô thị năm 2025 trên địa bàn Thành phố Sóc Trăng và duy trì chăm sóc cảnh quan, hệ thống đèn chiếu sáng đèn trang trí trên địa bàn huyện theo Hợp đồng số 06/HĐ-DVCIDT ngày 25/04/2025 và Phụ lục hợp đồng số 06.1/PLHĐ-DVCIDT ngày 26/12/2025, giá trị: 11.162.385.390 đồng.

- Thực hiện quản lý vận hành, duy trì sửa chữa hệ thống chiếu sáng trên địa bàn phường Mỹ Xuyên theo Hợp đồng số 07/HĐ-DVCIDT ngày 01/07/2025, giá trị: 378.514.159 đồng.

- Hợp đồng thuê xe số 02/HĐDV-CTĐT ngày 02/01/2025, giá trị: 239.760.000 đồng.

4. Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng giao dịch với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thanh Trường một số hợp đồng:

- Hợp đồng cho thuê tài sản số 123/HĐDV-CTĐT ngày 13/11/2024, giá trị: 420.000.000 đồng.

- Hợp đồng cung cấp xăng dầu số 05/HĐCCXD/2025 ngày 31/12/2024, giá trị: 13.266.937.657 đồng.

5. Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng giao dịch với ông Hồ Thống Nhất – Thành viên Hội đồng quản trị Công ty hợp đồng:

- Hợp đồng xây dựng kim tinh, nấm mộ (Khu mộ gia tộc A2-08) số 66B/HĐ.2022 ngày 01/11/2025, giá trị: 58.105.964đ.

Số: 01/TT.BKS-CTĐT

Cần Thơ, ngày 26 tháng 03 năm 2026



TỜ TRÌNH

V/v Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng sửa đổi bổ sung thông qua ngày 26/4/2024.

Để thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính (BCTC) Công ty trong năm tài chính 2026 như sau:

1. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập:

Đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC của Công ty trong năm tài chính 2026 phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Là công ty kiểm toán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, có kinh nghiệm, năng lực trong danh sách được Bộ Tài chính chấp thuận và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2025.
- Là đơn vị có đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao, kinh nghiệm lâu năm.
- Không xung đột về lợi ích khi thực hiện kiểm toán BCTC của Công ty.
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán theo yêu cầu của Công ty.

2. Đề xuất của Ban Kiểm soát:

Từ những tiêu chí nêu trên, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 những nội dung sau:

- Thông qua các tiêu thức lựa chọn nêu tại mục 1 để Ban kiểm soát làm căn cứ lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán BCTC năm 2026 của Công ty.

- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2026 của Công ty.

- Đơn vị kiểm toán được lựa chọn phải có trong danh sách được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép thực hiện kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2026. (đính kèm danh sách)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: BKS.

**TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Võ Thị Phương Ngân



**DANH SÁCH CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KIỂM TOÁN VIÊN ĐƯỢC
CHẤP THUẬN KIỂM TOÁN CHO ĐƠN VỊ CÓ LỢI ÍCH CÔNG CHÚNG
THUỘC LĨNH VỰC CHỨNG KHOÁN NĂM 2026**

1. Công ty TNHH KPMG (KPMG)
2. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC (AASC)
3. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C (A&C)
4. Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Moore AISC (Moore AISC)
5. Công ty TNHH PwC (Việt Nam) (PwC)
6. Công ty TNHH Grant Thornton Việt Nam (GT)
7. Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (AAC)
8. Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS)
9. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn PKF-TTG (PKF-TTG)
10. Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam (RSM)
11. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE)
12. Công ty TNHH Kiểm toán BDO (BDO)
13. Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam (Deloitte)
14. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)
15. Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (ICPA)
16. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E&Y)
17. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY)
18. Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt (NTV)
19. Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam (AFC)
20. Công ty TNHH Kiểm toán VACO (VACO)
21. Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (ECOVIS AFA)



22. Công ty TNHH Hãng kiểm toán và Định giá ASCO (ASCO)
23. Công ty TNHH Kiểm toán NVA (NVA)
24. Công ty TNHH Kiểm toán An Việt (An Việt)
25. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế (IAV)
26. Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA)
27. Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM (CPA VN)
28. Công ty TNHH Kiểm toán FAC (FAC)

Nguồn: Cổng thông tin điện tử – Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước



TỜ TRÌNH

**Về việc cập nhật sửa đổi ngành, nghề kinh doanh
theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng được sửa đổi bổ sung và thông qua ngày 26/4/2024.

Để tên ngành và mã ngành, nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp số 2418/24 ngày 06/05/2024 được cập nhật sửa đổi phù hợp theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

Vừa qua, Công ty đã thực hiện thủ tục cập nhật sửa đổi ngành, nghề đăng ký kinh doanh của Công ty bao gồm (các từ in nghiêng và gạch dưới trong bảng dưới đây là được cập nhật sửa đổi):

STT	Tên ngành và chi tiết ngành, nghề kinh doanh trước đây		Tên ngành và chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau khi cập nhật sửa đổi	
	Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành	Tên ngành
01	8129 (chính)	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt Chi tiết: Dịch vụ vệ sinh môi trường	8129 (chính)	<i>Dịch vụ vệ sinh khác</i> Chi tiết: Dịch vụ vệ sinh môi trường
02	4520	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	<u>9531</u>	<i>Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác</i>
03	4661	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn xăng, dầu và các sản phẩm liên quan	<u>4671</u>	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn xăng, dầu và các sản phẩm liên quan
04	5510	Dịch vụ lưu trú ngắn	5510	<i>Khách sạn và dịch vụ lưu</i>



STT	Tên ngành và chi tiết ngành, nghề kinh doanh trước đây		Tên ngành và chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau khi cập nhật sửa đổi	
	Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành	Tên ngành
		ngày. Chi tiết: Khách sạn		<i>trú tương tự</i>
05	4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước	4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, <i>hệ thống</i> sưởi và điều hòa không khí Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước
06	8130	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130	<i>Dịch vụ cảnh quan</i>
07	9632	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ	<u>9630</u>	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ <i>và các dịch vụ liên quan</i>
08	4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; Bán buôn trùn quế và các sản phẩm từ trùn quế; Bán buôn ruồi lính đen và các sản phẩm từ ruồi lính đen; Bán buôn chế phẩm sinh học, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường rác thải, nước thải	<u>4679</u>	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; Bán buôn trùn quế và các sản phẩm từ trùn quế; Bán buôn ruồi lính đen và các sản phẩm từ ruồi lính đen; Bán buôn chế phẩm sinh học, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường rác thải, nước thải
09	4773	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ phân bón; thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; Bán lẻ trùn quế và các sản phẩm từ trùn	4773	Bán lẻ hàng hóa khác mới (<i>trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ</i>) Chi tiết: Bán lẻ phân bón; thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; Bán lẻ trùn quế và các sản phẩm từ



STT	Tên ngành và chi tiết ngành, nghề kinh doanh trước đây		Tên ngành và chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau khi cập nhật sửa đổi	
	Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành	Tên ngành
		quế; Bán lẻ ruồi lính đen và các sản phẩm từ ruồi lính đen; Bán lẻ chế phẩm sinh học, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường rác thải, nước thải		trùn quế; Bán lẻ ruồi lính đen và các sản phẩm từ ruồi lính đen; Bán lẻ chế phẩm sinh học, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường rác thải, nước thải
10	3511	Sản xuất điện Chi tiết: Điện mặt trời	<u>3512</u>	Sản xuất điện <u>từ nguồn năng lượng tái tạo</u> Chi tiết: Điện mặt trời
11	3512	Truyền tải và phân phối điện	<u>3513</u>	Truyền tải và phân phối điện
12	2023	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh Chi tiết: Sản xuất chế phẩm sinh học, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường rác thải, nước thải	2023	Sản xuất mỹ phẩm, <u>nước hoa</u> , xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh Chi tiết: Sản xuất chế phẩm sinh học, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường rác thải, nước thải

Vào ngày 11/3/2026, Công ty đã được Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính thành phố Cần Thơ cấp Giấy xác nhận số 14448/26 về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho phù hợp theo quy định tại Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam (đính kèm Giấy xác nhận số 14448/26, ngày 11/3/2026 của Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính thành phố Cần Thơ về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp).

Nội dung cập nhật sửa đổi ngành, nghề đăng ký kinh doanh theo Giấy xác nhận số 14448/26, ngày 11/3/2026 của Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính thành phố Cần Thơ sẽ được cập nhật lại trong Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.



Lâm Hữu Cường

Số: 04/TT.HĐQT-CTĐT

Cần Thơ, ngày 06 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và Hoạt động
Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông**
Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP;

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng được sửa đổi bổ sung và thông qua ngày 26/4/2024;

- Căn cứ Tờ trình số 03/TT.HĐQT-CTĐT ngày 06/4/2026 của Hội đồng quản trị về việc cập nhật sửa đổi ngành, nghề kinh doanh theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

Để đảm bảo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty phù hợp với các văn bản pháp luật được sửa đổi bổ sung và việc cập nhật sửa đổi ngành nghề kinh doanh, thay đổi địa giới hành chính theo quy định nhà nước. Công ty sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng (Đính kèm Các nội dung sửa đổi, bổ sung của Điều lệ và Bản dự thảo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty).

Nội dung chi tiết các sửa đổi bổ sung của Điều lệ và bản dự thảo Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng đã được kèm theo tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, được đăng tải tại website Công ty: www.ctdst.vn/quan-he-co-dong.

Điều lệ Công ty được sửa đổi bổ sung sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;

- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lâm Hữu Cường



**CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CỦA
ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY NĂM 2026**
(Kèm theo Tờ trình số 04/TT.HĐQT-CTĐT ngày 06/4/2026)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng sửa đổi bổ sung thông qua ngày 26/4/2024;
- Căn cứ Tờ trình số 03/TT.HĐQT-CTĐT ngày 06/4/2026 của Hội đồng quản trị về việc cập nhật sửa đổi ngành, nghề kinh doanh theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

Để đảm bảo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng phù hợp với các văn bản pháp luật được sửa đổi bổ sung và việc cập nhật sửa đổi ngành nghề kinh doanh, thay đổi địa giới hành chính theo quy định nhà nước. Công ty sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty, các nội dung sửa đổi bổ sung như sau (Các từ in nghiêng và gạch dưới trong biểu bảng dưới đây là được sửa đổi bổ sung trong Điều lệ Công ty):

Số TT	Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Ghi chú
1	Phần mở đầu về các căn cứ: - Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020; - Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;	Phần mở đầu về các căn cứ: - Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020; <u>Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;</u> - Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; <u>Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số</u>	Bổ sung thêm do văn bản pháp luật có ban hành Luật số 76, Luật số 56

	<p>.....</p> <p>- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>.....</p>	<p><u>điều của Luật Chứng khoán;</u></p> <p>.....</p> <p>- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; <u>Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP;</u></p> <p>.....</p>	<p>và Nghị định 245</p>
2	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>.....</p> <p>c) <u>Luật Doanh nghiệp</u> là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;</p> <p>d) <u>Luật Chứng khoán</u> là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;</p> <p>.....</p> <p>i) <u>Người có liên quan</u> là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;</p> <p>.....</p>	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>.....</p> <p>c) <u>Luật Doanh nghiệp</u> là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 <u>và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;</u></p> <p>d) <u>Luật Chứng khoán</u> là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 <u>và Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;</u></p> <p>.....</p> <p>i) <u>Người có liên quan</u> là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán <u>và khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;</u></p> <p>.....</p>	<p>Bổ sung thêm do văn bản pháp luật có ban hành Luật số 76, Luật số 56</p> <p>Bổ sung thêm cho đầy đủ</p>
3	<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>1. Tên Công ty</p> <p>.....</p> <p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty:</p> <p>- Địa chỉ trụ sở chính: Số 422, đường Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.</p> <p>- Điện thoại - Fax: (0299) 3 822.354 - (0299) 3 825.900</p> <p>- E-mail: admin@ctdtst.vn</p>	<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>1. Tên Công ty</p> <p>.....</p> <p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty:</p> <p>- Địa chỉ trụ sở chính: Số 422, đường Võ Văn Kiệt, <u>Khu vực 12, Phường Phú Lợi, Thành phố Cần Thơ.</u></p> <p>- Điện thoại - Fax: (0299) 3 822.354 - (0299) 3 825.900</p> <p>- E-mail: <u>ctycongrinhdothist@gmail.com</u></p>	<p>Cập nhật lại địa chỉ trụ sở chính Công ty do thay đổi địa giới hành chính (Nghị quyết số 1668/NQ-UBTVQH15, Nghị quyết 18/NQ-HĐND) và Công ty có thay đổi địa chỉ email</p>
4	<p>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty</p> <p>1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là (bao gồm chi tiết của 55 ngành nghề kinh doanh).</p>	<p>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty</p> <p>1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là (bao gồm chi tiết của 55 ngành nghề kinh doanh). → Điều lệ sẽ được cập nhật sửa đổi bổ</p>	<p>Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg</p>

		sung tương ứng theo nội dung của Tờ trình số 03/TT.HĐQT-CTĐT ngày 06/4/2026 về việc cập nhật sửa đổi ngành, nghề kinh doanh theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.	ngày 29/9/2025 về việc ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, điều này dẫn tới Công ty phải cập nhật sửa đổi ngành, nghề KD và điều chỉnh lại ngành, nghề KD trong Điều lệ
5	<p>Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>.....</p> <p>r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>.....</p>	<p>Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>.....</p> <p>r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán <u>và Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP;</u></p> <p>.....</p>	<p>Bổ sung thêm do Nghị định 245/2025/NĐ-CP sđbs Nghị định 155/2020/NĐ-CP, có sđbs nội dung này</p>
6	<p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</p> <p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.</p> <p>.....</p>	<p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</p> <p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo <u>có tối thiểu 01 thành viên không điều hành</u>. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.</p> <p>.....</p>	<p>Nghị định 245/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>
7	<p>Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p>	<p>Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p>	

<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p> <p>6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng</p>	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p> <p><u>6. Giám đốc, Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.</u></p> <p>7. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng</p>	<p><i>Bổ sung thêm khoản 6 Điều này theo khoản 6 Điều 291 của Nghị định 245/2025/NĐ-CP Vì vậy khoản 6 Điều này được điều chỉnh tăng lên 1 khoản là Khoản 7</i></p>
--	--	--



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG
Số 422 Võ Văn Kiệt, Khu vực 12, Phường Phú Lợi, Thành phố Cần Thơ

Điện thoại – fax: (0299) 3 822.354 - (0299) 3 825.900

Mã chứng khoán: USD



CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Cần Thơ, tháng 4 năm 2026

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	6
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	9
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	9
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	9
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	10
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	10
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	11
Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)	11
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	11
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	11
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	12
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	12
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	13
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 17. Thay đổi các quyền	18
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông....	18
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	22
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	23

Điều 23.	Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	25
Điều 24.	Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	26
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....		26
Điều 25.	Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	26
Điều 26.	Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	27
Điều 27.	Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	27
Điều 28.	Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	29
Điều 29.	Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	29
Điều 30.	Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	30
Điều 31.	Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	33
Điều 32.	Người phụ trách quản trị công ty	33
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC		34
Điều 33.	Tổ chức bộ máy quản lý.....	34
Điều 34.	Người điều hành Doanh nghiệp.....	34
Điều 35.	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc.....	34
IX. BAN KIỂM SOÁT		35
Điều 36.	Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát.....	35
Điều 37.	Thành phần Ban Kiểm soát.....	35
Điều 38.	Trưởng Ban kiểm soát.....	36
Điều 39.	Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	36
Điều 40.	Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	37
Điều 41.	Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	37
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC		38
Điều 42.	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	38
Điều 43.	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	39
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....		39
Điều 44.	Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	39
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....		40
Điều 45.	Công nhân viên và công đoàn.....	40
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....		40
Điều 46.	Phân phối lợi nhuận	40



XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	41
Điều 47. Tài khoản ngân hàng	41
Điều 48. Năm tài chính.....	41
Điều 49. Chế độ kế toán	41
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	42
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	42
Điều 51. Báo cáo thường niên	42
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	42
Điều 52. Kiểm toán.....	42
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	42
Điều 53. Dấu của doanh nghiệp.....	42
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	43
Điều 54. Giải thể công ty.....	43
Điều 55. Thanh lý	43
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	43
Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	43
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	44
Điều 57. Điều lệ Công ty	44
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	44
Điều 58. Ngày hiệu lực.....	44

1172
 NG
 PH
 BÌNH
 TR
 TP

PHẦN MỞ ĐẦU

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020; Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ.ĐHĐCĐ-CTĐT ngày 28/4/2026 của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- e) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- f) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;



- h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
- i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán và khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;
- j) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
- k) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
- l) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- m) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
- n) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng
- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: Soc Trang Public Works Joint Stock Company
- Tên giao dịch: Công ty Công trình Đô thị Sóc Trăng
- Tên Công ty viết tắt: SPWC

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 422, đường Võ Văn Kiệt, Khu vực 12, Phường Phú Lợi, Thành phố Cần Thơ.
- Điện thoại - Fax: (0299) 3 822.354 - (0299) 3 825.900
- E-mail: ctycongtrinhdothist@gmail.com
- Website: www.ctdtst.vn

4. Logo:



5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 54, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 02 người đại diện theo pháp luật bao gồm:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- b) Tổng Giám đốc.

Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo quy định tại Điều lệ này và các quy định khác của Công ty tại từng thời điểm.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tại Công ty khi xuất cảnh khỏi Việt Nam.
4. Trường hợp hết hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc, hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác thay thế.
5. Trường hợp vắng mặt ở Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty thì HĐQT sẽ cử người khác thay thế.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	<i>Dịch vụ vệ sinh khác</i> Chi tiết: Dịch vụ vệ sinh môi trường	8129 (chính)

2	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
3	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn xây dựng, tư vấn thiết kế công trình điện	7110
4	Xây dựng công trình thủy	4291
5	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
6	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
7	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
8	Xây dựng nhà để ở	4101
9	Xây dựng nhà không để ở	4102
10	Lắp đặt hệ thống điện	4321
11	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
12	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
13	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
14	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
15	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
16	Quảng cáo	7310
17	Xây dựng công trình đường sắt	4211
18	Xây dựng công trình đường bộ. Chi tiết: Xây dựng, duy tu, bảo dưỡng công trình đường bộ, hạ tầng kỹ thuật, đô thị, nghĩa trang, nghĩa địa	4212
19	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
20	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
21	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
22	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
23	Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác	9531
24	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
25	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc cho thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
26	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
27	Xây dựng công trình điện	4221
28	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
29	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
30	Xây dựng công trình công ích khác	4229

31	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn xăng, dầu và các sản phẩm liên quan	4671
32	Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự	5510
33	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước	4322
34	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy phát điện, động cơ điện, dây điện và các thiết bị khác dùng trong mạch điện	4659
35	Dịch vụ cảnh quan	8130
36	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa Chi tiết: Trồng cây xanh, hoa kiểng	0118
37	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn hoa, chậu kiểng và cây xanh; Bán buôn trùn quế giồng, ruồi lính đen giồng	4620
38	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn thùng rác công cộng	4649
39	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ và các dịch vụ liên quan	9630
40	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng Chi tiết: Sản xuất cuốc, xẻng	2593
41	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại Chi tiết: Xử lý rác thải không độc hại	3821
42	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại Chi tiết: Xử lý rác thải độc hại	3822
43	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
44	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng	4312
45	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
46	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
47	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; Bán buôn trùn quế và các sản phẩm từ trùn quế; Bán buôn ruồi lính đen và các sản phẩm từ ruồi lính đen; Bán buôn chế phẩm sinh học, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường rác thải, nước thải	4679
48	Bán lẻ hàng hóa khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ)	4773

	Chi tiết: Bán lẻ phân bón; thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; Bán lẻ trùn quế và các sản phẩm từ trùn quế; Bán lẻ ruồi lính đen và các sản phẩm từ ruồi lính đen; Bán lẻ chế phẩm sinh học, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường rác thải, nước thải	
49	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo Chi tiết: Điện mặt trời	3512
50	Truyền tải và phân phối điện	3513
51	Chăn nuôi khác Chi tiết: Chăn nuôi trùn quế, ruồi lính đen	0149
52	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản Chi tiết: Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản từ trùn quế bổ sung dinh dưỡng cho vật nuôi. Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản từ ruồi lính đen bổ sung dinh dưỡng cho vật nuôi	1080
53	Thu gom rác thải không độc hại	3811
54	Thu gom rác thải độc hại	3812
55	Sản xuất mỹ phẩm, nước hoa, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh. Chi tiết: Sản xuất chế phẩm sinh học, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường rác thải, nước thải	2023

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

- Kinh doanh có lãi; bảo toàn và phát triển vốn Công ty; đảm bảo việc làm, thu nhập và đời sống người lao động;
- Hoạt động kinh doanh đa ngành, đa nghề, trong đó ưu tiên ngành nghề kinh doanh chính của Công ty.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

2. Công ty có thể tự do kinh doanh ngành, nghề mà luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 56.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi sáu tỷ đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 5.600.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Công ty được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị tỉnh Sóc Trăng nên không có cổ đông sáng lập.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 15 kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
3. Tổng Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
- h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
- i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
- j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
- k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải

thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

- c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
- e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

1458
TY
AN
ĐỘ
ANG
CH

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty;

8. Cung cấp địa chỉ liên lạc chính xác theo quy định của pháp luật hiện hành;

9. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Các nghĩa vụ khác đối với các loại cổ phần khác

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

- b) Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
- c) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- d) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- e) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này.
- b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

- d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác;
 - e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k) Phê duyệt/Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
 - e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
 - m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

- n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP;
- s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp, theo tỷ lệ cụ thể sau:

a) Đối với cổ đông là cá nhân chỉ được ủy quyền cho tối đa 01 cá nhân hoặc 01 tổ chức khác dự họp;

b) Trường hợp cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền cho tối đa một 01 người dự họp Đại hội đồng cổ đông, từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền cho tối đa 02 người dự họp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Trường hợp chủ sở hữu, thành viên, cổ đông công ty không xác định phần vốn góp, số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, phần vốn góp, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

2001
CỘNG
HỘ P
TỈNH
C T F
01 - 7

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không

774
37
HÀ
3 Đ
IÁN
P. C

quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết/bầu cử (nếu có);
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ Căn cước, căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;



- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện *trên 50%* tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn *30 ngày*, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ *33%* tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn *20 ngày* kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/Ban Kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
 - b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.
2. Việc bầu Chủ tọa, Thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp; Ban kiểm tra tư cách cổ đông phục vụ cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;



c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

8. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, hoặc kết hợp trực tiếp với trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- f) Vấn đề khác do Điều lệ Công ty quy định.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và các khoản 3, 4, 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử.

4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2001
CÔNG
CỐ P
TRIN
C-TP
7-T

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau:
 - a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
 - b) Phê duyệt/sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
 - c) Định hướng phát triển Công ty;
 - d) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - f) Dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - g) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - h) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - i) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - j) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - k) Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f) Phương án bầu cử (nếu có);

7745
3 TY
HÀN
HỒ
LÀNG
... CH

g) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

h) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/bầu cử hợp lệ và số phiếu biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);

e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Tổng hợp số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- i) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- j) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ (10%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên; từ hai mươi phần trăm (20%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên; từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên; từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo có tối thiểu 01 thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

- e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- j) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
- q) Yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty;
- r) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
- s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT.

Y
N
O
T
NG
CK

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác (nếu có).

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời

gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 13 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện điện tử hoặc phương thức khác đảm bảo đến được Công ty (người được phân công phụ trách tiếp nhận).

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Biểu quyết

- a) Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 9 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
- b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- c) Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không

tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

- d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 7 Điều 42 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
- e) Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

14. Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

15. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ này.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

16. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.



Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

17. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
2. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
3. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.
2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

774
3 TY
HÂN
HỌC
TÂN
P. C

- e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số (hơn 50%) thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế. Trường hợp Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải tạm cử người để đảm nhiệm công việc của Tổng Giám đốc. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc, Hội đồng quản trị phải tiến hành thủ tục bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới.

6. Tổng Giám đốc có thể ủy quyền bằng văn bản cho các Phó Tổng Giám đốc hoặc các chức danh khác của Công ty thay mặt mình giải quyết hoặc thi hành một số công việc nhất định, nhưng Tổng Giám đốc vẫn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những công việc do người được ủy quyền thực hiện theo sự ủy quyền này.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 25 Điều lệ này. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các thành viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) thành viên Ban Kiểm soát; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) thành viên Ban Kiểm soát; từ 30% trở lên được đề cử tối đa ba (03) thành viên Ban Kiểm soát.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giám đốc, Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 4 Luật Chứng khoán.
7. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b) Đối với giao dịch có giá trị từ 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản

được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Lợi nhuận sau khi trừ thuế, bù lỗ lũy kế (nếu có) và các khoản phải nộp khác là lợi nhuận ròng của Công ty được phân chia theo trình tự sau:

a. Trừ các khoản chi phí thực tế đã chi nhưng không được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp;

b. Chia lãi cho các đối tác góp vốn liên doanh liên kết (nếu có);

c. Trích lập các quỹ đầu tư phát triển, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu, quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý;

d. Chia cổ tức cho cổ đông.

2. Tỷ lệ trích lập vào các quỹ và tỷ lệ chia cổ tức hàng năm do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

3. Theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

4. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

459
Y
TH
H. TH

5. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
6. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
7. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.
8. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
9. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:



a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trường Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 Mục, 58 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng nhất trí thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở chính: Số 422, đường Võ Văn Kiệt, Khu vực 12, Phường Phú Lợi, Thành phố Cần Thơ và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty, thay thế cho Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng thông qua ngày 26/4/2024.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT**



CTY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05/TT.HĐQT-CTĐT

Cần Thơ, ngày 06 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Kính gửi: **Hội đồng quản trị**

Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP;

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng được sửa đổi bổ sung và thông qua ngày 26/4/2024;

- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng sửa đổi bổ sung thông qua ngày 17/6/2022.

Để đảm bảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty phù hợp với các văn bản pháp luật được sửa đổi bổ sung và nhu cầu, tình hình thực tế tại Công ty. Công ty sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng (Đính kèm Các nội dung sửa đổi, bổ sung của Quy chế và Bản dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty).

Nội dung chi tiết các sửa đổi bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và bản dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng đã được kèm theo tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, được đăng tải tại website Công ty: www.ctdst.vn/quan-he-co-dong.

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty được sửa đổi bổ sung sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;

- Lưu VT.





**CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CỦA
QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2026**
(Kèm theo Tờ trình số 05/TT.HĐQT-CTĐT ngày 06/4/2026)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng sửa đổi bổ sung thông qua ngày 26/4/2024;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng sửa đổi bổ sung thông qua ngày 17/6/2022;

Để đảm bảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty phù hợp với các văn bản pháp luật được sửa đổi bổ sung và nhu cầu, tình hình thực tế tại Công ty. Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, các nội dung sửa đổi bổ sung như sau (Các từ in nghiêng và gạch dưới trong biểu bảng dưới đây là được sửa đổi bổ sung trong Quy chế):

Số TT	Quy chế cũ	Quy chế mới	Ghi chú
1	Phần căn cứ: - Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019; - Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;	Phần căn cứ: - Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019; <u>Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;</u> - Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020; <u>Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;</u>	<i>Bổ sung thêm do văn bản pháp luật có ban hành Luật số 56, Luật số 76 và Nghị định 245</i>

<p>- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p>	<p>- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; <u>Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP;</u></p>	
<p>2 Điều 7. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất <i>03 ngày</i> làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p>	<p>Điều 7. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; <u>đanh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</u></p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất <i>03 ngày</i> làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ <u>Căn cước/căn cước công dân</u>, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p>	<p><i>Bổ sung thêm cho đầy đủ theo quy định tại Điểm đ Khoản 5 Điều 140 Luật DN</i></p> <p><i>Theo quy định CMND không còn được sử dụng từ ngày 01/01/2025, nên lược bỏ và bổ sung thêm Căn cước</i></p>
<p>3 Điều 11. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>20. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p>	<p>Điều 11. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>20. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán <u>và Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP;</u></p>	<p><i>Bổ sung thêm do Nghị định 245/2025/NĐ-CP sửa Nghị định 155/2020/NĐ-CP, có sửa nội dung này</i></p>

<p>4 Điều 46. Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của HĐQT (<i>Căn cứ quy định tại Điều 278 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP</i>)</p> <p>HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, ngoài ra HĐQT có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:</p> <p>.....</p> <p>8. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị Công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty;</p> <p>9. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>10. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.</p>	<p>Điều 46. Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của HĐQT (<i>Căn cứ quy định tại Điều 278 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Nghị định 245/2025/NĐ-CP</i>)</p> <p>HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, ngoài ra HĐQT có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:</p> <p>.....</p> <p>8. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị Công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, <u>Người phụ trách quản trị Công ty</u> và người quản lý khác của Công ty;</p> <p>9. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>10. <u>Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.</u></p> <p>11. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.</p>	<p><i>Bổ sung thêm Nghị định 245/2025/NĐ-CP</i></p> <p><i>Nghị định 245/2025/NĐ-CP có số/s Khoản 8 và bổ sung thêm Khoản 10 vào sau Khoản 9 Điều 278 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</i></p>
<p>5 Điều 48. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên HĐQT</p> <p>.....</p> <p>3. Cơ cấu thành viên HĐQT như sau:</p> <p>a. Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị;</p> <p>.....</p>	<p>Điều 48. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên HĐQT</p> <p>.....</p> <p>3. Cơ cấu thành viên HĐQT như sau:</p> <p>a. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo <u>có tối thiểu 01 thành viên không điều hành</u>. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị;</p> <p>.....</p>	<p><i>Nghị định 245/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</i></p>
<p>6 Điều 49. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT (<i>Căn cứ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 275 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP</i>)</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của Công ty.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được</p>	<p>Điều 49. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT (<i>Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 275 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Nghị định 245/2025/NĐ-CP</i>)</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của Công ty.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được</p>	<p><i>Công ty không áp dụng Khoản 2 (thành viên độc lập HĐQT) nên lược bỏ; Bổ sung thêm Nghị định 245/2025/NĐ-CP ở phần căn cứ;</i></p> <p><i>Số/s Khoản 3 Điều 275 theo</i></p>

	đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.	đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị <u>hoặc Hội đồng thành viên</u> tại tối đa 05 công ty khác.	<i>Nghị định 245/2025/NĐ-CP</i>
7	<p>Điều 61. Cách thức biểu quyết</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều này;</p> <p>.....</p> <p>3. Biểu quyết</p> <p>.....</p> <p>d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 42 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;</p> <p>.....</p>	<p>Điều 61. Cách thức biểu quyết</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại Điều <u>63 Quy chế</u> này và biểu quyết theo quy định tại Điều này;</p> <p>.....</p> <p>3. Biểu quyết</p> <p>.....</p> <p>d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 7 Điều 42 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;</p> <p>.....</p>	<p><i>Bổ sung thêm để được rõ hơn</i></p> <p><i>Tại Điều 42 Điều lệ Cty có bổ sung thêm 1 khoản là Khoản 6 (Bổ sung thêm khoản 6 theo quy định của Nghị định 245/2025/NĐ- CP). Do đó khoản 6 được điều chỉnh tăng lên 1 khoản là Khoản 7</i></p>
8	<p>Điều 75. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Thành viên Ban kiểm soát phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>.....</p> <p>c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và người quản lý khác;</p> <p>f. Không phải là người là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;</p> <p>.....</p>	<p>Điều 75. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Thành viên Ban kiểm soát phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>.....</p> <p>c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;</p> <p>f. Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;</p> <p>.....</p>	<p><i>Không áp dụng và thừa từ nên lược bỏ</i></p> 

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Số 422 Võ Văn Kiệt, Khu vực 12, Phường Phú Lợi, Thành phố Cần Thơ

Điện thoại – fax: (0299) 3 822.354 - (0299) 3 825.900

Mã chứng khoán: USD



CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

**QUY CHẾ
NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH
ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG**

Cần Thơ, tháng 4 năm 2026

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG**

Căn cứ:

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ ĐHĐCĐ-CTĐT ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng.

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng.

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH CHUNG	7
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	7
Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt	7
CHƯƠNG 2 – ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	7
I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	7
Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	7
Mục 2. Quy định về trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	7
Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông	7
Điều 4. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 5. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 6. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 7. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 8. Cách thức đăng ký, ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 9. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 10. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 11. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 12. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội	15
Điều 13. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết	16
Điều 14. Cách thức bỏ phiếu bầu cử	17
Điều 15. Cách thức kiểm phiếu	18
Điều 16. Điều kiện để nghị quyết được thông qua	18
Điều 17. Thông báo kết quả kiểm phiếu	19
Điều 18. Cách thức phân đôi quyết định của Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 19. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 20. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	20
II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN	20
Điều 21. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	20
Điều 22. Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản	21
Điều 23. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến	

bảng văn bản-----	21
III. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN -----	23
Điều 24. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến -----	23
Điều 25. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến-----	23
Điều 26. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử-----	24
Điều 27. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến -----	24
Điều 28. Điều kiện tiến hành-----	24
Điều 29. Thảo luận tại Đại hội Đồng Cổ đông trực tuyến -----	24
Điều 30. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến -----	25
Điều 31. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến-----	25
Điều 32. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến-----	26
Điều 33. Thông báo kết quả kiểm phiếu-----	26
Điều 34. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông -----	26
Điều 35. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông -----	26
IV. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TIẾP KẾT HỢP VỚI TRỰC TUYẾN -----	26
Điều 36. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông -----	26
Điều 37. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông -----	26
Điều 38. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông -----	27
Điều 39. Điều kiện tiến hành-----	27
Điều 40. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông -----	27
Điều 41. Cách thức bỏ phiếu-----	27
Điều 42. Cách thức kiểm phiếu-----	27
Điều 43. Thông báo kết quả kiểm phiếu-----	27
Điều 44. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông -----	27
Điều 45. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông -----	27
CHƯƠNG 3 – HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ -----	27
Mục 1. Quy định chung -----	27
Điều 46. Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của HĐQT -----	27
Điều 47. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên HĐQT -----	28
Mục 2 – Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên HĐQT -----	28
Điều 48. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị HĐQT -----	28
Điều 49. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HĐQT-----	29

Điều 50. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị-----	29
Điều 51. Cách thức bầu thành viên HĐQT -----	29
Điều 52. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị-----	30
Điều 53. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị-----	30
Điều 54. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị-----	30
Điều 55. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị-----	31
Mục 3 – Thù lao, lương thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị -----	32
Điều 56. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị-----	32
Mục 4 – Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị-----	32
Điều 57. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm -----	32
Điều 58. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường -----	32
Điều 59. Thông báo họp Hội đồng quản trị và quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát-----	33
Điều 60. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị -----	33
Điều 61. Cách thức biểu quyết-----	33
Điều 62. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị-----	35
Điều 63. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị -----	35
Điều 64. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị -----	35
Điều 65. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị -----	36
Điều 66. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị -----	36
Mục 5 - Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị -----	36
Điều 67. Các tiểu ban trực thuộc HĐQT -----	36
Mục 6 - Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty -----	37
Điều 68. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty -----	37
Điều 69. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty -----	37
Điều 70. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty-----	37
Điều 71. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty-----	37
Điều 72. Quyền và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty-----	37
CHƯƠNG 4 – BAN KIỂM SOÁT -----	38
Mục 1. Quy định chung -----	38
Điều 73. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát--	38
Mục 2. Quy định về Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát-----	38
Điều 74. Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần và cơ cấu thành viên Ban kiểm soát-----	38

7742
B.TY
HẮP
NHĐ
/HẮP
TP

Điều 75. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát	39
Điều 76. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát	39
Điều 77. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát	40
Điều 78. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	40
Điều 79. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	40
Điều 80. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát	41
CHƯƠNG 5 - TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG	41
Điều 81. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc	41
Điều 82. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc	42
Điều 83. Ứng cử, đề cử Tổng Giám đốc	42
Điều 85. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc	43
Điều 86. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc	43
Điều 87. Phó Tổng Giám đốc	43
Điều 88. Kế toán trưởng	43
CHƯƠNG 6 – CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC	44
Mục 1 – Quy định về phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc	44
Điều 89. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc	44
Điều 90. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Ban kiểm soát	44
Điều 91. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Tổng Giám đốc	44
Điều 92. Các trường hợp Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT	44
Điều 93. Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao	45
Điều 94. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Giám đốc	45
Điều 95. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS	46
Điều 96. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên	46
Mục 2 – Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác	48
Điều 97. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Thành viên Ban kiểm soát,	

Tổng Giám đốc và người điều hành khác -----	48
Điều 98. Khen thưởng-----	49
Điều 99. Kỷ luật -----	49
CHƯƠNG 7 - SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY-----	49
Điều 100. Bổ sung và sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty -----	49
CHƯƠNG 8 - NGÀY HIỆU LỰC-----	49
Điều 101. Ngày hiệu lực -----	49

CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này được xây dựng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan được đề cập trong Quy chế này.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

1. Thành viên HĐQT không điều hành là thành viên HĐQT không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.
2. Công ty: là Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng.
3. HĐQT: là Hội đồng quản trị.
4. Ứng cử: là tự đề cử.
5. BKS: là Ban kiểm soát.
6. VSDC: là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.
7. Người phụ trách quản trị Công ty: là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

CHƯƠNG 2 – ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định theo Điều 138 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và Điều 14, Điều 15 Điều lệ Công ty.

Mục 2. Quy định về trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 14 Điều lệ Công ty)

1. *Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên:* Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng

quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:

- a. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty;
- b. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 14 Điều lệ Công ty thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế HĐQT triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 14 Điều lệ Công ty thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm d khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại;

- d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 4. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 146 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Khoản 2 Điều 20 Điều lệ Công ty)

1. Chủ tọa và Đoàn Chủ tọa:

- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- c. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;
- d. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- e. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- f. Một số quyền và nghĩa vụ khác của Chủ tọa theo quy định của luật hiện hành.
- g. Đoàn Chủ tọa có tối đa 05 người, gồm 01 Chủ tịch và một số thành viên do Chủ tọa giới thiệu.
- h. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:
- Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - Hướng dẫn các cổ đông/người nhận ủy quyền của cổ đông và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
 - Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
 - Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
- i. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tọa: Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

2. Thư ký đại hội:

- a. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
- b. Nhiệm vụ của Thư ký đại hội:
- Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
 - Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của cổ đông;
 - Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tọa.

3. Ban kiểm phiếu:

745
TY
ẤN
BỘ
NG
CÁ

- a. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
- b. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:
 - Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.
 - Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết.
 - Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký.
 - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

4. Ban kiểm tra tư cách cổ đông:

- a. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm trong Ban kiểm tra tư cách cổ đông phục vụ cuộc họp. Ban kiểm tra tư cách cổ đông của Đại hội có tối đa 05 người, gồm 01 Trưởng Ban và một số thành viên.
- b. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra cổ đông:
 - Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
 - Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.
 - Tham gia kiểm phiếu các nội dung khác trước khi thành lập Ban kiểm phiếu.

Điều 5. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 18 Điều lệ Công ty; Quy chế thực hiện quyền của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam)

1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
2. Công ty thực hiện thủ tục lập danh sách cổ đông và các thủ tục liên quan theo quy định tại Quy chế thực hiện quyền của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

Điều 6. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 143 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14)

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn dài hơn. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
2. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty; trường hợp công ty xét thấy cần thiết thì đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương theo quy định của Điều lệ Công ty.

3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:
 - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
 - b. Phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử.
4. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tài tài liệu.

Điều 7. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 18 Điều lệ Công ty)

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 3 Quy chế này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - c. Phiếu biểu quyết/bầu cử;
 - d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ Căn cước/Căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 8. Cách thức đăng ký, ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 16 Điều lệ Công ty; Khoản 1, 2, 5 Điều 20 Điều lệ Công ty)

1. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được qui định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ Công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội (được đính kèm Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho cổ đông) về Công ty.
 - b. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:
 - Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
 - Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp và tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều này; (Trường hợp có nhiều hơn một đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu cử/biểu quyết được ủy quyền cho mỗi đại diện).
 - Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

- Gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
- Các hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với qui định của pháp luật.
- Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Quy định về việc ủy quyền tham dự đại hội

- a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông thực hiện ủy quyền theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty;
- b. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

- c. Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách cổ đông/người nhận ủy quyền của cổ đông vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông

Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

- a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/Ban

kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

- b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

Điều 9. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty)

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 10. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 147 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 22 Điều lệ Công ty)

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản và các hình thức khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 11. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 15 Điều lệ Công ty)

1. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
2. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
3. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
4. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
5. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
6. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

7. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
8. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
9. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
10. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
11. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
12. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
13. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
14. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
15. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
16. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
17. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
18. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
19. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
20. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP;
21. Phê duyệt, bổ sung, sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
22. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 12. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội

(Căn cứ quy định tại Quy chế tổ chức Đại hội; Quy chế bầu cử tại Đại hội)

1. Nguyên tắc chung

- a. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.
- b. Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho cổ đông/người nhận ủy quyền của cổ đông tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông). Mỗi cổ đông/người nhận ủy quyền của cổ đông được cấp Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử. Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử có ghi rõ mã số cổ đông/người nhận ủy quyền của cổ đông, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của cổ đông/người nhận ủy quyền của cổ đông đó.

2. Quy định về tính hợp lệ của phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử

a. Phiếu biểu quyết

- **Phiếu biểu quyết hợp lệ:** là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xoá, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của cổ đông/người nhận ủy quyền của cổ đông tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi cổ đông/người nhận ủy quyền của cổ đông đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

- **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:**

- Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu biểu quyết hợp lệ

b. Phiếu bầu cử

- **Phiếu bầu cử hợp lệ:** là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xoá, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của cổ đông/người nhận ủy quyền của cổ đông tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.

- **Phiếu bầu cử không hợp lệ:**

- Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu bầu cử hợp lệ;
- Số ứng viên mà cổ đông/người nhận ủy quyền của cổ đông bầu lớn hơn số lượng ứng viên cần bầu;
- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;
- Các quy định khác theo Quy chế bầu cử Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty quy định.

Điều 13. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết

(Căn cứ quy định tại Quy chế tổ chức Đại hội)

1. Nguyên tắc chung

- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
- Cổ đông/người nhận ủy quyền của cổ đông thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết.

2. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết

- a. Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp cổ đông/người nhận ủy quyền của cổ đông không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp cổ đông/người nhận ủy quyền của cổ đông giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một

vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách cổ đông/người nhận ủy quyền của cổ đông/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã cổ đông/người nhận ủy quyền của cổ đông và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tân thành, Không tân thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.

- b. Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, cổ đông/người nhận ủy quyền của cổ đông chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “□” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn thành tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, cổ đông/người nhận ủy quyền của cổ đông bỏ Phiếu biểu quyết vào thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của cổ đông/người nhận ủy quyền của cổ đông.
- c. Bỏ phiếu điện tử tương tự như quy định tại Điều 31 Quy chế này.

Điều 14. Cách thức bỏ phiếu bầu cử

(Căn cứ quy định tại Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông)

1. Nguyên tắc chung

- Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào HĐQT và Ban kiểm soát.

2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử

a. Bầu cử theo phương thức bầu đôn phiếu

- Theo đó mỗi cổ đông/người nhận ủy quyền của cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu;
- Cổ đông/người nhận ủy quyền của cổ đông tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;
- Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, cổ đông/người nhận ủy quyền của cổ đông có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);
- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, cổ đông/người nhận ủy quyền của cổ đông liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu mới và phải nộp phiếu cũ;
- Cách ghi phiếu bầu cử: Mỗi cổ đông/người nhận ủy quyền của cổ đông được phát các phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:
 - + Cổ đông/người nhận ủy quyền của cổ đông bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên cần bầu;
 - + Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, cổ đông/người nhận ủy quyền của cổ đông đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng;
 - + Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, cổ đông/người nhận ủy quyền của cổ đông ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.
 - + Quy định khác theo Quy chế bầu cử.

Lưu ý: Trong trường hợp cổ đông/người nhận ủy quyền của cổ đông vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.

- Nguyên tắc trúng cử:
 - + Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
 - + Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.
 - + Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.
- b. Bầu cử theo phương thức biểu quyết: Thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 13 Quy chế này.
- c. Bỏ phiếu điện tử tương tự như quy định tại Điều 31 Quy chế này.

Điều 15. Cách thức kiểm phiếu

(Căn cứ quy định tại Quy chế tổ chức Đại hội)

Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách tổng hợp thẻ/phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

Điều 16. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

(Căn cứ quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty)

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - f. Vấn đề khác do Điều lệ Công ty quy định.
2. Các Nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và các khoản 3, 4, 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ

phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 17. Thông báo kết quả kiểm phiếu

(Căn cứ quy định tại Quy chế tổ chức Đại hội)

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 18. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 132 & Điều 151 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14)

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.
3. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật Doanh nghiệp.
 - b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 19. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 23 Điều lệ Công ty)

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Tổng hợp số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
 - i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - j. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 20. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 23 Điều lệ Công ty)

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN

Điều 21. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

(Căn cứ quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty)

Các nội dung sau đây có thể được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

- a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
- b. Phê duyệt/sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
- c. Định hướng phát triển Công ty;
- d. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- f. Dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- g. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- h. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- i. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- j. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- k. Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

Điều 22. Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản

HDQT được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản trong tất cả trường hợp khi xét thấy cần thiết trừ việc tổ chức Đại hội cổ đông thường niên.

Điều 23. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

(Căn cứ quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 18; Điều 22, 24 Điều lệ Công ty)

1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ Công ty.
3. Quy định về Phiếu lấy ý kiến
 - a. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Mục đích lấy ý kiến;
 - Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông;
 - Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

- Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- Phương án bầu cử (nếu có);
- Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

b. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

4. Kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu

Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/bầu cử hợp lệ và số phiếu biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;
- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

5. Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu

- a. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu;

b. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Lưu tài liệu:

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

7. Yêu cầu hủy bỏ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ Công ty;
- b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

III. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN

Điều 24. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

Lưu ý: Phiếu biểu quyết/bầu cử không cần gửi kèm thông báo mời họp.

Điều 25. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được qui định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm:

1. Điều kiện tham gia:

- Có tên trong danh sách cổ đông (DSCĐ) có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.
- Đại diện ủy quyền đủ điều kiện tham dự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Yêu cầu kỹ thuật:

Cổ đông/người nhận ủy quyền của cổ đông cần có thiết bị điện tử kết nối internet (ví dụ: máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet...).

3. Cách thức ghi nhận Cổ đông/người nhận ủy quyền của cổ đông tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

Cổ đông/người nhận ủy quyền của cổ đông được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi Cổ đông/người nhận ủy quyền của cổ đông đó thực hiện truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp theo quy định tại Điều 26 Quy chế này và đã thực hiện bỏ phiếu điện tử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 26. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử

1. Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được cung cấp trong thông báo mời họp (hoặc hình thức thông báo thông tin đăng nhập do Hội đồng quản trị quy định). Cổ đông/người nhận ủy quyền của cổ đông phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có Cổ đông/người nhận ủy quyền của cổ đông mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.
2. Khi Cổ đông/người nhận ủy quyền của cổ đông có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức Đại hội có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp hoặc email/điện thoại. Hình thức cung cấp thông tin đăng nhập qua email hoặc điện thoại chỉ được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông có quyền bỏ phiếu do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.
3. Cổ đông/người nhận ủy quyền của cổ đông sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu điện tử theo nội dung của Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 27. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Cổ đông thực hiện ủy quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy chế này.
2. Một số quy định cần lưu ý khi thực hiện ủy quyền trực tuyến:

Các cổ đông cần tuân thủ cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền trực tuyến, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền: số điện thoại, địa chỉ liên lạc và địa chỉ email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.

Hiệu lực của ủy quyền trực tuyến: việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến.
- Giấy ủy quyền được in ra theo mẫu ủy quyền trực tuyến có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền.
- Công ty nhận được Giấy ủy quyền bản chính gửi về trước lúc đại hội khai mạc chính thức.

Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến: Cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho Công ty trước lúc đại hội khai mạc chính thức. Lưu ý thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến.

Hủy bỏ ủy quyền sẽ bị vô hiệu lực nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết/bầu cử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 28. Điều kiện tiến hành

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

Điều 29. Thảo luận tại Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông;
- Chỉ có Cổ đông/người nhận ủy quyền của cổ đông mới được tham gia thảo luận;
- Cổ đông/người nhận ủy quyền của cổ đông có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định cụ thể tại Quy chế tổ chức đại hội;
- Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của Cổ đông/người nhận ủy quyền của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa.

2. Giải đáp ý kiến của các Cổ đông/người nhận ủy quyền của cổ đông:

- Trên cơ sở nội dung thảo luận của Cổ đông/người nhận ủy quyền của cổ đông, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Cổ đông/người nhận ủy quyền của cổ đông;
- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời sau.

Điều 30. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức bỏ phiếu điện tử.

Điều 31. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến

1. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:

- Cổ đông/người nhận ủy quyền của cổ đông chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.
- Sau đó, Cổ đông/người nhận ủy quyền của cổ đông tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

2. Cách thức bỏ phiếu bầu cử:

- Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu: Nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (bầu dồn đều hoặc bầu ghi số). Theo đó, Cổ đông/người nhận ủy quyền của cổ đông thực hiện việc bầu cử bằng cách đánh dấu vào ô "Bầu dồn phiếu" hoặc ghi rõ số phiếu bầu vào ô "Số phiếu bầu" của các ứng viên tương ứng trên Phiếu bầu cử đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau đó, Cổ đông/người nhận ủy quyền của cổ đông tiến hành xác nhận bầu cử để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.
- Bầu cử theo phương thức biểu quyết (nếu có): Thực hiện theo quy định bỏ phiếu biểu quyết nêu tại Khoản 1 Điều này.

3. Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:

- Trường hợp Cổ đông/người nhận ủy quyền của cổ đông không thực hiện hết các vấn đề biểu quyết, bầu cử theo nội dung chương trình Đại hội thì các vấn đề chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như Cổ đông/người nhận ủy quyền của cổ đông không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề đó.

177
G T
H A N
Y D O
A N C
C A N

- Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình Đại hội đã gửi, Cổ đông/người nhận ủy quyền của cổ đông có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu Cổ đông/người nhận ủy quyền của cổ đông không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những vấn đề phát sinh thì xem như Cổ đông/người nhận ủy quyền của cổ đông không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề phát sinh đó.
- Cổ đông/người nhận ủy quyền của cổ đông có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết, bầu cử); bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong Quy chế tổ chức đại hội.
- Trong trường hợp, Cổ đông/người nhận ủy quyền của cổ đông thực hiện bầu ghi số: Phiếu bầu không hợp lệ sẽ được quy định chi tiết tại Quy chế tổ chức đại hội/Quy chế bầu cử.
- Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể trong Quy chế làm việc tại đại hội. Cổ đông/người nhận ủy quyền của cổ đông có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ Cổ đông/người nhận ủy quyền của cổ đông.

Điều 32. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến

Khi Cổ đông/người nhận ủy quyền của cổ đông thực hiện biểu quyết/bầu cử, số phiếu biểu quyết, phiếu bầu đều được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số biểu quyết tán thành, biểu quyết không tán thành và biểu quyết không ý kiến.

Điều 33. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Căn cứ biên bản kiểm phiếu ghi nhận như quy định tại Điều 32 Quy chế này, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình đại hội. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp

Điều 34. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- Thực hiện theo quy định tại Điều 19 Quy chế này.
- Địa điểm tổ chức được ghi trong biên bản Đại hội cổ đông trực tuyến là địa điểm Chủ tọa Đại hội có mặt để điều khiển Đại hội. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam.
- Hình thức thông qua biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại Quy chế tổ chức đại hội của Công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 35. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Quy chế này.

IV. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TIẾP KẾT HỢP VỚI TRỰC TUYẾN

Điều 36. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

Điều 37. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 và Điều 25 Quy chế này.

Điều 38. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 và Điều 27 Quy chế này.

Điều 39. Điều kiện tiến hành

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

Điều 40. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 30 Quy chế này.

Điều 41. Cách thức bỏ phiếu

Thực hiện theo quy định tại Điều 13, Điều 14 và Điều 31 Quy chế này.

Điều 42. Cách thức kiểm phiếu

Thực hiện theo quy định tại Điều 15 và Điều 32 Quy chế này.

Điều 43. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Thực hiện theo quy định tại Điều 17 và Điều 33 Quy chế này.

Điều 44. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 19 và Điều 34 Quy chế này.

Điều 45. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Quy chế này.

CHƯƠNG 3 – HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mục 1. Quy định chung

Điều 46. Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điều 278 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Nghị định 245/2025/NĐ-CP)

HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, ngoài ra HĐQT có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty;
2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
3. Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty;
4. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty theo hướng dẫn tại Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

5. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;
6. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại Điều 270 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
7. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty;
8. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị Công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người phụ trách quản trị Công ty và người quản lý khác của Công ty;
9. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật hiện hành;
10. Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.
11. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 47. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điều 277 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Mục 2 – Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên HĐQT

Điều 48. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điều 26 Điều lệ Công ty)

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên HĐQT như sau:
 - a. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo có tối thiểu 01 thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp;
 - c. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 49. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT

(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 275 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Nghị định 245/2025/NĐ-CP)

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.

Điều 50. Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điều 274 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP; Khoản 2,3 Điều 25 Điều lệ Công ty)

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ (10%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ hai mươi phần trăm (20%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.
2. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế hoạt động của HĐQT. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 51. Cách thức bầu thành viên HĐQT

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty)

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử.

Điều 52. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT

(Căn cứ Điều 160 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14)

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 53. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan (nếu có), trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của Luật hiện hành.

Điều 54. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 25 Điều lệ Công ty)

Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

Điều 55. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 29 Điều lệ Công ty)

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm

đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Mục 3 – Thù lao, lương thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 56. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 28 Điều lệ Công ty)

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Mục 4 – Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

Điều 57. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm

(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 30 Điều lệ Công ty)

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

Điều 58. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường

(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 30 Điều lệ Công ty)

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát;
 - b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định;
2. Đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 59. Thông báo họp Hội đồng quản trị và quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 30 Điều lệ Công ty)

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 60. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 30 Điều lệ Công ty)

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Điều 61. Cách thức biểu quyết

(Căn cứ Điều 30 Điều lệ Công ty)

1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại Điều 63 Quy chế này và biểu quyết theo quy định tại Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện điện tử hoặc phương thức khác đảm bảo đến được Công ty (người được phân công phụ trách tiếp nhận).
2. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
3. Biểu quyết
- a. Trừ quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 1 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
 - c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30 Điều lệ Công ty, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 7 Điều 42 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
 - e. Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
4. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.
5. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

6. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 62. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

(Căn cứ Điều 30 Điều lệ Công ty)

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 63. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

(Căn cứ Điều 30 Điều lệ Công ty)

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 64. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 158 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14)

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian, địa điểm họp;
- c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;

- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Điều 65 Quy chế này.
2. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
 3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
 4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 65. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 158 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14)

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Điều 64 Quy chế này thì biên bản này có hiệu lực.

Điều 66. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Sau khi ban hành Nghị quyết/Quyết định HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan (nếu có), trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của hiện hành.

Mục 5 - Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Điều 67. Các tiểu ban trực thuộc HĐQT

(Căn cứ, Điều 31 Điều lệ Công ty)

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Mục 6 - Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Điều 68. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty

(Căn cứ Khoản 2 Điều 32 Điều lệ Công ty)

Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

Điều 69. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

(Căn cứ Khoản 1 Điều 32 Điều lệ Công ty)

Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

Điều 70. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

1. HĐQT có thể miễn nhiệm/bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.
2. Người phụ trách quản trị Công ty có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 71. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan (nếu có), trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 72. Quyền và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty

(Căn cứ Khoản 3 Điều 32 Điều lệ Công ty)

Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG 4 – BAN KIỂM SOÁT

Mục 1. Quy định chung

Điều 73. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát
(Căn cứ Điều 287, Điều 288 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)

1. Thành viên Ban kiểm soát có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
3. Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:
 - a. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
 - c. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác;
 - d. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông;
 - e. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong thời hạn 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - f. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo hướng dẫn tại Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - g. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Mục 2. Quy định về Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

Điều 74. Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần và cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 168 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Khoản 1 Điều 37 Điều lệ Công ty)

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
4. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ Công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên Ban kiểm soát thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.
5. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 75. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Khoản 2 Điều 37 Điều lệ Công ty)

1. Thành viên Ban kiểm soát phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
 - c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
 - d. Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
 - e. Không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - f. Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
 - g. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.
2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát Công ty đảm bảo không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty theo quy định tại khoản 02 Điều 169 của Luật Doanh nghiệp.
3. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 76. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 285 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ; Điều 36 Điều lệ Công ty)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 25 Điều lệ Công ty. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các thành viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) thành viên Ban kiểm soát; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) thành viên Ban kiểm soát; từ 30% trở lên được đề cử tối đa ba (03) thành viên Ban kiểm soát.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử tương tự theo quy định tại Khoản 2 Điều 50 Quy chế này. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 77. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Khoản 2 Điều 21 Điều lệ Công ty)

Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử.

Điều 78. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 174 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14)

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 79. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan (nếu có), trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 80. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 172 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 41 Điều lệ Công ty)

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG 5 - TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

Điều 81. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

(Căn cứ Khoản 2, 4 Điều 35 Điều lệ Công ty)

1. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
2. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

Trong trường hợp chức danh quản lý Công ty thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị thì Tổng Giám đốc kiến nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị số lượng và các cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý.

- f. Tháng 01 hàng năm, trình Chủ tịch Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch sản xuất kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo, theo yêu cầu của ngân sách cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

- g. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - h. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc (đối với người quản lý thì phải thông qua và được sự chấp thuận của Chủ tịch HĐQT);
 - i. Tuyển dụng lao động;
 - j. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i. Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo thẩm quyền, bao gồm việc thay mặt Công ty/được ủy quyền ký kết các hợp đồng dân sự, kinh tế và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty;
 - k. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.
 4. Tổng Giám đốc có thể ủy quyền bằng văn bản cho các Phó Tổng Giám đốc hoặc các chức danh khác của Công ty thay mặt mình giải quyết hoặc thi hành một số công việc nhất định, nhưng Tổng Giám đốc vẫn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những công việc do người được ủy quyền thực hiện theo sự ủy quyền này.

Điều 82. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc

(Căn cứ quy định tại Khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Khoản 3 Điều 35 Điều lệ Công ty)

Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
2. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, thành viên Ban kiểm soát của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;
3. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.

Điều 83. Ứng cử, đề cử Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc, các thành viên HĐQT có quyền đề cử ứng viên Tổng Giám đốc theo đúng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 82 Quy chế này và trình lên HĐQT xem xét khi Công ty có nhu cầu tìm kiếm Tổng Giám đốc.

Điều 84. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

(Căn cứ Khoản 1, Khoản 5 Điều 35 Điều lệ Công ty)

Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

Hội đồng quản trị có thẩm quyền ký kết/chấm dứt hợp đồng và quyết định các điều khoản của hợp đồng lao động được quy định tại Điểm i Khoản 2 Điều 27 và Điều 35 Điều lệ Công ty.

Điều 85. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan (nếu có), trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 86. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc

(Căn cứ Khoản 2, Khoản 3 Điều 34 Điều lệ Công ty)

1. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
2. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 87. Phó Tổng Giám đốc

Các Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc ký hợp đồng. Thời hạn bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng với Phó Tổng Giám đốc theo quy định của pháp luật lao động về hợp đồng lao động và có thể được bổ nhiệm lại hoặc ký tiếp hợp đồng. Các Phó Tổng Giám đốc giúp Tổng Giám đốc theo sự phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm giúp Tổng Giám đốc về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền. Việc ủy quyền có liên quan đến ký Hợp đồng hoặc sử dụng con dấu của Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản.

Điều 88. Kế toán trưởng

Kế toán trưởng Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc ký hợp đồng. Thời hạn bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng với Kế toán trưởng theo quy định của pháp luật lao động về hợp đồng lao động và có thể được bổ nhiệm lại hoặc ký tiếp hợp đồng. Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc Công ty tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán, thống kê của Công ty. Quyền hạn và trách nhiệm của kế toán trưởng theo hợp đồng lao động đã ký kết và quy định của pháp luật.

CHƯƠNG 6 – CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Mục 1 – Quy định về phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Điều 89. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp HĐQT được quy định tại Mục 4 Chương 3 Quy chế này.

Điều 90. Thông báo Nghị quyết/Quyết định của HĐQT cho Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 171 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14)

Nghị quyết/Quyết định, biên bản họp HĐQT sau khi được ban hành phải được gửi đến cho các thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Điều 91. Thông báo Nghị quyết/Quyết định của HĐQT cho Tổng Giám đốc

Nghị quyết/Quyết định HĐQT (với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc) sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Điều 92. Các trường hợp Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điểm h Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 288 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Khoản 4 Điều 35, Điều 39 Điều lệ Công ty)

1. Các trường hợp đề nghị triệu tập họp HĐQT
 - a. Ban kiểm soát có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:
 - Khi có yêu cầu của cổ đông/nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp;
 - Khi xét thấy quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty của thành viên Ban kiểm soát không được thực hiện đầy đủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty;
 - Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT theo quy định tại Khoản 5 Điều 39 Điều lệ Công ty nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả.
 - b. Tổng Giám đốc có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:
 - Khi xét thấy các quyền của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 35 Điều lệ Công ty không được thực thi;
 - Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của những người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả.

1450
TY
AN
ĐÔ T
ANG
CÁ

2. Những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT:
 - a. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - b. Đề xuất Chủ tịch Hội đồng quản trị những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - c. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch và đề xuất Chủ tịch Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp;
 - d. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch và đề xuất Chủ tịch Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ Công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;
 - e. Xin ý kiến Chủ tịch HĐQT đối với bảng Báo cáo tài chính kiểm toán (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua;
 - f. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - g. Xin ý kiến Chủ tịch HĐQT phê chuẩn kế hoạch sản xuất kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo;
 - h. Các nội dung khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

Điều 93. Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

(Căn cứ quy định tại Phụ lục IV Thông tư số 96/2020/TT-BTC, Khoản 4 Điều 35 Điều lệ Công ty)

1. Báo cáo về tình hình thực hiện Nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
3. Báo cáo về những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.
4. Báo cáo hằng năm về việc triển khai thực hiện các nghĩa vụ đối với môi trường, cộng đồng, người lao động.
5. Báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông ủy quyền khác.
6. Thực hiện báo cáo các vấn đề khác theo yêu cầu của HĐQT.

Điều 94. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc

Căn cứ vào báo cáo của Tổng Giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định tại Điều 81 Quy chế này, HĐQT sẽ tiến hành kiểm điểm kết quả thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT với Tổng Giám đốc.

Điều 95. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 291 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Điều 35, Khoản 3 Điều 42, Điều lệ Công ty)

1. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT
 - a. Các nội dung theo Điều 93 Quy chế này;
 - b. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật;
 - c. Các nội dung khác cần xin ý kiến, báo cáo cho HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

Riêng trường hợp chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, Tổng Giám đốc ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

3. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho BKS
 - a. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến các thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT;
 - b. Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Cách thức thông báo cho BKS thực hiện như đối với Hội đồng quản trị.

Điều 96. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên

1. Phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT:

BKS có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Cụ thể như sau:

- a. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
- b. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ;
- c. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp



HDQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HDQT, Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền báo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

- d. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên HDQT, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với HDQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- e. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo cho HDQT các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật;
- f. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì BKS phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày so với ngày dự định nhận được phản hồi;
- g. Các nội dung kiến nghị đến HDQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HDQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

HDQT tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

2. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng Giám đốc

BKS có chức năng kiểm tra và giám sát:

- a. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc (cùng lúc yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận) tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ các vấn đề mà các Thành viên Ban kiểm soát quan tâm;
- b. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng Giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng Giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền báo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
- c. Thành viên Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;
- d. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu cung cấp của BKS phải được gửi đến Công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ làm việc so với thời gian dự định nhận được phản hồi. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan;
- e. Các nội dung kiến nghị về các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh Công ty của BKS phải được gửi đến

3172
ĐNG
Đ PH
TRINH
C TR
11 - T

Tổng Giám đốc trước ít nhất bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.

Tổng Giám đốc tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

3. Phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc và HĐQT: Tổng Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.
 - a. Khi có kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Tổng Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn mười (10) ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;
 - b. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;
 - c. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ Công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;
 - d. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật;
 - e. Các nội dung khác cần xin ý kiến theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Quy chế này HĐQT phải được gửi trước ít nhất là mười (10) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.

Mục 2 – Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

Điều 97. Quy định về việc đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác.
2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được HĐQT cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được đề cập như: quyền lợi của các bên liên quan, hiệu quả hoạt động, những tiến bộ và cải tiến đạt được, v.v....
3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập/các kết quả đạt được, HĐQT tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên HĐQT.
4. Việc đánh giá hoạt động của các thành viên Ban kiểm soát được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại cơ cấu tổ chức và hoạt động của BKS.
5. Việc đánh giá hoạt động của người điều hành khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này.

Điều 98. Khen thưởng

1. HĐQT hoặc Phòng Tổ chức – Hành chính có trách nhiệm xây dựng chính sách khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 97 của Quy chế này.
2. Các hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu (phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty) hoặc các hình thức khác do HĐQT hoặc Tiểu ban Lương thưởng xây dựng. Các hình thức khen thưởng sẽ do Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch trình HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
3. Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
4. Đối với đối tượng là người điều hành doanh nghiệp: nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Tổng Giám đốc sẽ đề xuất HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 99. Kỷ luật

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng hình thức kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.
2. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, người điều hành doanh nghiệp không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.
3. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, người điều hành doanh nghiệp khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG 7 - SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 100. Bổ sung và sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

1. Việc bổ sung hoặc sửa đổi Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG 8 - NGÀY HIỆU LỰC

Điều 101. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 08 Chương, 101 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng nhất trí thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2026 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.

2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty, thay thế cho Quy chế đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng thông qua ngày 17/6/2022.
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế nội bộ về quản trị Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



TỜ TRÌNH

V/v Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Kính gửi: **Hội đồng quản trị**
Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP;

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng được sửa đổi bổ sung và thông qua ngày 26/4/2024;

- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng sửa đổi bổ sung thông qua ngày 17/6/2022;

- Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng sửa đổi bổ sung thông qua ngày 17/6/2022.

Để đảm bảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị phù hợp với các văn bản pháp luật được sửa đổi bổ sung và nhu cầu, tình hình thực tế tại Công ty. Công ty sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng (Đính kèm Các nội dung sửa đổi, bổ sung của Quy chế và Bản dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị).

Nội dung chi tiết các sửa đổi bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và bản dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng đã được kèm theo tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, được đăng tải tại website Công ty: www.ctdst.vn/quan-he-co-dong.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị được sửa đổi bổ sung sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT





**CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2026**
(Kèm theo Tờ trình số 06/TT.HĐQT-CTĐT ngày 06/4/2026)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp; ;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng sửa đổi bổ sung thông qua ngày 26/4/2024;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng sửa đổi bổ sung thông qua ngày 17/6/2022;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng sửa đổi bổ sung thông qua ngày 17/6/2022.

Để đảm bảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng phù hợp với các văn bản pháp luật được sửa đổi bổ sung và nhu cầu, tình hình thực tế tại Công ty. Công ty sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, các nội dung sửa đổi bổ sung như sau (Các từ in nghiêng và gạch dưới trong biểu bảng dưới đây là được sửa đổi bổ sung trong Quy chế):

Số TT	Quy chế cũ	Quy chế mới	Ghi chú
1	Phần căn cứ: - Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019; - Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm	Phần căn cứ: - Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019; <u>Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;</u> - Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm	<i>Bổ sung thêm do văn bản pháp luật có ban hành Luật</i>

	<p>2020;</p> <p>.....</p> <p>- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>.....</p>	<p>2020; <u>Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;</u></p> <p>.....</p> <p>- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; <u>Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP;</u></p> <p>.....</p>	<p>số 76, Luật số 56 và Nghị định 245</p>
<p>2</p>	<p>Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.</p> <p>2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định như sau:</p> <p>- Thành viên Hội đồng quản trị phải trình nội dung yêu cầu cung cấp lên Hội đồng quản trị Công ty;</p> <p>- Xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp để lấy ý kiến trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị về nội dung được yêu cầu cung cấp thông tin;</p> <p>- Nếu nội dung trên được Hội đồng quản trị thông qua thì người quản lý được yêu cầu cung cấp thông tin sẽ cung cấp các thông tin theo yêu cầu trong vòng 07 ngày.</p>	<p>Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.</p> <p>2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. <u>Trường hợp các thông tin, tài liệu được yêu cầu cung cấp để phục vụ cho mục đích cá nhân, không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc lợi ích của Công ty thì không cung cấp.</u></p>	<p>Bổ sung thêm đối với các thông tin, tài liệu cần cung cấp mà không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi ích của Công ty</p>
<p>3</p>	<p>Điều 5. Số lượng, nhiệm kỳ, và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>.....</p> <p>4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội</p>	<p>Điều 5. Số lượng, nhiệm kỳ, và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>.....</p> <p>4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo <u>có tối thiểu 01 thành viên không điều hành</u>. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Nghị định 245/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>



	đồng quản trị.		
4	<p>Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>.....</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác.</p> <p>4. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty.</p>	<p>Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>.....</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị <u>của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.</u></p> <p>4. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty và <u>Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.</u></p>	<p>Sđbs Khoản 3 Điều 6 Quy chế này theo khoản 3 Điều 275 của Nghị định 245/2025/NĐ-CP; Bổ sung thêm ở Khoản 4 Điều 6 Quy chế này để đầy đủ hơn</p>
5	<p>Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>.....</p> <p>f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.</p>	<p>Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>.....</p> <p>f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và <u>Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.</u></p>	<p>Bổ sung thêm để đầy đủ hơn</p>
6	<p>Điều 13. Nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng quản trị 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ như sau: c) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, quyết định và các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị để thực hiện trong Công ty hoặc gửi các cơ quan hữu quan; ký kết các hợp đồng thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị; ký các văn bản nhân danh Đại hội đồng cổ đông. Riêng đối với dịch vụ công ích thì Chủ tịch Hội đồng quản trị được ký kết các hợp đồng theo kế hoạch đặt hàng và đấu thầu không giới hạn giá trị.</p>	<p>Điều 13. Nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng quản trị 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ như sau: c) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, quyết định và các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị để thực hiện trong Công ty hoặc gửi các cơ quan hữu quan; ký kết các hợp đồng thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị; ký các văn bản nhân danh Đại hội đồng cổ đông. Riêng đối với dịch vụ công ích thì Chủ tịch Hội đồng quản trị được ký kết các hợp đồng theo kế hoạch đặt hàng và đấu thầu không giới hạn giá trị <u>(hoặc uỷ quyền cho Tổng Giám đốc).</u></p>	<p>Bổ sung thêm hoặc uỷ quyền cho TGD</p>
7	<p>Điều 14. Phân cấp trách nhiệm đối với một số công việc quan trọng</p> <p>4. Công tác tổ chức cán bộ, lao động, tiền lương:</p> <p>.....</p> <p>b) Hội đồng quản trị quyết định:</p> <p>.....</p> <p>- Quyết định lương, nâng lương cho Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Chủ tịch công ty con.</p>	<p>Điều 14. Phân cấp trách nhiệm đối với một số công việc quan trọng</p> <p>4. Công tác tổ chức cán bộ, lao động, tiền lương:</p> <p>.....</p> <p>b) Hội đồng quản trị quyết định:</p> <p>.....</p> <p>- Quyết định lương, nâng lương cho Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Chủ tịch công ty con <u>và các chức danh</u></p>	<p>Bổ sung thêm để đầy đủ hơn</p>

	<i>khác do HĐQT bổ nhiệm.</i> 5. Đối với các công ty con: <i>Chủ tịch HĐQT thông qua, ký ban hành Điều lệ và ngành nghề kinh doanh; sửa đổi bổ sung Điều lệ, ngành nghề kinh doanh. Ký các văn bản liên quan việc thành lập, giao vốn, tăng hoặc giảm vốn đối với các công ty con (hoặc ủy quyền cho Tổng Giám đốc).</i>	<i>Bổ sung thêm Khoản 5 tại Điều 14 để thực hiện đối với các công ty con</i>
8	Điều 16. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây: a) e) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;	Điều 16. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây: a) e) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; <u>danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;</u>	<i>Bổ sung thêm cho đầy đủ theo quy định tại Điểm đ Khoản 5 Điều 140 Luật DN</i>
9	Điều 18. Cuộc họp Hội đồng quản trị 9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 13 Điều này. Ủy quyền này cần lưu ý các vấn đề sau: - Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp, nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận; - Giấy ủy quyền cho người khác dự họp phải gửi đến Chủ tịch Hội đồng quản trị trước giờ họp, có thể gửi bằng thư, fax, email, hoặc phương tiện điện tử, hay phương thức khác đảm bảo đến được Công ty (Chủ tịch HĐQT/người được phân công phụ trách tiếp nhận) và phải xuất trình bản chính Giấy ủy quyền và CMND của người được ủy quyền cho Chủ tọa cuộc họp hoặc chứng minh được bản chính giấy ủy quyền với Chủ tọa qua các phương tiện điện tử, sau đó gửi bản chính cho Chủ tịch HĐQT/người được phân công phụ	Điều 18. Cuộc họp Hội đồng quản trị 9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 13 Điều này. Ủy quyền này cần lưu ý các vấn đề sau: - Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp, nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận; - Giấy ủy quyền cho người khác dự họp phải gửi đến Chủ tịch Hội đồng quản trị trước giờ họp, có thể gửi bằng thư, fax, email, hoặc phương tiện điện tử, hay phương thức khác đảm bảo đến được Công ty (Chủ tịch HĐQT/người được phân công phụ trách tiếp nhận) và phải xuất trình bản chính Giấy ủy quyền và <u>CC/CCCD</u> của người được ủy quyền cho Chủ tọa cuộc họp hoặc chứng minh được bản chính giấy ủy quyền với Chủ tọa qua các phương tiện điện tử, sau đó gửi bản chính cho Chủ tịch HĐQT/người được phân công phụ	<i>Theo quy định CMND không còn được sử dụng từ ngày 01/01/2025, nên lược bỏ và</i>

<p>nhận chậm nhất trong vòng 07 ngày. Giấy ủy quyền phải ghi rõ họ tên, địa chỉ, CMND của người ủy quyền và người được ủy quyền, nội dung và phạm vi ủy quyền, thời gian hiệu lực của ủy quyền. Người ủy quyền hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về các công việc của người được ủy quyền thực hiện theo ủy quyền tại cuộc họp Hội đồng quản trị.</p> <p>.....</p> <p>11. Biểu quyết</p> <p>.....</p> <p>d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 42 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;</p> <p>.....</p>	<p>trách tiếp nhận chậm nhất trong vòng 07 ngày. Giấy ủy quyền phải ghi rõ họ tên, địa chỉ, <u>CC/CCCD</u> của người ủy quyền và người được ủy quyền, nội dung và phạm vi ủy quyền, thời gian hiệu lực của ủy quyền. Người ủy quyền hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về các công việc của người được ủy quyền thực hiện theo ủy quyền tại cuộc họp Hội đồng quản trị.</p> <p>.....</p> <p>11. Biểu quyết</p> <p>.....</p> <p>d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 7 Điều 42 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;</p> <p>.....</p>	<p><i>được đổi thành Căn cước/Căn cước công dân; Tại Điều 42 Điều lệ Cty có bổ sung thêm 1 khoản là Khoản 6 (Bổ sung thêm khoản 6 theo quy định của Nghị định 245/2025/NĐ-CP). Do đó khoản 6 được điều chỉnh tăng lên 1 khoản là Khoản 7</i></p>
---	--	--



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Số 422 Võ Văn Kiệt, Khu vực 12, Phường Phú Lợi, Thành phố Cần Thơ

Điện thoại – fax: (0299) 3 822.354 - (0299) 3 825.900

Mã chứng khoán: USD



DỰ THẢO



CÔNG TY CÔNG TRÌNH
ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

**QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH
ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG**

Cần Thơ, tháng 4 năm 2026

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Căn cứ:

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ.DHĐCĐ-CTĐT ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng.



MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	4
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị.....	4
CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	4
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	4
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	5
Điều 5. Số lượng, nhiệm kỳ, và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị.....	5
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	5
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	5
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	6
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	7
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	7
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	8
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	8
Điều 12. Phân công trách nhiệm của các thành viên Hội đồng quản trị.....	10
Điều 13. Nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng quản trị.....	10
Điều 14. Phân cấp trách nhiệm đối với một số công việc quan trọng	13
Điều 15. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch.....	15
Điều 16. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	15
Điều 17. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.....	16
CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	17
Điều 18. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	17
Điều 19. Biên bản họp Hội đồng quản trị	20
Điều 20. Điều kiện làm việc và kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị	21
2. Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị.....	21
CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	21
Điều 21. Trình báo cáo hằng năm	21
Điều 22. Thủ lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	22
Điều 23. Công khai các lợi ích liên quan.....	23
CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	23
Điều 24. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	23



Điều 25. Mối quan hệ với Ban điều hành.....	23
Điều 26. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát.....	24
Điều 27. Hiệu lực thi hành.....	25



CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị và những đối tượng liên quan có đề cập trong Quy chế này.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan, Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp các thông tin, tài liệu được yêu cầu cung cấp để phục vụ cho mục đích cá nhân, không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc lợi ích của Công ty thì không cung cấp.

Điều 5. Số lượng, nhiệm kỳ, và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo có tối thiểu 01 thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.
4. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

2007
CÔNG
CỔ PHẦN
TRƯỜNG
C. T. P.

- e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

17458
3 TY
I AN
Y D O T
ANG
1. CH

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ (10%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ hai mươi phần trăm (20%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

4. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ



đồng trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);
 - e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Chủ tịch công ty con và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- j) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
- q) Yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty;
- r) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
- s) Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp;
- t) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

5. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Phân công trách nhiệm của các thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phân công, ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp theo dõi, phụ trách một hoặc một số mặt công tác của Công ty. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của các thành viên Hội đồng quản trị về các mặt công tác được quy định trong các văn bản phân công. Trường hợp các nội dung công việc chưa được quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn xử lý, thì thành viên Hội đồng quản trị được phân công phụ trách có trách nhiệm trực tiếp trao đổi, đề xuất với Chủ tịch Hội đồng quản trị để thống nhất cách thực hiện.

2. Căn cứ vào nghị quyết, chương trình công tác của Hội đồng quản trị và nhiệm vụ cụ thể được phân công, mỗi thành viên Hội đồng quản trị phải có kế hoạch và biện pháp thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị trực tiếp phụ trách các mặt công tác chưa phân công cho các thành viên khác của Hội đồng quản trị.

Điều 13. Nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ như sau:

a) Là người thay mặt Hội đồng quản trị quản lý, điều hành, quyết định mọi công việc của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm chung tổ chức thực hiện các mặt công tác của Hội đồng quản trị; điều khiển Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường theo quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về công việc của mình.

b) Là người đại diện theo pháp luật của Công ty, là chủ tài khoản của Công ty, có thể ủy quyền cho Tổng Giám đốc hoặc người khác có chức năng để giao dịch với ngân hàng trong phạm vi nhất định trong từng thời kỳ.

c) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, quyết định và các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị để thực hiện trong Công ty hoặc gửi các cơ quan hữu quan; ký kết các hợp đồng thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị; ký các văn bản nhân danh Đại hội đồng cổ đông. Riêng đối với dịch vụ công ích thì Chủ tịch Hội đồng quản trị được ký kết các hợp đồng theo kế hoạch đặt hàng và đấu thầu không giới hạn giá trị (hoặc ủy quyền cho Tổng Giám đốc).

- d) Triệu tập, chủ trì và phân công thành viên Hội đồng quản trị chuẩn bị nội dung các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông; thông báo nội dung cuộc họp và yêu cầu Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát hoặc người quản lý khác (nếu thấy cần thiết) chuẩn bị các tài liệu, báo cáo.
 - e) Quyết định và tổ chức thực hiện việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định của Điều lệ Công ty.
 - f) Theo dõi và đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ giữa 2 kỳ họp Hội đồng quản trị; tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông; có quyền đình chỉ các quyết định của Tổng Giám đốc khi phát hiện các quyết định này trái với các quy định của pháp luật hoặc nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
 - g) Có quyền chủ động điều hành mọi hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông.
 - h) Được quyết định một số biện pháp vượt thẩm quyền trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố...) và chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời báo ngay Hội đồng quản trị và các cơ quan hữu quan có thẩm quyền để giải quyết theo đúng quy định.
 - i) Báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Hội đồng quản trị, kết quả giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và người quản lý khác.
 - j) Phê duyệt bảng tổng hợp thu, chi tài chính của Công ty do Tổng Giám đốc trình.
 - k) Phê duyệt dự toán chi phí hoạt động thường xuyên hàng năm của Công ty và các chi phí bất thường khác, bao gồm cả các chi phí bất thường trong lúc triển khai thực hiện dự án đầu tư do Tổng Giám đốc đề xuất.
 - l) Tuyển dụng Thư ký Công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
 - m) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ chuyên trách, phụ trách chung hoạt động của Hội đồng quản trị và trực tiếp phụ trách công tác tổ chức nhân sự, các dự án đầu tư và những công việc đã được Hội đồng quản trị giao quyền hoặc được pháp luật quy định thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 - n) Được ủy quyền và chịu trách nhiệm về sự ủy quyền của mình. Việc ủy quyền phải thực hiện bằng văn bản.
 - o) Một số nhiệm vụ khác được Hội đồng quản trị ủy quyền thực hiện và các nhiệm vụ quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Các văn bản Chủ tịch Hội đồng quản trị ký:
- Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký các văn bản:
- a) Ký các văn bản thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty.

017
NG
PH
NH
TH
TP

b) Ký với tư cách chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập theo quy định tại Khoản 3 Điều 29 Điều lệ Công ty.

c) Ký các văn bản khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

3. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể ủy quyền bằng văn bản cho một trong số các thành viên khác trong Hội đồng quản trị đảm nhiệm một hay một số công việc của mình. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt mà xét thấy về thời gian và địa điểm không cho phép trực tiếp thực hiện nhiệm vụ được giao thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Là người thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị thực thi các quyền được ủy nhiệm khi Chủ tịch vắng mặt;

b) Ký các văn bản được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền;

c) Trực tiếp phụ trách một số công việc cụ thể do Chủ tịch phân công, ủy quyền;

d) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản trị và pháp luật về việc được ủy quyền;

e) Có quyền từ chối nhận ủy quyền khi xét thấy những điều đó trái với pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Các thành viên khác của Hội đồng quản trị:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ Công ty;

b) Thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị về những quyết định của mình;

c) Tham dự đầy đủ các cuộc họp thường kỳ hoặc bất thường của Hội đồng quản trị; thảo luận và biểu quyết những vấn đề được đưa ra trong cuộc họp hoặc văn bản xin ý kiến; có quyền đề xuất ý kiến với Hội đồng quản trị về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty;

d) Tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế này; thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các quyết định của Hội đồng quản trị có liên quan đến từng thành viên;

e) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế này và pháp luật có liên quan;

f) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực và cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty;

g) Nghiên cứu đánh giá tình hình, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng phát triển Công ty;

h) Ngoài các nhiệm vụ trên, các thành viên Hội đồng quản trị được phân công theo dõi một hoặc một số lĩnh vực quan trọng và công việc cụ thể khác theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

T
Y
C
H
Đ
H
C
H

5. Tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khi thực hiện nhiệm vụ có quyền yêu cầu Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát hoặc người quản lý khác trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch và các thành viên khác trong Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho người không phải là thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Trừ việc ủy quyền tại Khoản 13 Điều 18 của Quy chế này.

7. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, thành viên Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty, thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

Điều 14. Phân cấp trách nhiệm đối với một số công việc quan trọng

1. Đối với các dự án đầu tư và trang bị tài sản cố định:

Quyết định các dự án đầu tư thực hiện theo Điều lệ Công ty và phân cấp giới hạn theo quy định của pháp luật.

- a) Hội đồng quản trị quyết định đầu tư và mua bán tài sản cố định có giá trị từ 10% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính của Công ty tại thời điểm gần nhất. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc quyết định đầu tư và mua bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- b) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ủy quyền cho Tổng Giám đốc quyết định đầu tư và mua bán tài sản cố định có giá trị nhỏ hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính của Công ty tại thời điểm gần nhất.

2. Đối với các hợp đồng kinh tế và dân sự:

- a) Hội đồng quản trị chấp thuận đối với hợp đồng kinh tế, mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ ba mươi lăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- b) Chủ tịch Hội đồng quản trị ký kết hợp đồng kinh tế, mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- c) Tổng Giám đốc ký các các hợp đồng kinh tế theo phân cấp hoặc ủy quyền: Hợp đồng vận chuyển, kinh doanh dịch vụ công ích, mua, bán vật tư, sửa chữa phương tiện chuyên dùng, sửa chữa nâng cấp, bảo dưỡng các công trình xây dựng, mua sắm thay thế các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động, sản xuất kinh doanh của Công ty theo ngành nghề đăng ký, nhưng phải chú ý đến yếu tố hiệu quả.

3. Duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị thông qua và báo cáo Đại hội đồng cổ đông kế hoạch hàng năm, trung hạn và dài hạn của Công ty;
- b) Chủ tịch Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch hàng năm của Công ty;
- c) Tổng Giám đốc phê duyệt kế hoạch của các đơn vị trực thuộc Công ty.

4. Công tác tổ chức cán bộ, lao động, tiền lương:

a) Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định:

- Thông qua Điều lệ và những nội dung sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật thành viên Hội đồng quản trị, BKS.

b) Hội đồng quản trị quyết định:

- Phê duyệt phương án tổ chức quản lý, tổ chức kinh doanh; thành lập công ty con, mở chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty ở trong nước.

- Quyết định bộ máy quản lý, điều hành của Công ty và điều chỉnh khi cần thiết theo đề nghị của Tổng Giám đốc.

- Bổ nhiệm (hoặc thuê), miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Chủ tịch công ty con, Trưởng văn phòng đại diện, người đại diện phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác.

- Quyết định lương, nâng lương cho Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Chủ tịch công ty con và các chức danh khác do HĐQT bổ nhiệm.

- Phê duyệt kế hoạch quỹ tiền lương và kế hoạch sử dụng lao động hàng năm theo đề nghị của Tổng Giám đốc.

c) Tổng Giám đốc quyết định:

- Phê duyệt chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc phù hợp với phương án tổ chức quản lý, kinh doanh của Công ty.

- Tổng Giám đốc báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị chấp thuận trước khi thực hiện các nội dung sau:

+ Phương án tổ chức và điều hành của các đơn vị trực thuộc. Phương án thành lập, tách nhập, giải thể các đơn vị trực thuộc.

+ Định mức lao động đơn vị trực thuộc.

+ Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật; quyết định lương và các lợi ích khác đối với Trưởng, phó các đơn vị trực thuộc Công ty; Giám đốc, Phó Giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng công ty con (sau khi thông qua và được sự chấp thuận của Chủ tịch Hội đồng quản trị). Được quyết định đối với các chức danh từ Trưởng các tổ, đội trở xuống.

+ Đầu tư, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư tài chính, kế hoạch tiền lương và sử dụng lao động.

- Trên cơ sở kế hoạch quỹ tiền lương và kế hoạch sử dụng lao động hàng năm đã được Hội đồng quản trị phê duyệt, Tổng Giám đốc ký hợp đồng lao động, bố trí, sử dụng, điều động lao động, chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động theo quy định của pháp luật và phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

5. Đối với các công ty con:

Chủ tịch HĐQT thông qua, ký ban hành Điều lệ và ngành nghề kinh doanh; sửa đổi bổ sung Điều lệ, ngành nghề kinh doanh. Ký các văn bản liên quan việc thành lập, giao vốn, tăng hoặc giảm vốn đối với các công ty con (hoặc ủy quyền cho Tổng Giám đốc).

Điều 15. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch giữa Công ty với người có liên quan

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- a. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- b. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- c. Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

3. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 16. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn ngắn hơn. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- e) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- f) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- g) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- h) Các công việc khác phục vụ đại hội.

Điều 17. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

01/17
ÔN
Ổ P
TRIN
C TI
71.7

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 18. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự

hợp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 13 Điều này. Ủy quyền này cần lưu ý các vấn đề sau:
 - Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp, nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;
 - Giấy ủy quyền cho người khác dự họp phải gửi đến Chủ tịch Hội đồng quản trị trước giờ họp, có thể gửi bằng thư, fax, email, hoặc phương tiện điện tử, hay phương thức khác đảm bảo đến được Công ty (Chủ tịch HĐQT/người được phân công phụ trách tiếp nhận) và phải xuất trình bản chính Giấy ủy quyền và CC/CCCD của người được ủy quyền cho Chủ tọa cuộc họp hoặc chứng minh được bản chính giấy ủy quyền với Chủ tọa qua các phương tiện điện tử, sau đó gửi bản chính cho Chủ tịch HĐQT/người được phân công phụ trách tiếp nhận chậm nhất trong vòng 07 ngày. Giấy ủy quyền phải ghi rõ họ tên, địa chỉ, CC/CCCD của người ủy quyền và người được ủy quyền, nội dung và phạm vi ủy quyền, thời gian hiệu lực của ủy quyền. Người ủy quyền hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về các công việc của người được ủy quyền thực hiện theo ủy quyền tại cuộc họp Hội đồng quản trị.
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện điện tử hoặc phương thức khác đảm bảo đến được Công ty (người được phân công phụ trách tiếp nhận).

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Biểu quyết

- a) Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 18 Quy chế này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 9 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
- b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

- c) Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 18 Quy chế này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
- d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 7 Điều 42 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
- e) Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

14. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được biểu quyết thông qua và có hiệu lực thi hành khi được đa số (trên 50%) thành viên (kể cả đại diện theo ủy quyền) dự họp chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị ý kiến cá nhân những vấn đề chưa nhất trí.

15. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty.

Ý kiến phản hồi của các thành viên có thể gửi bằng thư, fax, email hoặc phương tiện điện tử hay phương thức khác đảm bảo đến được Công ty, được gửi cho bộ phận thư ký Hội đồng quản trị chậm nhất 3 ngày kể từ ngày nhận được tài liệu (trường hợp phải lấy ý kiến gấp, thời gian phản hồi ý kiến sẽ được ghi trong văn bản lấy ý kiến). Nếu sau thời hạn yêu cầu trả lời, thành viên Hội đồng quản trị không trả lời xem như thành viên Hội đồng quản trị đó đồng ý.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

16. Tùy theo tính chất từng cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể mở rộng thêm thành phần dự họp. Thành viên được mời có quyền tham gia ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết.

Khi cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể triệu tập cuộc họp để thu thập tình hình và đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.

17. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

18. Trong cuộc họp Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền giải trình cụ thể thêm những vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và các dự án do Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị.

19. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 19. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 20. Điều kiện làm việc và kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Điều kiện làm việc của Hội đồng quản trị
 - a. Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy điều hành, phương tiện vật chất kỹ thuật và con dấu của Công ty để thực hiện chức năng quản lý Công ty. Ngoài ra, Hội đồng quản trị có thể hợp đồng mời tư vấn, thẩm định thường xuyên hoặc theo công việc cụ thể;
 - b. Phòng làm việc của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị được đặt tại trụ sở làm việc của Công ty. Điều kiện, phương tiện làm việc, văn phòng phẩm phục vụ hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị được áp dụng theo quy định chung của Công ty;
 - c. Phòng Tổ chức – Hành chính Công ty có trách nhiệm nhận và chuyển tất cả các công văn tài liệu của Hội đồng quản trị, những văn bản của cơ quan cấp trên thuộc trách nhiệm xử lý của Hội đồng quản trị phải gửi đến Chủ tịch Hội đồng quản trị. Những văn bản có tính chất điều hành thuộc quyền xử lý của Tổng Giám đốc thì gửi Tổng Giám đốc, đồng thời sao gửi cho Chủ tịch Hội đồng quản trị để báo cáo, trao đổi hoặc xin ý kiến chỉ thị thực hiện. Văn thư Công ty sao gửi các thành viên Hội đồng quản trị những tài liệu liên quan đến Hội đồng quản trị về quản lý nhà nước, các quyết định điều hành của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc Công ty.
2. Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị
 - a. Chi phí hoạt động để phục vụ cho nhiệm vụ các thành viên Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị duyệt (theo những khoản chi đã được định mức) và được thanh toán vào chi phí của Công ty theo chứng từ, hóa đơn phù hợp với chế độ kế toán, tài chính theo quy định của pháp luật và của Công ty;
 - b. Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên khác của Hội đồng quản trị được hưởng thù lao theo nghị quyết của Hội đồng quản trị và các chi phí hợp lý cần thiết khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 21. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
 - a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;

- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 22. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 23. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 25. Mối quan hệ với Ban điều hành

1. Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

458
TY
AN
ĐỒ
IÁN
TP. S

2. Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm nghiên cứu, xây dựng đề án các mặt hoạt động của Công ty để trình Hội đồng quản trị. Khi tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện vấn đề không phù hợp với luật pháp hiện hành thì Tổng Giám đốc báo cáo ngay với Chủ tịch Hội đồng quản trị để điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định đó.

3. Tổng Giám đốc có quyền chủ động quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định phân cấp được Hội đồng quản trị, Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty đã ban hành; khi có phát sinh những vấn đề vượt thẩm quyền, Tổng Giám đốc phải xin ý kiến Chủ tịch Hội đồng quản trị trước khi xử lý. Trong quá trình điều hành Công ty, Tổng Giám đốc có thể quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, sự cố...) nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời phải báo cáo ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị biết. Thời gian báo cáo ngay không trễ hơn 24 giờ.

4. Định kỳ tháng, quý, năm, Tổng Giám đốc phải gửi báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho Chủ tịch Hội đồng quản trị (chậm nhất sau 20 ngày hết tháng, sau 30 ngày hết quý, sau 45 ngày hết năm) kiến nghị những vấn đề cần giải quyết và phương hướng nhiệm vụ trong nhiệm kỳ tới. Báo cáo đột xuất khi xảy ra hoặc nhận thấy có nguy cơ biến động bất thường lớn, Tổng Giám đốc phải kịp thời báo cáo đột xuất bằng văn bản hoặc các phương tiện thông tin nhanh nhất với Chủ tịch Hội đồng quản trị để có biện pháp xử lý.

5. Hội đồng quản trị có thể cử đại diện tham gia các buổi họp giao ban của Ban Tổng Giám đốc.

6. Các cuộc khảo sát trong và ngoài nước, đàm phán ký kết hợp đồng có giá trị theo phân cấp của Công ty, Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị để dự hoặc cử thành viên Hội đồng quản trị tham dự hoặc mời luật sư tư vấn.

7. Các cuộc họp đặc biệt quan trọng có liên quan đến cơ chế, chính sách, hướng phát triển trung, dài hạn hoặc xử lý những vấn đề đang vướng mắc lớn của Công ty do các cơ quan, đơn vị liên quan mời Công ty thì phải thông báo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, tùy theo tính chất cuộc họp để phân công cụ thể từng thành viên tham dự, sau đó báo cáo lại tại cuộc họp Hội đồng quản trị gần nhất.

8. Thành viên Hội đồng quản trị có thể trực tiếp làm việc với các thành viên điều hành, các đơn vị trực thuộc Công ty, công ty con để thực hiện nhiệm vụ được phân công và chuẩn bị ý kiến cho cuộc họp Hội đồng quản trị. Khi làm việc thành viên Hội đồng quản trị có thể gợi ý, trao đổi, yêu cầu cung cấp thông tin, số liệu nhưng không vi phạm lĩnh vực điều hành của Tổng Giám đốc. Khi phát hiện các vấn đề cần thiết giải quyết thuộc trách nhiệm điều hành của Tổng Giám đốc, các thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp trao đổi với Tổng Giám đốc để giải quyết kịp thời. Các thành viên điều hành, các đơn vị trực thuộc Công ty, công ty con có trách nhiệm làm việc, báo cáo và cung cấp tài liệu, thông tin cần thiết theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 26. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.
3. Việc kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
4. Ban kiểm soát thông báo kịp thời với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động kiểm soát. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
5. Ban kiểm soát kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
6. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty thì Ban kiểm soát phải thông báo ngay bằng văn bản với Chủ tịch Hội đồng quản trị trong vòng hai mươi bốn (24) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng bao gồm 7 Chương, 27 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 4 năm 2026.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Số: 01/NQ.ĐHĐCĐ-CTĐT

Cần Thơ, ngày 28 tháng 4 năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng sửa đổi bổ sung thông qua ngày 28/4/2026;
- Căn cứ Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01/QC.ĐHĐCĐ-CTĐT, ngày 28/4/2026 của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 03/BB.ĐHĐCĐ-CTĐT, ngày 28/4/2026 của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2025 và các chỉ tiêu chính của Kế hoạch sản xuất kinh doanh, phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2026 như sau:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025:

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN (đồng)
1	Tổng doanh thu	223.901.866.696
2	Lợi nhuận trước thuế	24.627.517.203
3	Lợi nhuận sau thuế	21.196.948.858
4	Chi trả cổ tức	10.976.000.000
	Tỷ lệ chi trả cổ tức (%)	19,6%

2. Chi tiêu chính của Kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2026:

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN (đồng)
1	Tổng doanh thu	236.598.197.832
2	Lợi nhuận trước thuế	25.032.089.331
3	Lợi nhuận sau thuế	21.524.129.380
4	Trích lập các quỹ	10.884.129.380
	- Quỹ đầu tư phát triển	1.076.206.469
	- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.076.206.469
	- Quỹ thưởng Ban điều hành	1.076.206.469
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7.655.509.973
5	Chi trả cổ tức	10.640.000.000
	Tỷ lệ chi trả cổ tức (%)	19

ĐHĐCĐ giao cho HĐQT chỉ đạo thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 được ĐHĐCĐ thông qua và quyết định điều chỉnh một số chỉ tiêu theo tình hình thực tế của Công ty (khi cần thiết), báo cáo Cổ đông tại ĐHĐCĐ tiếp theo.

Điều 2. Thông qua Báo cáo kết quả thực hiện các dự án đầu tư trong năm 2025 và Phương hướng đầu tư năm 2026.

Công ty tiếp tục thực hiện các dự án còn dở dang, chưa được thực hiện và đang thực hiện của năm 2025 bao gồm:

1. Nhóm dự án do Công ty tham gia đầu tư khi Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (trước đây là Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng) kêu gọi đầu tư:

a) Dự án đầu tư xây dựng Trạm trung chuyển rác tại thành phố Sóc Trăng (cũ).

b) Dự án đầu tư xây dựng Công nghệ xử lý rác thải tại thị xã Vĩnh Châu (cũ).

2. Nhóm dự án do Công ty làm chủ đầu tư để mở rộng sản xuất kinh doanh:

a) Dự án đầu tư xây dựng An viên Thiên đường Sóc Trăng (giai đoạn 2).

b) Dự án đầu tư xây dựng Xử lý chất thải công nghiệp (nguy hại và không nguy hại).

c) Đề án đầu tư Vườn ươm thành phố Sóc Trăng (cũ).

ĐHĐCĐ giao cho HĐQT chỉ đạo Công ty tiếp tục thực hiện các dự án còn dở dang, chưa được thực hiện và đang thực hiện của năm 2025. Tổ chức phê duyệt từng dự án theo thẩm quyền và quyết định điều chỉnh một số nội dung theo tình hình thực tế của Công ty (khi cần thiết), báo cáo Cổ đông tại ĐHĐCĐ tiếp theo.



Điều 3. Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2025 và phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2025 như sau:

1. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2025 theo Báo cáo số 4.0074/26/TC-AC ngày 02/3/2026 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C Chi nhánh Tây Nam Bộ.

2. Phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2025:

Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt 21.196.948.858 đồng, được phân phối như sau:

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN (đồng)
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN được phân phối	21.196.948.858
2	Trích lập các quỹ	10.220.948.858
	- Quỹ đầu tư phát triển	1.335.407.778
	- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.335.407.778
	- Quỹ thưởng Ban điều hành	689.356.250
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.860.777.052
3	Chi trả cổ tức (19,6%)	10.976.000.000
4	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	0

DHĐCĐ giao HĐQT chỉ đạo thực hiện việc trích lập các quỹ, xác định thời điểm (dự kiến chi vào ngày 30/6/2026) và thủ tục chi trả cổ tức năm 2025 bằng tiền cho Cổ đông theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty (cổ tức của năm 2025 đã chi tạm ứng: 15,2%, còn lại: 4,4%).

Điều 4. Thông qua Báo cáo thực hiện tiền lương của Người điều hành doanh nghiệp năm 2025; Báo cáo thực hiện thù lao của thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2025; Kế hoạch thù lao của thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2026 như sau:

1. Tiền lương thực hiện của Người điều hành doanh nghiệp năm 2025:

- Tiền lương thực hiện của Người điều hành Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng là 2.220.000.000 đồng.

- Tiền lương thực hiện của Người điều hành Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Vĩnh Châu, Công ty TNHH MTV Cơ khí - Xây dựng Đô thị Sóc Trăng và Công ty TNHH MTV Chiêu sáng Sóc Trăng là 2.009.100.000 đồng.

2. Thù lao thực hiện của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2025:

- Thù lao thực hiện của Hội đồng quản trị là 1.205.700.000 đồng.

- Thù lao thực hiện của Ban Kiểm soát là 346.800.000 đồng.

3. Kế hoạch thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2026:

Thù lao kế hoạch năm 2026 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát từ 0,7% đến 0,9% trên tổng doanh thu hợp nhất của Công ty năm 2026 tùy theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

Điều 5. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026.

Điều 6. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và Phương hướng hoạt động năm 2026.

Điều 7. Thông qua Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026.

ĐHĐCĐ giao cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập theo đề nghị của Trưởng ban kiểm soát để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng theo quy định của pháp luật và ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với Công ty kiểm toán được lựa chọn.

Điều 8. Thông qua Tờ trình về việc cập nhật sửa đổi ngành, nghề kinh doanh theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

ĐHĐCĐ thống nhất cập nhật sửa đổi ngành, nghề kinh doanh của Công ty vào Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng tương ứng với nội dung ngành, nghề kinh doanh của Giấy xác nhận số 14448/26, ngày 11/3/2026 về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do Phòng Đăng ký Kinh doanh Sở Tài chính Thành phố Cần Thơ cấp.

Điều 9. Thông qua sửa đổi bổ sung Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng.

Điều 10. Thông qua sửa đổi bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng.

Điều 11. Thông qua sửa đổi bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng.

ĐHĐCĐ giao cho Chủ tịch HĐQT Công ty hoàn thiện, tổ chức triển khai và thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết liên quan và phát sinh (nếu có) để thực hiện việc sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định và ban hành thực hiện.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này được ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng biểu quyết thông qua vào ngày 28/4/2026 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các Cổ đông của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai thực hiện theo thẩm quyền, chức năng

hoạt động của mình phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Nơi nhận:

- Như Điều 12;
- UBCKNN, Sở GDCKHN;
- Website Cty;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- Các đ/vj trực thuộc Cty;
- Lưu VT, Qtrj kiêm Tký Cty.